

Tên sách: Tây Nguyên dấu ấn một thời

Tác giả: Thiếu tướng Hồ Đệ

Nhà xuất bản: Quân đội Nhân dân

Năm xuất bản: 2005

Lời giới thiệu

Chiến tranh ngày càng lùi dần về quá khứ, việc tổng kết chiến tranh, viết các chiến lệ trận đánh, các ký ức chiến trường, các hồi ký của những người đã tham gia vào giai đoạn lịch sử đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước càng trở nên quan trọng. Đó là cơ sở để thế hệ mai sau hiểu và biết trân trọng thành quả chiến đấu, sự hy sinh cao cả của các thế hệ cha anh, tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước một cách triệt để hơn nữa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

Xuân 1975 là mốc lịch sử chói lọi nhất của cuộc chiến tranh giành độc lập thống nhất cho đất nước. Mở đầu cho mốc lịch sử đó là chiến dịch Tây Nguyên, đã tạo ra thời cơ chiến lược mới để chuyển từ tiến công chiến lược thành Tổng tiến công chiến lược. Đây cũng là chiến dịch quyết định để Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975.

Vai trò và tính chất lịch sử của chiến trường Tây Nguyên và các đơn vị đã tham gia trên chiến trường ấy đã được nhiều sách báo nói đến. Nhưng dù sao, ở nhiều những khía cạnh khác nhau, những tìm tòi nghiên cứu rút ra những bài học kinh nghiệm với những suy nghĩ khác nhau cũng chưa thể đầy đủ. Vì thế việc tiếp tục viết hồi ký của các cán bộ chỉ huy đã trực tiếp ở chiến trường Tây Nguyên cũng như ở các chiến trường khác đều rất cần thiết.

Thiếu tướng Hồ Đệ là một cán bộ chỉ huy chiến đấu, trải qua nhiều vị trí công tác khác nhau, phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong điều kiện khó khăn, phức tạp đã vận dụng sáng tạo được nhiều cách đánh hay, nhiều loại hình chiến thuật phong phú chỉ huy đơn vị đánh thắng địch giòn giã. Qua thực tiễn, bản lĩnh chỉ huy và khả năng hoàn thành trách nhiệm của đồng chí được thể hiện rõ nhất trong thời gian làm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 10 cho đến ngày kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong mùa Xuân 1975.

Vì vậy, tập hồi ký của đồng chí Hồ Đệ đã tập trung vào đó bằng những thực tiễn cụ thể của quá trình chỉ huy chiến đấu.

Đây là một tài liệu tốt đóng góp vào văn kiện lịch sử của chiến tranh, giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm đấu tranh vũ trang, phát huy truyền thống thượng võ và nghệ thuật quân sự độc đáo của dân tộc nói chung và của lực lượng vũ trang nhân dân nói riêng, để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Thượng tướng, Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân HOÀNG MINH THẢO

Thưa cùng bạn đọc

Suốt cuộc đời quân ngũ, tôi đã qua nhiều vị trí công tác, được tham gia chiến đấu cùng nhiều đơn vị, nhưng quãng thời gian được cấp trên giao nhiệm vụ làm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 10, tham gia chiến dịch Tây Nguyên - mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, cùng quân và dân cả nước

làm nên đại thắng mùa Xuân 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm sâu sắc. Đây là một trong những giai đoạn lịch sử hào hùng nhất của dân tộc, nên đối với tôi, những năm tháng ấy đã cho tôi được tôi luyện thêm trưởng thành, ngày càng vững vàng hơn trong thực tiễn chiến đấu và công tác.

Trong cuộc đời chiến đấu của mỗi người, ai cũng có kỷ ức của riêng mình, đó có thể là những kỷ niệm vui, buồn,... nhưng đó mãi mãi là những kỷ ức đẹp trong một đời người. Thời gian gắn bó với Sư đoàn 10 những ân tình đồng chí, đồng đội, ân nghĩa đồng bào Tây Nguyên - nơi sư đoàn dừng chân, cùng phối hợp chiến đấu với lực lượng vũ trang địa phương, vô cùng to lớn, đã in sâu trong tâm trí tôi suốt cuộc đời chiến đấu và cho đến tận khi đã về hưu. Đó là những tháng ngày tôi đã cùng cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 10 vượt qua bao khó khăn, gian khổ, xây dựng đơn vị vững mạnh giữ vững quyết tâm chiến đấu, cùng quân dân Tây Nguyên lập nên nhiều chiến thắng quan trọng, góp phần cùng quân dân cả nước đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Kỷ niệm về những năm tháng chiến đấu và công tác ở Sư đoàn 10 (giai đoạn tôi làm Sư đoàn trưởng) đã thôi thúc tôi viết “Tây Nguyên - Dấu ấn một thời”. Đây cũng là một dịp để tôi nhớ về mảnh đất và nhân dân Tây Nguyên kiên trung bất khuất, nhớ về đồng chí, đồng đội đã kề vai sát cánh cùng tôi xông pha lửa đạn, chia ngọt xẻ bùi trên mọi nẻo đường chiến đấu, ai còn ai mất, ai trở lại quê hương, ai nằm lại nơi chiến trường...

Quá trình viết cuốn hồi ký này, tôi đã được Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 Sư đoàn 10 và nhiều bạn bè, đồng đội thân thiết động viên, góp ý kiến; được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân giúp đỡ sửa chữa bản thảo và giới thiệu với bạn đọc... Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

Mặc dù tôi đã cố gắng trong thể hiện nhưng do còn nhiều hạn chế, thêm vào đó thời gian trôi qua đã gần 30 năm, nhiều sự kiện diễn ra trong nhiều hoàn cảnh khác nhau nên khó tránh khỏi khiếm khuyết, rất mong nhận được sự góp ý, phê bình của bạn đọc.

Thiếu tướng HỒ ĐỆ

Chương một MỘT ĐỢT TẬP HUẤN NHIỀU Ý NGHĨA

* RA BẮC TẬP HUẤN

Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược với quy mô rộng lớn trên chiến trường miền Nam trong năm 1972 và chiến thắng oanh liệt của quân và dân ta đánh thắng cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, thị xã khác trên miền Bắc buộc đế quốc Mỹ ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Nhưng với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, phía Mỹ không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, trắng trợn chà đạp lên các điều khoản của hiệp định, tiếp tục thực hiện học thuyết Ních-xơn, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Quân ngụy Sài Gòn được chủ Mỹ hà hơi tiếp sức vẫn ngoan cố theo đuổi âm mưu dùng sức mạnh quân sự cố lần chiếm vùng giải phóng của ta. Chiến sự vẫn chưa chấm dứt, có nơi, có lúc còn ác liệt hơn trước.

Cuối năm 1973, tại chỉ huy sở mặt trận Tây Nguyên ở phía tây tỉnh Kon Tum, Bộ tham mưu mặt trận đang bàn rôn tổng hợp tình hình để chuẩn bị cho Bộ tư lệnh mặt trận tổng kết và đề ra phương hướng chiến đấu cho năm 1974. Sau khi phân tích tình hình địch - ta, Bộ tư lệnh mặt trận Tây Nguyên chủ trương: Không thể ngồi nhìn Mỹ - ngụy ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari. Phải kiên quyết tiêu diệt quân địch lần chiếm bằng cả phản công và tiến công,

phối hợp trên nhiều hướng cả phía trước, lẫn phía sau, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, đẩy chúng vào thế bị động.

Thực hiện chủ trương trên, kế hoạch năm 1974 ta đề ra là phải giải quyết được 2 khu vực Đắc Pét (bắc Kon Tum) và khu căn cứ địa ở Măng Đen, thì đường chiến lược mới bảo đảm an toàn thông suốt vào phía Nam.

Đúng vào lúc này, có điện từ Hà Nội gửi vào triệu tập một số cán bộ trung, cao cấp của mặt trận ra dự lớp tập huấn. Sau khi bàn bạc, Bộ tư lệnh đã chỉ định tôi phụ trách cùng đồng chí Lưu Quý Ngữ - Phó chính ủy Sư đoàn 10 đưa đoàn cán bộ gồm 36 đồng chí ra Hà Nội tập huấn.

Khi giao nhiệm vụ và trao cho tôi bản danh sách, đồng chí Thái Bá Nhiệm - Phó chủ nhiệm chính trị nói với tôi: Đây là số cán bộ có sự lựa chọn và dự kiến sau khi đi tập huấn về sẽ đề cử phụ trách các đơn vị.

Sau đó, Phòng Chính trị tới tập thông báo cho cán bộ bàn giao công việc để đi, làm nhốn nháo cả cơ quan. Thông báo cũng nói rõ: 4 ngày sau phải có mặt đầy đủ tại trạm khách cạnh tiểu đoàn vệ binh. Thế là hầu hết cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan tranh thủ viết thư đề gửi cho đoàn; thiếu giấy, thiếu phong bì và tem, anh em đi xin nhau nháo nhác. Có anh viết liền 3 - 4 lá thư, nhưng rồi cũng ghi địa chỉ vào một mảnh giấy, yêu cầu ra đây gửi hoặc đưa thẳng về nhà. Chỉ riêng một việc này cũng làm rắc rối cho đoàn, vì có cả một bao tải thư to, buộc chúng tôi phải tính quê quán từng anh, ai ở quê đâu thì mang thư cho anh em về quê đó, còn không thì ra Hà Nội mua phong bì và tem gửi qua bưu điện.

Sau khi bàn giao công việc cho đồng chí phụ trách, tôi cùng đoàn lên đường

đúng thời gian quy định. Kết thúc một giai đoạn gắn bó với Sư đoàn 10 và sống, chiến đấu trên mặt trận Tây Nguyên. Thấm thoát tôi đã vào chiến trường Tây Nguyên được 5 năm. Một thời gian được coi là dài nhưng vẫn chưa đủ để tôi hiểu được hết về chiến trường Tây Nguyên. Song qua công tác, được sự giúp đỡ của đồng chí, đồng đội cùng sự chỉ đạo của cấp trên nên khi chia tay trong tôi không khỏi bồi hồi, xúc động lẫn lộn bao tình cảm: một phần mừng là sẽ được ra Bắc, gặp lại người thân trong gia đình, một phần thương anh em ở lại phải gánh vác thêm nhiều việc, nhớ thương đồng bào và mảnh đất Tây Nguyên - nơi đây, tôi đã được tôi luyện qua thử thách mà trưởng thành.

Trước khi lên đường, Bộ tư lệnh còn dặn phải bảo đảm cho anh em đi học tốt, đi đến nơi về đến chốn. Khi cùng cán bộ Phòng Chính trị ra tới trạm khách, tôi kiểm tra anh em đủ mặt. Không ngờ đồng chí Phạm Văn Vượng (Trung đoàn 66) Và đồng chí Nguyễn Văn Bảy (Trung đoàn 95) mang đến một bọc thịt voi to và một bình rượu tự nấu. Thế là hôm đó trở thành bữa liên hoan rất vui vẻ.

Ngồi liên hoan với đoàn, tôi cứ nghĩ đến sự cố gắng tăng gia sản xuất, tự lực cánh sinh của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị trên chiến trường. Mặt trận Tây Nguyên là một chiến trường rộng, quân chủ lực đông mà nhiệm vụ chiến lược hàng năm lại rất nặng, hậu cần chi viện cũng gặp nhiều khó khăn. Do đó, Bộ tư lệnh mặt trận phải động viên tinh thần sản xuất tự túc của các đơn vị. Bên cạnh sản xuất tự túc, Tây Nguyên còn có nhiều thực phẩm sẵn ở rừng. Mùa mưa thì có măng, có nấm,... mùa khô thì có thịt thú rừng... nên mặc dầu thiếu thốn đủ thứ, nhưng nhờ sự tự lực cánh sinh đó mà khắc phục được nhiều khó khăn thiếu thốn như: quân y thì tận dụng lá rừng để chữa bệnh và cứu thương binh; đơn vị chiến đấu thiếu cuộc xẻng đào công sự thì tổ chức rèn tại chỗ; phát rẫy, làm nương tăng gia trồng sắn, trồng khoai để cải thiện bữa ăn, v.v. Bám trụ được ở chiến trường khó khăn thiếu thốn thì vấn đề biết tự lực cánh sinh đã trở thành vấn đề chiến lược đối với tất cả các đơn vị.

Cuộc sống ở Tây Nguyên mà tôi được trải qua là như thế đó. Dù thiếu thốn, cực khổ nhưng rất ấm áp tình cảm của anh em. Tất cả đều lo tự cấp tự túc nên thiếu lại hóa thừa, không đói mà lại no, thừa tình nghĩa, no cơm no cả tấm lòng.

*

Trên tuyến đường Trường Sơn, xe tải và xe con đã vào đến tận Tây Nguyên. Ngày đêm rầm rập xe từ miền Bắc vào, xe từ miền Nam ra, hầu như không ngớt. Các đơn vị binh chủng liên tiếp dồn vào chiến trường đủ mọi loại, từ xe tăng thiết giáp, pháo binh, cao xạ có xe kéo và công binh đủ mọi phương tiện, các đoàn tân binh bổ sung liên tiếp vào chiến trường, làm cho chúng tôi cảm thấy xôn xao, náo nức, cứ đoán già, đoán non với nhau là chắc sắp có chuyện mới.

Đường ống dẫn dầu đang nối tiếp kéo dài, đã vào tới chiến trường Tây Nguyên, dọc đường xe của đoàn thiếu xăng lúc nào thì ghé vào trạm lấy xăng lúc ấy. Đoàn đã tự túc mọi thứ trên xe, mệt thì dừng lại nghỉ, hoặc ở binh trạm, hoặc ở cùng cụm kho. Cuộc hành trình của đoàn chúng tôi đến đây coi như đã vượt qua được chặng đường đầu tiên. Ai nấy đều mệt mỏi nhưng vui. Dọc đường đi không có gì xảy ra đáng tiếc. Có thể nói là rất an toàn.

Trên đường đi vui có, buồn có nhưng hầu hết anh em trong đoàn đều cảm thấy thương yêu, gắn bó với nhau hơn và càng thấy quý hơn, trân trọng hơn tình đồng đội. Vì mỗi người từ khi bước chân lên đường đều tự ý thức và cảm nhận được nhiệm vụ của mình, nên ai nấy đều cố gắng. Bạn bè dọc đường lo toan cho nhau chẳng khác gì người thân trong gia đình. Tôi thầm so sánh chuyến đi ra lần này khác hẳn chuyến đi vào năm 1968, đoàn của tôi phải đi bộ theo giao liên đã đành, còn cơm trạm gạo mốc, cá khô có mùi, thiếu rau, nên bữa cơm đạm bạc, máy bay địch lại bắn phá suốt chặng đường, trắc trở đủ mọi chuyện. Cũng vẫn những cảnh vật ấy nhưng trong chuyến đi vào lần trước, chúng tôi phải đi ban đêm, vừa đi vừa phải cảnh giác lo đối

phó với máy bay địch nên chẳng còn tâm trí đâu mà ngắm cảnh. Bây giờ thì xe của đoàn vượt đèo qua suối, lặn vượt ổ gà tránh ổ trâu, nhưng được ngại trang cẩn thận nên chạy cả ban ngày, thỉnh thoảng mới có một vài tiếng rú của máy bay địch vút qua trên đầu, được phóng tầm mắt nhìn ra xa, chúng tôi có thể thấy mọi cảnh vật, núi rừng thật hùng vĩ. Tình cảnh quân ngại ở chiến trường nay so với trước đã khác quá nhiều. Khi mới tiến hành Việt Nam hóa chiến tranh, với công thức “quân của ngại, hỏa lực của Mỹ”, tổng thống ngại kêu gào tràn ngập lãnh thổ, thì ào ạt phi pháo đánh đồn đập khắp nơi, một ngày chưa dứt thì đánh tiếp hai ba ngày liên tục, mỗi ngày 80 - 90 lần chiếc máy bay, hàng trăm hàng ngàn quả đạn pháo dội xuống nơi đang giáp chiến. Giờ đây chỉ có 3 - 4 lần chiếc máy bay A37 cùng vài trăm quả đạn pháo chẳng thấm vào đâu. So với trước chúng cũng không còn khả năng đánh chặn trên tuyến đường chiến lược miền Bắc chi viện cho miền Nam. Lượng phi pháo giảm đi làm cho binh lính ngại càng sa sút tinh thần vì mất chỗ dựa. Tổng thống ngại quyền Nguyễn Văn Thiệu bây giờ lại gào thét “đánh theo kiểu con nhà nghèo”, càng làm cho binh lính chúng mất tinh thần. Thế địch và thế ta đã hoàn toàn khác trước.

Đoàn tập huấn chúng tôi vừa đi từng chặng, vừa có ngày ở lại nghỉ ngơi, nên mất 6 ngày leo đèo lội suối mới ra tận Bản Đông để sáp nhập trạm giao liên miền Bắc. Khi qua Cam Lộ lúc gần chập choạng tối, xe con của tôi đi trước, một con nai chạy vụt qua trước xe ngang đường, nó ngoảnh lại cách xe đang chạy 40 mét thì lập tức đồng chí chiến sĩ bảo vệ bắn luôn 2 phát AK. Con nai trúng đạn gục xuống. Thế là đoàn vào Đông Hà dừng lại trạm, làm thịt nai thui. Đồng bào đến xem, ai cũng khen bộ đội Tây Nguyên bắn giỏi. Tôi hỏi đồng chí bảo vệ: Tại sao chưa có lệnh tôi, đồng chí đã bắn. Đồng chí Lưu Quý Ngử đỡ lời luôn: Chờ có lệnh thủ trưởng, thì còn nai đâu mà bắn. Tôi thầm nghĩ, thật đáng mừng, ở Tây Nguyên đánh giặc, lắm lúc địch ở cả phía trước và phía sau, biệt kích luồn sâu, có lúc chúng chui vào gần sát sở chỉ huy, thế trận xen kẽ giữa ta và địch, tiền phương, hậu phương đều là mặt trận chiến đấu. Từ anh nuôi quân đến chiến sĩ thông tin liên lạc, cũng như vận tải cứu thương đi dọc đường cũng phải sẵn sàng đánh địch. Do đó ai cũng chăm lo việc rèn luyện để đánh giặc, không riêng gì đơn vị chiến đấu, thực sự ai cũng đã trở thành người chiến binh đánh giỏi, bắn trúng.

Nhập trạm miền Bắc, có nhà nghỉ ngơi chu đáo, có nơi ăn ở đàng hoàng. Sau khi tắm sạch sẽ, lại có cơm ngon, canh nóng sốt, nên ai cũng cảm thấy người khỏe hẳn lên. Tâm tư mọi người đều muốn nhanh chóng được về thăm gia đình để biết ai còn ai mất...

Hầu hết anh em trong đoàn đều là người quê từ Nghệ An trở ra, nên khi nhập trạm ở Vinh, chúng tôi bàn thống nhất, qua đây dọc đường đến địa phương nào, quê ai thì cho người ấy xuống về thăm gia đình để báo cho gia đình biết, hẹn từ bốn đến năm hôm sau phải có mặt tập trung ở trạm khách Bộ Quốc phòng (83 Lý Nam Đế).

Trước khi tách đoàn, ai cũng muốn đi một vòng xem thành phố Vinh một chút, vì thế cơm chiều xong, chúng tôi cho xe đi dạo quanh thành phố.

Xe vừa đi qua thành phố xem được vài nơi thì khi đến hàng phở dưới mái nhà tre nửa trước ga Vinh đồng chí Đặng Văn Khoát (nguyên là Trưởng ban Kế hoạch của Cục Hậu cần mặt trận, được phân công phụ trách lo nơi ăn, chốn ở cho anh em), đồng chí Khoát bảo đoàn có tiền, vào ăn phở. Cả đoàn háo hức, thèm phở đã lâu, nên không ai từ chối, nhưng khi ai ăn cũng bỏ nửa chừng vì mặn quá. Mấy cô phục vụ kêu lên: “Các anh no mồm đói con mắt”. Đồng chí Lưu Quý Ngừ nói luôn: Quen ăn nhạt mất rồi. Tôi cũng nghĩ như đồng chí Ngừ vì số cán bộ trong đoàn hầu hết đã vào chiến trường 4 - 5 năm. Từ năm 1966 hầu như bộ đội Tây Nguyên đến thời điểm này, mỗi tháng lúc nào mặt trận cũng chỉ phát cho 5 lạng muối, đúng ra phải 8 lạng tính theo đầu người. Lâu ngày đói cơm nhạt muối đã quen dần nên bây giờ được ăn mặn lại không nuốt nổi.

Chiến trường Tây Nguyên làm thay đổi cả con người chưa kể sốt rét rừng, đi

ĩa chảy hoặc táo bón, làm xanh da, tóc rụng rụng long, ốm đau nhiều kiểu, lại còn nhiễm độc mù cả hai mắt, chưa kể chiến sĩ bị sốt rét ác tính, ngồi tắt thở cạnh gốc cây khi trên vai còn gùi 20 cân gạo. Anh Quốc Biên, người hay vui chuyện pha trò, liền chế nhạo tôi: “Ông bạn ơi, tôi cũng người miền biển Quảng Ninh, nhưng ăn mặn và nấu “chè chó” thì nhất Nghệ An nhà ông”. Một đồng chí cán bộ trung đoàn để luôn: Vì thế mà người ta hát Nghệ An - Xô-viết vẫn là Nghệ An.

Thành phố Vinh bị chiến tranh tàn phá nặng nề, hố bom vết đạn còn rải khắp nơi không khác gì chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Nhân dân đã trở về dưới quán lều tranh dựng tạm để bán hàng. Tôi nghĩ đế quốc Mỹ muốn Việt Nam trở lại thời đồ đá như thế này ư! Tôi nhớ lại lời Bác Hồ nói: “Dù Hà Nội, Hải Phòng có bị tàn phá, nhưng nhân dân Việt Nam quyết không sợ, không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Dân quê tôi cũng đã xác định được như vậy đấy.

Xe từ Vinh ra Hà Nội phải qua Ninh Bình, Phủ Lý. Nơi đây không còn một bóng dáng ngôi nhà và đường phố nguyên vẹn, vì đế quốc Mỹ đã chọn cả hai nơi này làm thí điểm chiến tranh phá hoại bằng không quân. Tâm trạng mọi người đều rất căm phẫn, uất ức đối với đế quốc xâm lược Mỹ, chúng đã gây ra bao đau thương tang tóc cho nhân dân ta.

*

Sau hai ba ngày, lần lượt anh em các đoàn đến nhập trạm 83 Lý Nam Đế đều đông vui. Chúng tôi được lệnh trên cho nghỉ mấy ngày đi dạo phố. Hình ảnh Hà Nội cứ cuốn hút mọi người, vì nhìn thấy phố xá và người đi lại tươi đẹp và rất đàng hoàng.

Đi dạo phố với bộ áo quần quân phục chiến trận, loang lỗ đủ màu khói lửa của chiến trường, có anh đội mũ tai mèo môi sạm đen, mặt tái xanh nhợt nhạt

vì sốt rét rừng nên mọi người dân Hà Nội ai cũng biết, đó là những người mới ở chiến trường ra. Vì thế ai cũng muốn bắt chuyện để hỏi tình hình miền Nam đánh Mỹ. Chúng tôi cũng được bà con kể cho nghe chuyện Hà Nội bắn máy bay Mỹ. Hầu như chuyện suốt mấy ngày rất rôm rả, qua đó chúng tôi được biết nào cao xạ cỡ lớn, cỡ nhỏ, nào tên lửa phòng không, nào máy bay Mic 17, Mic 21 và không chỉ có lực lượng của quân chủng phòng không, không quân mà cả nhân dân, dân quân du kích và công an nhân dân đều xây dựng trận địa phòng không đủ loại, tầm thấp, tầm cao ở khắp nơi, làm cho máy bay Mỹ khi bay lọt được vào Hà Nội thì cũng như đâm vào túi lửa. Có nhiều câu chuyện làm cho chúng tôi cảm phục như anh em công nhân các nhà máy đã vác súng máy cao xạ lên nhà cao tầng, rồi có cả khẩu đội súng máy cao xạ treo lên cột cờ, tháp nước hoặc trên nhịp cầu Long Biên để bắn máy bay địch, tôi còn thấy Hà Nội có loại công sự xi măng đúc sẵn, rải khắp 2 bên trục đường, chôn xuống đất để khi báo động thì bà con nhảy xuống đó ẩn nấp.

Chuyện về Hà Nội có rất nhiều, sao kể hết! Song điều chúng tôi cảm phục, sung sướng và tự hào là được tai nghe, mắt thấy Hà Nội đã bắn rơi máy bay B52 của đế quốc Mỹ. Niềm tự hào ấy xuất phát từ đáy lòng, vì đối với chúng tôi ở chiến trường miền Nam, sống dưới bom đạn địch thường xuyên, không ít lần thấy máy bay B52 Mỹ ném bom, trong chiến cục bộ của quân viễn chinh Mỹ và cả sau này Việt Nam hóa chiến tranh, B52 ném bom rải thảm khắp núi rừng, đủ các loại bom, hầu như không ngày nào là không có. Nhưng ở chiến trường miền Nam lại không có một loại vũ khí nào để bắn tới máy bay B52 của Mỹ vì nó thường bay trên độ cao 7.000 đến 9.000 mét.

Trước đây, qua đài thu thanh và các bản tin, chúng tôi đã thấy rất tự hào về Hà Nội, nhưng bây giờ được đến tận nơi, xem tận mắt xác máy bay B52 của Mỹ, chúng tôi càng vô cùng sung sướng và tự hào vô hạn với Hà Nội mến yêu.

Tôi trầm nghĩ và so sánh: Nếu ở miền Nam năm 1968, Tết Mậu Thân tiến hành thẳng lợi cuộc tập kích chiến lược vào hầu hết thành phố, thị xã, buộc

để quốc Mỹ phải tuyên bố xuống thang chiến tranh, ngồi vào đàm phán ở hội nghị Pari, tổng thống Giôn-xơn của Mỹ tuyên bố không ra ứng cử nhiệm kỳ thứ 2, thì chiến công Hà Nội 12 ngày đêm cuối năm 1972 mà sau này ta gọi là chiến dịch Điện Biên Phủ trên không, đã buộc đế quốc Mỹ phải ký hiệp định Pari và tuyên bố Hiệp định có hiệu lực vào 0 giờ ngày 28-1-1973.

Dù địch đã dùng không quân chiến lược phá hoại miền Bắc, tập kích nhiều lần vào Hà Nội, nhiều máy bay B52 bị bắn rơi, nhiều giặc lái Mỹ đã bị bắt, nhưng thành phố Hà Nội vẫn hầu như còn nguyên vẹn. Từ Hà Nội - trái tim của cả nước, Trung ương Đảng ta, Bộ Chính trị và Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh đã chỉ đạo chỉ huy cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân ta đi đến thắng lợi, thống nhất đất nước.

Trừ một vài nơi như phố Khâm Thiên, bệnh viện Bạch Mai bị bom địch đánh phá, còn những nơi khác ở Hà Nội vẫn giữ nguyên trạng thái hồn nhiên và tươi đẹp như xưa, hàng phở vẫn ngon, bánh cuốn Thanh Trì, bánh dày Quán Gánh bánh dore Ước Lễ vẫn ngon lành như trước, đêm vẫn có người đi rao tắm quất và bán ăn đêm, ngày thì nhiều người đến cửa hàng để mua theo tem phiếu...

*

Sau mấy ngày ở Hà Nội, được ăn bồi dưỡng, khám chữa bệnh, được cấp thuốc đầy đủ và nhận thêm trang phục mới ai cũng thấy sức khỏe được hồi phục nhanh chóng, nên ai cũng muốn được về thăm gia đình. Hiểu được tâm trạng của mọi người trong đoàn, cấp trên đã cấp luôn tiền tàu, xe, tiền bồi dưỡng, tiền sinh hoạt và cho anh em về phép thăm nhà 15 ngày trước khi bước vào lớp học (vì còn đợi cán bộ các nơi khác đến).

Cán bộ và nhân viên của trạm giúp đỡ mọi người mua vé tàu, xe và cho ô tô

chờ anh em ra tận bến và ga xe lửa. Gia đình vợ con tôi ở khu tập thể Nam Đồng, quận Đống Đa, nên ngay hôm ra tới trạm tôi đã về thăm nhà. Được gặp lại vợ con sau bao ngày tháng xa cách, trong tôi trào dâng bao thương nhớ.

Lúc tôi về, vợ tôi đang đi dạy học xa, con trai út tôi chưa hề biết mặt, đang ở trường học lớp 1, bà con tập thể có người biết, liền báo cho con tôi. Vừa đến nhà con tôi tự nhận ra bố ngay. Khi vợ tôi về hỏi con: Tại sao con biết bố mà nhận? Con tôi trả lời: Con xem giống trong ảnh mà bố chụp trước khi đi B.

Khi có thời gian hàn huyên tâm sự, tôi mới hiểu hết được những vất vả, khó khăn của vợ con tôi trong thời kỳ Mỹ dùng không quân đánh phá miền Bắc. Vợ con tôi đã phải tản cư nhiều nơi, chạy ngược, chạy xuôi, khi thì Gia Lâm, Đông Anh, khi thì Hà Đông, Vĩnh Yên, Phú Thọ. Tản cư trong chiến tranh, có lúc cũng phải đi mua tre nứa, lá về làm nhà tạm, hầm tránh máy bay đào ngay dưới giường ngủ, nghe tiếng báo động máy bay, là đưa nào hầm ấy, đẩy con xuống đó luôn. Nhiều lần phải nhờ vào nhà dân để ở, hoặc vào khu tập thể nhà trường, hoặc lúc thuận tiện thì gửi con vào trại hậu phương quân đội (nơi giúp đỡ gia đình đi B). Một mẹ bốn con, đứa lớn nhất mới 14 tuổi, bé nhất 2 tuổi, mỗi con một túi áo quần và sách vở chạy theo, một đầu mẹ gánh đồ dùng, còn đầu kia là em bé. Kéo kẹt hết nơi này đến nơi khác, cơm tập thể, cơm nhà dân, có nơi còn nhờ dân nuôi con hộ, thế mà vợ tôi vẫn chăm lo cho các con được ăn học đến nơi đến chốn, hết cấp I lên cấp II. Cơ cực gian khổ cũng nhiều nhưng được nhân dân đùm bọc nên vẫn đảm bảo được cuộc sống an toàn.

Mặc dầu vất vả nuôi con nhưng vợ tôi cũng tranh thủ và được trên chiếu cố cho đi học bổ túc văn hóa và học lớp bổ túc chính trị, được kết nạp vào Đảng, rồi được bầu làm bí thư Chi bộ nhà trường; tham gia vào Đảng ủy phường Nam Đồng; phụ trách đội tự vệ chiến đấu và làm thư ký công đoàn nhà trường liên mấy khóa trọn vẹn. Tôi suy nghĩ, có lẽ nhiều anh em khác cũng đi chiến trường như tôi, hẳn vợ con ở nhà cũng vất vả và phần đấu tương tự.

Được người vợ đảm đang lo liệu việc nhà thì chúng tôi mới có điều kiện yên tâm làm nhiệm vụ. Chiến tích, công lao của chúng tôi rõ ràng có sự đóng góp của người vợ và các con. Vì thế tôi vô cùng cảm ơn và mến phục vợ tôi đã thầm lặng lo lắng đủ mọi chuyện việc gia đình cho tôi khi tôi đang ở chiến trường.

Thời gian được nghỉ phép khá dài nên tôi về thăm mẹ tôi ở quê Nam Đàn - Nghệ An, vì lúc qua Vinh tôi chưa tranh thủ về được. Xóm làng tôi ở ven đê sông Lam, hầu hết các gia đình đều chuyển chỗ ở vào mé trong đê để tránh lụt mỗi mùa nước sông Lam lên. Riêng gia đình mẹ và anh chị em tôi vẫn ở chỗ cũ ngoài bờ sông, chịu lụt lội mất mấy năm liền, không có khả năng di chuyển vì nhà neo người cả ba anh em tôi đều chiến đấu ngoài mặt trận.

Vừa về tới nhà, sau khi gặp và chào anh cả, lập tức mẹ tôi trong nhà vội vã chạy ra, khóc nức nở và nói: “Chú, cháu cùng đi đánh giặc, sao bây giờ một mình chú về, còn cháu ở đâu hở con?”. Tôi đứng lặng người xúc động và thương mẹ tôi vô cùng. Tôi chào mẹ, rồi hầu như không nói được gì nữa. Mẹ tôi suốt cuộc đời vất vả, làm hàng xay hàng xáo, chạy chợ ngược chợ xuôi, ruộng lúa nương khoai, chạy ăn từng bữa để nuôi con khôn lớn, chăm sóc cháu, chặt trưởng thành. Lúc còn bé, tôi đã biết theo ông anh cày ruộng, cấy lúa, trồng khoai, chăn trâu, cắt cỏ, làm thuê, gặt mướn, gánh mật đi chợ cho mẹ bán, đỡ đần cho gia đình được nhiều việc. Vậy mà suốt 28 năm ra đi, hết đánh Pháp, lại đánh Mỹ, sang Lào giúp bạn và vào chiến trường Tây Nguyên, tôi không đỡ đần được chút gì cho mẹ. Năm 1948 cha tôi đau ốm, ba anh em trai chúng tôi đều ngoài mặt trận, một mình mẹ tôi hết lòng săn sóc, nhưng cha tôi đã không qua khỏi. Từ đó mẹ tôi phải chịu cảnh góa bụa, gánh vác việc nhà, lo cho cháu chặt ăn học trưởng thành. Nên khi mẹ tôi mất cháu đích tôn - nguồn vui lớn nhất của bà, mẹ tôi càng đau đớn. Tôi không muốn bà đau lòng thêm nên không dám báo cho gia đình khi biết tin. Bây giờ gặp mẹ, tôi lâm vào tình trạng lúng túng khó xử. Anh cả tôi vốn sĩ quan quân đội, vừa mới được nghỉ hưu, nên cũng có phần thông cảm với tôi, nhưng mẹ và chị dâu tôi vẫn khóc nên tôi càng đau lòng.

Sau này, mặc dù mẹ tôi được tặng thưởng bằng vàng danh dự, gia đình anh chị tôi được công nhận gia đình liệt sĩ nhưng khi các gia đình trong làng xóm lần lượt tìm được mộ chí của người thân đưa về nghĩa trang huyện thì riêng gia đình anh cả tôi không có tin tức gì nơi cháu nằm xuống. Nên nỗi đau càng đè nặng trong lòng mẹ tôi và anh chị tôi.

Mấy ngày nghỉ về quê, tôi mới có dịp ngồi tâm sự cùng anh. Một hôm, anh cả đưa cho tôi bài thơ¹, anh tôi viết để tưởng nhớ con:

Vinh dự cha con một chiến hào

Cha lên đường trước, con lên sau

Con thôi đèn sách ra cầm súng

Cha thả cày bừa nhận đại đao.

Pháp đến cha đi khi Đảng gọi

Mỹ vào, con tiến lúc dân giao

Ai hay con phải vùi xương trắng

Cống hiến cho đời kẻ xiết bao!

Thanh khí cha con một tiếng đồn

Nhân dân mãi mãi nhớ công ơn!

Lên đường không nghĩ ngày về lại

Xông trận nào suy lẽ sống còn

Xương máu con hòa cùng đất nước

Mồ hôi cha đổ thấm giang sơn

Căm thù vạn kiếp loài lang sói

Tóc bạc mà cha chí chẳng sờn.

Tôi rất thương anh và rất thương tiếc cháu, một sinh viên Đại học Mở địa chất ra đi khi đang học dở dang. Nhưng rồi tôi nghĩ, chiến đấu cho độc lập tự do của đất nước thì sự hy sinh mất mát chẳng riêng gì gia đình anh chị tôi. Thật ra trong chiến tranh, không có chiến thắng nào mà mình không bị tổn thất. Từ chiến đấu chống Pháp đến chống Mỹ, tôi hiểu rất rõ sự hy sinh vô cùng to lớn đối với nhân dân các dân tộc trên đất nước ta.

Trong họ hàng tôi, lớp cháu chắt sinh ra sau ngày tôi đi bộ đội, nay đã khôn lớn, học hành đỗ đạt. Không ít cháu đã tham gia cách mạng, lên đường đi chiến đấu, truyền thống dòng họ được nối tiếp vẻ vang, có người tham gia quân đội, có người làm công an nhân dân, có người làm công nhân... Tạm biệt quê nhà, với muôn ngàn nỗi nhớ thương, tôi trở ra Hà Nội. Được nghỉ tiếp mấy ngày ở Hà Nội, con cháu đến thăm, bạn bè thân đến tâm sự, nguồn vui không cạn. Tôi không khỏi xúc động khi biết tin có bạn cùng chiến đấu trước đây với tôi đã hy sinh, gia đình sống trong cảnh khó khăn, con cái nheo nhóc. Cũng có người là thương binh rồi chiến trận về quê được một mụn con, lại bị tật nguyền vì chất độc màu da cam. Thật thương tâm!

1. Sau này bài thơ được in trong tập thơ của Câu lạc bộ Lam Hồng, sở Văn hóa thông tin Nghệ An, 1993, tr. 43.

*

Lớp tập huấn được tổ chức tại Trường Quân chính (Học viện quân sự Trung cao cấp) là nơi trước đây tôi đã làm trưởng khoa giáo viên pháo binh 6 năm nên khá quen biết. Nhà trường phân bổ xen kẽ học viên các chiến trường để trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau. Có rất nhiều cán bộ lãnh đạo cao cấp đến thăm và lên lớp, nên tôi biết đây là một lớp học rất quan trọng. Nhiều đồng chí trong đoàn chúng tôi chưa một lần qua trường lớp, nên rất chăm chỉ học.

Quá trình dự tập huấn, nhiều vấn đề rất nóng hổi, từ những báo cáo tình hình và đánh giá hoạt động trên các chiến trường, đến tình hình chung, nhiệm vụ và phương hướng, nổi bật nhất là đánh giá tình hình năm 1973 từ sau Hiệp định Pari được ký kết (27-1-1973) và phương hướng đấu tranh kiên quyết trong giai đoạn mới để giải phóng miền Nam bằng bạo lực... Nhưng, trong đó điều tôi quan tâm nhất là phải tiến hành đánh phá triệt để âm mưu bình định của địch, đánh bại địch lấn chiếm và phải đánh to thắng lớn để kết thúc chiến tranh.

Về sau tôi mới biết, đó là tinh thần cơ bản của Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 21 (tháng 7 năm 1973) về con đường bạo lực để giải phóng miền Nam của Tổ quốc và Nghị quyết của Quân ủy Trung ương tháng 3 năm 1974 đã cụ thể hóa cho toàn quân tiến hành.

Càng học tôi thấy càng sáng tỏ và vô cùng phấn khởi, khi liên hệ thực tế với chiến trường Tây Nguyên năm 1973 tôi thấy rất đúng.

Ngay sau Hiệp định Pari được ký kết, không khí chiến trường tạm thời lắng xuống một thời gian, ta và địch đều không có hành quân lớn, nhưng tình thế lại trở nên bức xúc phức tạp hơn, mọi việc trở nên rất căng thẳng, ảnh hưởng không ít đến tinh thần cả quân và dân vì khi hai bên đi vào cầm cờ giành đất, giữ địa bàn đã xảy ra xô xát tranh chấp nhau từng đoạn chiến hào, đấu tranh phân biệt ranh giới đôi bên, cho đến khi địch ráo riết bình định, đánh phá các

cơ sở của ta, tiến hành liên tiếp các cuộc hành quân “tràn ngập lãnh thổ”. Trong thời gian ấy chỉ có vùng Chương Thiện - Quân khu 9 mới kịp thời đánh trả quyết liệt duy trì được thế mạnh và chủ động của ta. Còn mặt trận Tây Nguyên từ trận Chư Nghé ngày 23 tháng 8 năm 1973 mới có được sự chuyển biến thật sự theo hướng này một cách đúng đắn.

Bây giờ mọi việc đã sáng tỏ, phải tích cực đánh phá bình định và phấn đấu để tiến lên đánh to thắng lớn nhằm giải phóng miền Nam. Đó là kết quả sâu đậm nhất của tôi trong lần đi tập huấn này. Do vậy, tôi thấy trách nhiệm cấp trên giao cho quá lớn, nên tôi cũng nóng lòng mong muốn học xong để kịp về đơn vị, trong đó vì một lẽ khi nghĩ về Sư đoàn 10, tôi thấy nhiều vấn đề phải giải quyết mới đáp ứng được yêu cầu.

Dịp này ra Hà Nội, tôi lại được gặp đồng chí Lê Hữu Đức vốn trước kia là Tham mưu phó mặt trận B3, đã từng sống với nhau ở chiến trường khi tôi làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 66, và khi tôi về Bộ Tham mưu B3 phụ trách tác chiến.

Vốn là người rất quý trọng bạn thân quen, nên Lê Hữu Đức đã kể cho tôi biết nhiều chuyện xoay quanh tình hình chung rất rõ ràng. Tôi cố gạn hỏi ở người Cục trưởng Cục Tác chiến này về chủ trương của trên vì tôi biết ở cương vị đó, chắc chắn là một “kho lưu trữ” lớn nhưng thật khó mà moi ra. Cuối cùng thì anh chỉ dặn tôi, phải lo sức khỏe cho tốt và sớm vào chiến trường để về đơn vị, nếu không sẽ bị tụt hậu đấy. Qua đó tôi cũng nhận thấy rằng tình hình đang rất sôi động và Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Bộ Quốc phòng đang hoạch định nhiều chuyện. Kết thúc cuộc gặp, tôi hỏi lại đồng chí Đức: Bây giờ anh ở Hà Nội rồi, anh còn nhớ đồng chí cần vụ đã cứu anh đang ở đâu không?

Đồng chí Đức trả lời luôn: Có chứ, tôi nhớ lắm, suốt đời tôi cũng không quên được nó, nó đang ở Sư đoàn 10 đấy...

Bắt tay nhau, tôi nhắc lại: Anh hãy nói lại câu “Đức đây”¹ xem nào! Anh và tôi cùng cười. Tôi nói luôn: Đừng quên cán bộ, chiến sĩ chiến trường Tây Nguyên anh nhé. Anh gật đầu tỏ ý ngậm ngùi như cũng muốn trở lại chiến trường với chúng tôi luôn.

Chúng tôi ban ngày thì đi học, đến đêm về lại râm ran suốt đêm, nào chuyện nhà, chuyện cửa, chuyện vợ, chuyện con, chuyện bà con hàng xóm, mỗi người một chuyện ngay ở quê mình, nhà mình. Đồng chí Quỳnh người Thanh Hóa, nguyên Trung đoàn trưởng Trung đoàn pháo 40 của mặt trận, đã nói với tôi:

- Anh ơi, tôi đi bảy tám năm vào chiến trường, bây giờ về nhà, gặp vợ thì ngực và lưng giống nhau rồi anh ạ!

Tôi cũng thông cảm với anh ta, liền nói vui:

- Như thế là anh còn hạnh phúc hơn người khác rồi đấy. Còn như anh G và anh K, bây giờ có về nhà thì chẳng còn vợ đâu mà ngực và lưng.

- Ủ anh nói phải, chiến tranh phá hoại miền Bắc của giặc Mỹ ác liệt như thế, biết bao nhiêu bà con của đồng chí mình bị địch giết hại, thế mà vợ con tôi còn trọn vẹn là phúc đức lắm anh ạ.

Lúc ấy cả tôi và mấy anh em đều thầm nghĩ, cảm ơn hậu phương miền Bắc, bà con đã dành cho những gia đình của người đi chiến đấu miền Nam một tình cảm vô cùng sâu sắc.

Qua từng câu chuyện cụ thể của anh em trong đoàn, tôi nhận thấy, hầu như mọi người trong chúng tôi đều cảm nhận thấy rằng, mặc dù ở miền Bắc công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa đang gặp nhiều khó khăn, địch lại tiến hành chiến tranh phá hoại ác liệt triền miên, vậy mà các phong trào thi đua cứ dâng lên như sóng biển, thanh niên thì mong được tuyển quân nhanh để ra mặt trận, đoàn thể phụ nữ thì phong trào ba đảm đang, lo việc nhà, việc nước, cơm áo gạo tiền... Ai cũng ra sức thi đua để hỗ trợ cho miền Nam đánh Mỹ, ai cũng tin tưởng đúng như lời Bác Hồ dạy “Đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào”. Giờ đây quân Mỹ đã cút thì nhất định ngụy sẽ nhào, sự việc ắt sẽ xảy ra đúng vậy.

Ở thời điểm này, chúng tôi đã thấy hầu hết các lực lượng chủ lực và một phần lực lượng địa phương đều nhờ có các đoàn quân bổ sung của miền Bắc vào, mới đảm bảo có đủ sức mạnh để chiến thắng kẻ thù, tuyến đường chiến lược Trường Sơn mang tên Bác đã ngày đêm nối liền miền Bắc với miền Nam; có

được miền Bắc hậu phương lớn của cả nước, ta có điều kiện thuận lợi nhận sự giúp đỡ của các nước anh em xã hội chủ nghĩa, để đưa vào miền Nam đánh Mỹ, từ kỹ thuật hiện đại như xe tăng, pháo binh cỡ lớn, cao xạ phòng không tối tân, cùng các lực lượng vật chất đảm bảo khác. Sự hỗ trợ của miền Bắc hậu phương lớn đã đảm bảo hội tụ đầy đủ các yếu tố để Đảng ta chỉ đạo, chỉ huy cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên toàn quốc. Miền Bắc chia lửa với miền Nam, bằng cuộc đánh bại cuộc tập kích chiến lược của không quân Mỹ, tạo lòng tin tất thắng của dân tộc ta trong cuộc chiến đấu đầy gian khổ. Tôi nghĩ cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước gay go ác liệt gấp nhiều lần so với cuộc chiến tranh chống Pháp vì đế quốc Mỹ đã huy động đủ mọi loại phương tiện kỹ thuật hiện đại tối tân (trừ bom nguyên tử) để đánh ta. Song ta có miền Bắc xã hội chủ nghĩa - hậu phương lớn của cả nước là chỗ dựa vững chắc quyết định nhất để ta thắng Mỹ. Miền Nam hướng về miền Bắc để có lòng tin với sức sống mãnh liệt, đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc nhất định thắng lợi” đã trở thành niềm tin và nghị lực để chúng ta đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Sau khi học xong là chúng tôi có lệnh nghỉ mấy ngày rồi chuẩn bị để lên đường ra mặt trận ngay.

1. Một lần, anh bị bom làm sập hầm. Sau một ngày một đêm bất tỉnh, đến khi nghe đồng chí cần vụ của mình gọi anh mới tỉnh và trả lời “Đức đây” nên được cứu sống.

*

* *

Lớp tập huấn vừa tiến hành được 10 ngày, bất ngờ một hôm tôi được Giám đốc nhà trường cho người gọi lên gặp. Thiếu tướng Chính ủy nhà trường Trương Công Cần ra cửa đón và bắt tay, chúng tôi đã quen nhau vì trước kia

tôi làm đại đội trưởng đại đội 2 tiểu đoàn 136 Trung đoàn 48 thì đồng chí Cần là Chính ủy trung đoàn.

Vào phòng làm việc, đồng chí Cần nói luôn, tôi rất mừng về cậu. Nhà nước và Bộ Quốc phòng đã quyết định giao trách nhiệm cho cậu. Đồng chí Cần đứng lên cầm giấy, tôi cũng trình trọng đứng nghiêm để nghe đồng chí Cần đọc quyết định hai vấn đề cùng một lúc.

- Một là đề bạt đồng chí Hồ Đệ thượng tá lên cấp đại tá. Quyết định đề ngày 31 tháng 3 năm 1974.

- Hai là quyết định đồng chí Hồ Đệ giữ chức vụ Sư đoàn trưởng Sư đoàn 10 mặt trận Tây Nguyên.

Đồng chí Cần còn căn dặn tôi thêm nhiều điều. Tôi tự thấy cấp trên đã giao cho mình một trọng trách, nên tôi hứa quyết tâm, hết sức cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao phó.

Tôi hứa với đồng chí Cần như vậy, nhưng thực ra tâm tư tôi lúc này vừa bất ngờ vừa cảm động.

Một phần vì từ lúc làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 66, rồi kinh qua làm Sư đoàn phó Sư đoàn 320 và Sư đoàn 10, tôi chưa hề biết đã được đề bạt cấp thượng tá (có lẽ quyết định không đưa đến). Nay từ thượng tá lên đại tá. Tôi cũng nghĩ, phải chăng qua thực tiễn, cấp trên có theo dõi mới quyết định đề bạt và giao trách nhiệm như thế. Hóa ra câu nói của đồng chí Thái Bá Nhiệm - Phó chủ nhiệm Chính trị mặt trận lại được thể hiện với tôi trước nhất.

Vốn xuất thân từ gia đình bần nông, nhà nghèo cả họ là dân ngụ cư, không có ruộng đất, phải đi làm thuê, cuốc mướn. Lúc bé tôi được gia đình cho đi học hết lớp nhất (cấp I). Cha tôi nguyên là tự vệ đỏ đã từng tham gia cướp chính quyền huyện Nam Đàn (Xô viết - Nghệ Tĩnh) nên rất ghét Tây, bắt tôi phải bỏ học ở trường, để về học chữ Hán trong làng. Sau ngày Xô viết - Nghệ Tĩnh, làng xã quê tôi bị đàn áp khốc liệt, hai bác ruột của tôi là đảng viên Đảng Cộng sản bị địch bắt và tra tấn rất dã man, tịch thu hết của cải trong nhà. Sau nhiều lần tra khảo, chúng không tìm được chứng cứ, đành phải thả hai bác ra. Người dân trong làng xóm của tôi đều phải chạy trốn, rồi một số cũng bị bắt, chúng đưa lên núi Đụn bắn xuyên tảo một loạt. Tây lê dương đàn áp đã đành, bọn hương lý kỳ hào cũng được thể, tràn vào từng nhà ức hiếp và hôi của cải, có gì đáng giá một chút chúng đều lấy đi. Mẹ tôi có đôi quang gánh và đồ dùng để làm hàng xay, hàng xáo cũng bị chúng cướp mất. Thương cha mẹ, thương anh em, thương bà con họ hàng, làng xóm nên từ khi còn nhỏ tuổi trong tôi đã nung nấu lòng căm thù.

Lớn lên tôi theo ông bác đi làm thuê rồi cũng được bác giới thiệu vào Mặt trận Việt Minh. Tháng 8 năm 1945, tôi đã cùng đội cảm tử quân của xã đi cướp chính quyền huyện Nam Đàn, rồi gia nhập luôn chi đội Đội cung giải phóng quân Nghệ An. Đó là một quá trình tôi rất ngỡ ngàng trong quân ngũ, nhưng nhờ cần cù chịu khó, hăng hái làm mọi nhiệm vụ, nên năm 1946 tôi được trên chọn đi học ở Trường Trung học Lục quân Quảng Ngãi, ở đây có giáo viên là sĩ quan Nhật theo ta dạy về kỹ thuật và chiến thuật phân đội nhỏ. Tôi rất hào hứng học tập. Ngoài ra, tôi còn được tham gia vào hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác do đồng chí Nguyễn Sơn - Hiệu trưởng nhà Trường làm hội trưởng. Qua đó, từng bước tôi hiểu được về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng và vấn đề dân tộc.

Học được 6 tháng, thì có lệnh của cấp trên phải nhanh chóng kết thúc chương trình. Nhà trường tổ chức thi cuối khóa, tôi được xếp loại tốt nghiệp giỏi. Sau khi bế giảng nhà trường phân phối học viên về đơn vị ngay, có người ra mặt trận luôn, riêng tôi được lựa chọn cùng gần 100 học viên tiếp tục theo Tướng

Nguyễn Sơn ra miền Bắc, học tiếp bổ túc tại trường Võ bị Trần Quốc Tuấn. Lớp học đang dang dở thì ngày 19 tháng 12 năm 1946 chiến tranh toàn quốc bùng nổ, địch lên ném bom vào nhà trường, nhưng không ai việc gì. Tôi liền được cùng 5 anh em khác bổ sung ngay về mặt trận Hà Nội, làm huấn luyện viên tiểu đoàn 212 phụ trách huấn luyện quân sự cho cán bộ dân quân du kích Hà Nội. Sau đó tôi được điều về làm cán bộ đại đội 2 tiểu đoàn 77 (tức là tiểu đoàn 136 Trung đoàn 48 sau này). Được kết nạp vào Đảng năm 1947, sau khi chính thức được bầu làm bí thư chi bộ, trên lại cử tôi sang làm đại đội trưởng Đại đội độc lập 28 phụ trách huyện Thanh Trì, Thường Tín, Phú Xuyên, đồng thời trên chỉ định tôi tham gia huyện ủy viên phụ trách quân sự huyện Thường Tín - Hà Đông.

Bộ đội phải phân ra bám dân, bám đất, đánh địch trừ gian xây dựng phong trào chiến tranh du kích, động viên dân rào làng, tiêu thổ kháng chiến giúp dân sản xuất. Địch hành quân càn quét triền miên khắp vùng nam Hà Nội và cả Hà Đông. Qua 2 năm gắn bó với dân, đơn vị đã đánh thắng địch nhiều trận, dùi dắt và phối hợp dân quân du kích tập kích, phục kích khi địch đi càn quét, đói thì dân giúp ăn, rét thì dân huy động quần áo cho mặc, nhường nhà cho ở, hy sinh thì dân giúp chôn cất, bị thương thì dân cùng hỗ trợ cứu chữa và nuôi dưỡng. Được sống với dân, tôi hiểu rõ thế nào là chiến tranh nhân dân, quân với dân như cá với nước. Tôi lại học được nền nếp và tác phong công tác qua tiếp xúc với cán bộ lãnh đạo và chỉ huy ở địa phương, sâu sát với dân và vận động nhân dân đứng dậy phá tề trừ ác.

Giữa năm 1949 tôi được đề bạt lên làm tiểu đoàn phó tiểu đoàn 136 chủ lực cơ động của trung đoàn, nhờ bám sát địa bàn hoạt động, tôi đã liên hệ với cấp ủy huyện Kỳ Sơn bắt nhân mối của ta trong hàng ngũ địch, nên đã chỉ huy đơn vị đánh kết hợp nội ứng tiêu diệt được 2 đồn địch (đồn Mát ngày 15-1-1950, đồn Rậm 30-1-1950); bắt sống được 125 tên địch, thu toàn bộ vũ khí và kho tàng.

Đến tháng 5-1950 trên chỉ định tôi về làm tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 632

Trung đoàn 34 ở Hà Nam - Nam Định - không ngờ sau đó Trung đoàn 34 (Trung đoàn 45 sau này) lại chuyển thành đơn vị pháo binh, sang Trung Quốc học tập, rồi cùng đơn vị nhận xe và pháo 105 ly về đánh địch trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Kết thúc chiến tranh chống Pháp, trên điều tôi về làm trưởng khoa giáo viên pháo binh Trường Quân sự trung cao cấp, do đồng chí Hoàng Minh Thảo làm hiệu trưởng. Năm 1962 tôi được cử đi học ở Học viện Pháo binh Liên Xô. Sau hai năm học trên quyết định phải thôi học vì chống chủ nghĩa xét lại. Năm 1964 trên lại cử tôi sang làm đoàn phó chuyên gia quân sự Lào ở Quân khu Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng. Nghiên cứu tình hình để giúp bạn, tôi đã học được ở bạn nhiều điều và đã giúp bạn đánh thắng nhiều trận, có trận xóa sổ cả GM13 (trung đoàn ngụy Lào).

Bốn năm học tiếng Lào chưa thạo, trên lại cử tôi vào mặt trận Tây Nguyên, năm 1968 từ pháo binh chuyển sang bộ binh, từ phụ trách cơ quan tham mưu mặt trận xuống chỉ huy đơn vị chiến đấu. Trong cuộc đời, tôi rèn luyện mình chủ yếu qua thực tiễn chiến đấu và công tác. Tuy không có điều kiện ngồi ghế trường đại học nhưng tôi học tại chức bổ túc, ngày này qua ngày khác cần cù nhẫn nại, nên đã học hết chương trình đại học đại cương (năm thứ 2).

Hai năm làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 66 chủ lực cơ động, mặt trận Tây Nguyên, Trung đoàn đã đánh tiêu diệt được nhiều tiểu đoàn địch. Giữa năm 1971 lại trở về cơ quan tham mưu mặt trận, rồi sang năm 1972 làm Sư đoàn phó Sư đoàn 320a, sau sang làm Sư đoàn phó Sư đoàn 10 (lúc mới thành lập sư đoàn). Cùng đơn vị đánh thắng địch một số trận, trên lại cử tôi về làm Tham mưu phó mặt trận cho đến ngày được phong hàm đại tá và được bổ nhiệm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 10.

Giờ đây tôi lại được cấp trên giao cho trọng trách mới, không cảm động sao

được. Tuy có hào hứng nhưng cũng thấy khó khăn phức tạp. Tôi nghĩ - ngoài việc phải kiên cường dũng cảm chiến đấu thì phải biết lăn lộn vào thực tế nắm bắt cho được những yêu cầu thiết yếu, nhận rõ thuận lợi và khó khăn thì mới đảm bảo hoàn thành tốt mọi công việc theo trách nhiệm mình. Tôi suy nghĩ mình cần phải cố gắng nỗ lực hơn nữa thì dù khó khăn, phức tạp và mới mẻ đến mấy cũng hoàn thành được.

Rõ ràng lần này trước khi trở lại chiến trường và nhận nhiệm vụ mới trong tôi đã lắng đọng nhiều kỷ niệm.

* VỀ VỚI SƯ ĐOÀN 10

Chuẩn bị trở lại chiến trường, tôi xếp thêm vào ba lô chiếc áo sơ mi trắng mà vợ tôi sắm cho lúc mới ở chiến trường ra, vì nghĩ rằng chắc chắn dịp này sẽ có cơ hội mặc sau ngày chiến thắng, Văn phòng Tổng cục Chính trị lại có lệnh gọi tôi vào, ở đó anh em đã để sẵn bộ quân phục găng quân hàm đại tá, bảo tôi mặc vào để chụp ảnh chân dung - lúc đó tôi nghĩ, cũng buồn cười: Mình sống thì có áo sơ mi trắng để mặc đi dạo phố, mình chết thì có ảnh chân dung để truy điệu thì chẳng việc gì phải lo nữa.

Mùa mưa cũng sắp tới, mọi người đều giục giã nhau đi đúng ngày, đúng tháng đã hẹn. Không ngờ một chuyện đã xảy ra.

Đồng chí Phạm Văn Vượng - Trung đoàn phó Trung đoàn 66, quê Lý Nhân, Nam Định, là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (được phong tặng sau chiến thắng Tân Cảnh của Trung đoàn 66 năm 1972). Khi nghỉ phép được địa phương tiếp đón rất trịnh trọng phần khởi và quê hương cũng đã tổ chức cho gia đình đến “chạm ngõ” một cô là bí thư đoàn thanh niên tỉnh, rất đẹp đôi

phải lúa. Nhưng thời gian quá gấp, đồng chí Vượng chưa kịp làm lễ cưới. Không tiện tàu, không có xe, đồng chí ấy đành phải đi xe đạp lên Hà Nội cho kịp ngày hẹn của đoàn, không ngờ dọc đường bị một chiếc xe ben chở gạch, đá cán chết. Thật là một nỗi đau lòng, không chỉ cho đoàn, cho cả cán bộ, chiến sĩ mặt trận Tây Nguyên, mà cho cả quê hương, gia đình đồng chí Vượng, cùng nhân dân tỉnh Nam Định, đã mất đi một người con tiêu biểu. Đối với tôi, đây cũng là sự mất mát cho riêng mình, bởi lẽ tôi và đồng chí Vượng đã từng vào sinh ra tử với đơn vị, giành được nhiều thắng lợi trong các trận đánh từ Ka Te (1969), Đắc Xiêng (1970), Ngọc Tu Ba, Ngọc Rinh Rua (1971) khi tôi là Trung đoàn trưởng, thì đồng chí Vượng là cán bộ tiểu đoàn, nên tôi hiểu rất kỹ về đồng chí Vượng - một con người chỉ huy rất dũng cảm sáng tạo linh hoạt - quả thật, khi nhận trách nhiệm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 10, tôi đã nghĩ ngay đội ngũ kế tiếp về sau, sẽ không ai khác đồng chí Vượng. Một sự thiệt thòi cho Sư đoàn 10 khi đang cần có những con người đầy triển vọng đó. Lễ truy điệu được làm ngay trạm khách Bộ Quốc phòng. Sau đó, đoàn tiếp tục hành quân... Nhưng đi dọc đường lại xảy ra một chuyện nữa. Đồng chí Nguyễn Văn Bảy - Trung đoàn phó 95a bị cảm nặng; có bác sĩ, y tá của đoàn săn sóc nhưng do sơ ý, cho đồng chí Bảy uống kháng sinh không thử phản ứng, nên đồng chí Bảy quá mệt và chết, cả đoàn trở nên rối bòng bong. Đến Vinh, đoàn phải nhờ pháp y Quân khu 4 xét nghiệm, rồi cùng trạm giao liên và gia đình làm lễ tang xong, mới lên đường đi tiếp được. Cô vợ mới cưới của đồng chí Bảy dẫn vật khóc nức nở suốt ngày đêm, chúng tôi phải nhờ phái viên Tổng cục Chính trị có mặt hôm đó, an ủi chị và tiễn đưa về địa phương.

Trong chiến tranh cái chết của con người cũng nhiều hình muôn vẻ, có cái do địch, song cũng có cái do ta, gây nên cũng không ít - lường cho hết mọi rủi ro trong cuộc sống cũng không dễ dàng một chút nào.

Nhập trạm, vào tuyến đường Trường Sơn, tôi cũng đã quen với cảnh đường xóc, xe đi vật vã nghiêng hết bên nọ sang bên kia, khi qua suối lúc chồm tránh ổ gà và ổ trâu, xe đi trước cuốn tung bụi đất mù mịt, làm cản tầm nhìn của xe đi sau. Nếu ai chỉ quen đi xe trên tuyến đường rải nhựa phẳng phiu, thì chắc hẳn đi trên đường này, sẽ rất khó chịu. Nhưng đối với chúng tôi vẫn là

sung sướng, vì con đường hôm nay chúng tôi đi là con đường của tự do, đường ta, ta cứ đi, không gì ngăn cản ta nữa.

Ngồi trong ca bin, tôi bồi hồi nhớ ngày trước, năm 1968 lúc đi vào theo giao liên bộ, nhưng cũng có lúc nhờ được xe tải gạo, tôi mới biết cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng của cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559 trên tuyến đường chiến lược này. Một hôm xe chạy trong đêm, đèn gầm, trời tối như mực, địch cho máy bay đến thả pháo sáng, rồi ném bom, bắn đuổi cả phía trước và phía sau, bom nổ cả trước mặt và sau lưng, hoặc trên sườn núi bên cạnh đường, thế mà đồng chí lái xe tuổi còn trẻ, vẫn vững tay cầm lái, từng bước, từng đoạn cứ cho xe làm lý chuyển bánh không dừng lại, miệng thì hát to hết bài nọ đến bài hát kia, cứ như không có chuyện gì xảy ra cả. Tôi hỏi đồng chí lái xe, lúc cùng ngồi trong ca bin, “ta cứ dừng xe tránh một chỗ hơn cứ tiếp tục đi”. Đồng chí lái xe đã trả lời: “Thủ trưởng yên tâm vì địch cũng chỉ có thể nhằm đánh trọng điểm, nên ta vượt qua được là sẽ an toàn”. Nghe vậy, tôi thực sự cảm phục tinh thần dũng cảm của đồng chí lái xe lúc đó, và thầm nghĩ mình đã học được thêm một kinh nghiệm năm quy luật qua thực tiễn chiến tranh, chỉ có trí thông minh mới phát huy được tinh thần dũng cảm. Tôi cũng thầm cảm ơn các nhà soạn nhạc, soạn bài hát, để ở đây thật sự tiếng hát át tiếng bom, chính các bài hát đã góp phần làm tăng thêm sức mạnh tinh thần của quân đội ta, đi tới chiến thắng cả ở tiền tuyến và hậu phương.

Tới sông Bạc, xe chúng tôi tạm nghỉ một ngày để kiểm tra kỹ thuật, bổ sung xăng dầu. Tranh thủ đi xem địa hình, phong cảnh, tôi nhớ lại lần trước đã đi qua đây, anh em công binh đã kể cho tôi biết: Nơi đây là một trọng điểm địch đánh phá suốt ngày đêm, đường bị ách tắc luôn vì bom nổ chậm và bom phá đường. Một phân đội công binh đi phá bom, san lấp lại đường, cả phân đội bị bom nổ hất tất cả anh em xuống suối sâu, tai nạn bất ngờ xảy ra, vừa hy sinh vừa bị thương.

Vào đến chiến trường, ai về đơn vị ấy. Riêng tôi thì Bộ tư lệnh còn giao nhiệm vụ ở lại Bộ Tham mưu mặt trận phụ trách lớp tập huấn cán bộ.

Tham dự lớp tập huấn hầu hết đều là cấp trưởng sư đoàn, trung đoàn và các chỉ huy binh chủng, cơ quan đều có mặt. Phụ trách lớp tập huấn tôi cùng học với anh em, ngoài phần tình hình và nhiệm vụ, lớp học đã đi sâu vào nêu các giả định tình huống để thảo luận, làm thế nào để đánh tiêu diệt được trung đoàn và sư đoàn địch trong các trường hợp, kể cả việc đánh vào thành phố, thị xã. Đây là quân sự dân chủ mà mặt trận Tây Nguyên thường làm để thống nhất tư tưởng chiến thuật và cách đánh. Cái hay cái riêng biệt theo tôi nghĩ, là trong các lớp như thế, mặt trận cũng rất coi trọng gồm cả cán bộ chính trị, cán bộ hậu cần - kỹ thuật đến các bác sĩ chuyên môn, các đội trưởng, các đội điều trị (quân y) nhằm tạo ra thống nhất nhận thức để nâng cao ý thức phục vụ chiến đấu. Tôi vốn là trưởng khoa giáo viên Trường Quân sự trung cao cấp, nên quá trình mấy năm ở chiến trường, Bộ tư lệnh mặt trận thường giao cho tôi phụ trách các lớp tập huấn quân sự ngắn ngày, trong tập huấn mặt trận rất coi trọng giới thiệu kinh nghiệm các trận đánh, kinh nghiệm chiến dịch và các hình thức chiến thuật mà ở chiến trường đã đúc kết được. Lần này không những Bộ tư lệnh giao phụ trách lớp mà còn giao cho tôi thay mặt Bộ tư lệnh tổng kết lớp học, vì đồng chí Mạnh Quân ốm (Bộ tư lệnh vẫn chỉ có hai người là đồng chí Mạnh Quân - Tư lệnh phó và đồng chí Đặng Vũ Hiệp - Chính ủy). Qua nhận xét học tập của các tổ, tôi cũng thấy trình độ cán bộ hiểu biết không đồng đều, nhất là tác chiến hiệp đồng các binh chủng, nên qua các lớp tập huấn như thế sẽ góp phần nâng cao trình độ cho cán bộ chỉ huy, tiến lên đánh hiệp đồng binh chủng quy mô lớn. Kết thúc xong lớp tập huấn, tôi được trở về đơn vị.

*

* *

Giữa năm 1974, Sư đoàn 10 có sự thay đổi về biên chế, rút Trung đoàn 95a ra khỏi tổ chức biên chế sư đoàn và được giao nhiệm vụ phụ trách bám địa bàn phía đông tỉnh Gia Lai, đánh giao thông địch trên trục đường 19 (Plây Cu đi Bình Định). Mặt trận biên chế lấy Trung đoàn 24b, thay Trung đoàn 95a vào Sư đoàn 10. Ngoài ra, trong biên chế sư đoàn đã có Trung đoàn 4 pháo binh được thu thập từ các tiểu đoàn pháo binh thuộc Trung đoàn 40 pháo binh mặt

trận. Thực chất thành lập Sư đoàn 10 là sự tổng hợp các lực lượng chủ lực cơ động mà mặt trận Tây Nguyên đã có từ trước, những lực lượng ấy đã thuộc Bộ tư lệnh Cánh Đông trong chiến dịch Tây Nguyên năm 1972; các lực lượng đó đã giải phóng huyện Đắc Tô phía bắc tỉnh Kon Tum - nay chuyển Bộ tư lệnh Cánh Đông và lực lượng ấy thành Sư đoàn 10. Do vậy Sư đoàn 10 mới được gọi tên là Sư đoàn Đắc Tô.

Khi thành lập Sư đoàn (9-1972), đồng chí Mạnh Quân làm Sư đoàn trưởng, đồng chí Đặng Vũ Hiệp - Chính ủy, đồng chí Lã Ngọc Châu - Phó chính ủy thì tôi đã là Sư đoàn phó. Nay Bộ tư lệnh lại là đồng chí Lã Ngọc Châu làm Chính ủy, Bí thư Đảng ủy sư đoàn, đồng chí Lưu Quý Ngữ - Phó chính ủy và tôi là Sư đoàn trưởng, chưa có Sư đoàn phó. Đồng chí Lã Ngọc Châu và đồng chí Lưu Quý Ngữ trước đây cùng trong Ban chỉ huy Trung đoàn 66 với tôi. Là những người đã từng gắn bó với chiến trường Tây Nguyên, đồng chí Lã Ngọc Châu quê ở Ninh Bình đã cùng đi với Trung đoàn 66 (1965) vào đánh trong chiến dịch Plây Me, diệt tiểu đoàn Mỹ đầu tiên ở miền Nam, đánh quy lữ đoàn 3 sư đoàn kỵ binh không vận số 1 của Mỹ. Vốn tính hiền lành và độ lượng nhưng cũng rất nghiêm túc và gương mẫu trong đấu tranh xây dựng đơn vị. Anh rất xứng đáng là con người cầm cân nảy mực cho sư đoàn. Còn anh Lưu Quý Ngữ, quê huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh, trong cuộc sống, việc làm của anh rất công phu tỉ mỉ, nói đi đôi với làm và làm đến nơi đến chốn, không thiên vị một ai. Chính những đức tính ấy của các anh, tôi thấy rất phù hợp với nhau. Do đó chúng tôi sống chân thành, quý mến lẫn nhau và sẵn sàng đấu tranh để bảo vệ phẩm chất, danh dự của cá nhân và của tập thể sư đoàn. Mặc dù chưa có sư đoàn phó, nhưng lúc này cũng được những đồng chí phụ trách cơ quan sư đoàn, như Tham mưu trưởng Vũ Ngọc Phụng là cán bộ pháo binh lâu năm lặn lội ở chiến trường nhiều kinh nghiệm chiến đấu hiệp đồng bộ - pháo, việc gì cũng chịu khó, đi đến nơi đến chốn để trực tiếp giải quyết khó khăn cho cấp dưới; đồng chí Vũ Đình Thước Tham mưu phó là người quê Cẩm Giàng, Hải Dương, đã ở Trung đoàn 66 làm chiến sĩ mà trưởng thành lên, một tiểu đoàn trưởng xông xáo trong chỉ huy đơn vị đánh Mỹ trong chiến dịch Plây Me nổi tiếng năm 1965, là con người rất xốc vác lúc thường cũng như lúc lâm trận, hầu như lúc nào anh cũng dẫn đầu, dấu ấn của anh ghi đậm nét thời đánh Mỹ từ Plây Me đến Chư Ba, Chư Tăng - Kra, chỉ có một nhược điểm khi bức dọc thì hay hò hét nói to làm cấp dưới hoảng

sợ.

Trưởng ban tác chiến Đoàn Ngọc Anh là cán bộ tham mưu lâu năm, có tính độc lập suy nghĩ táo bạo, làm việc gì cũng đến nơi đến chốn rất đặc lực; Tôi cũng rất tự hào đối với đội ngũ cán bộ tham mưu lúc ấy.

Phòng Chính trị có đồng chí Nguyễn Văn Đăng, anh đã từng kinh qua làm cán bộ chính trị lâu năm ở nhiều đơn vị; đã làm chính ủy và bí thư Đảng ủy trung đoàn, con người bình tĩnh và sâu sát, nắm rất chắc công việc lãnh đạo chính trị, xây dựng tư tưởng.

Phòng Hậu cần sư đoàn có anh Đặng Văn Khoát và anh Nguyễn Văn Thìn đều là những đồng chí đã nhiều năm làm công tác hậu cần mặt trận, qua thực tế trưởng thành, nắm bắt chắc trong những yêu cầu cần thiết về trang bị kỹ thuật, đảm bảo cuộc sống cho bộ đội, gắn bó rất chặt chẽ trên dưới, để giải quyết khó khăn trong những giờ phút ác liệt nhất của cuộc chiến đấu.

Tôi cũng được trên chỉ định trong thành phần thường vụ Đảng ủy sư đoàn cùng đồng chí Châu và đồng chí Ngữ; và cùng đồng chí Lã Ngọc Châu là đảng ủy viên mặt trận.

Chúng tôi đã sớm đề ra được kế hoạch hoàn chỉnh xây dựng sư đoàn.

Trước hết là tiến hành Đại hội Đảng các cấp từ cơ sở trở lên, chủ yếu là quán triệt tình hình nhiệm vụ theo tinh thần của nghị quyết cấp trên, gắn liền với vai trò vị trí nhiệm vụ của sư đoàn. Đánh to, thẳng lớn chiếm vị trí quan trọng bậc nhất. Xây dựng sư đoàn theo hướng tác chiến hiệp đồng binh chủng. Điều

ấy phù hợp tâm tư tình cảm của mọi cán bộ, đảng viên và chiến sĩ. Từ đó từng bước đi sâu vào liên hệ đơn vị, mọi người đều thấy rất thấm thía những điều nhận xét đánh giá của Đảng ủy và Bộ tư lệnh mặt trận với Sư đoàn 10:

Một là: Sư đoàn vừa hình thành vừa chiến đấu nên chưa có điều kiện củng cố toàn diện ngay từ đầu. Việc thành lập chứng tỏ chủ trương của Quân ủy là rất đúng, phù hợp với tình hình. Thực tế thời gian qua sư đoàn đã phát huy được hiệu lực. Nhìn chung năm 1972 và những tháng đầu năm 1974 hoàn thành khá tốt nhiệm vụ - năm 1973 không hoàn thành tốt. Do đó có thể nói sư đoàn mới đạt mức hoàn thành nhiệm vụ.

Hai là: Qua tác chiến các đơn vị trong sư đoàn đều tiến bộ nhưng đánh thường xuyên liên tục yếu, tốc độ tiến công giữa các đơn vị tiến bộ chưa đồng đều, đánh địch ngoài dã ngoại sút hơn trước, đánh xe tăng thiết giáp địch hạn chế.

Ba là: Xây dựng thường xuyên chưa có nền nếp, sự lãnh đạo của các cấp, các tổ chức đảng chưa coi trọng quản lý đơn vị, chấp hành các chế độ yếu và kỷ luật tự do tản mạn còn nặng, thương vong ngoài chiến đấu cao. Tư tưởng cán bộ các cấp còn bảo thủ kinh nghiệm chủ nghĩa.

Tất cả đều phản ánh tư tưởng tiêu cực tự do vì các đơn vị chiến đấu độc lập lâu năm. Tuy sư đoàn phát triển nhanh mà vẫn tồn tại nhiều nhược điểm, ảnh hưởng lớn cho đánh to thắng lớn.

Những nhận xét chính trên đây của Đảng ủy và Bộ tư lệnh mặt trận được coi là căn cứ chủ yếu để Đại hội Đảng các cấp liên hệ thực tiễn, đấu tranh phát huy ưu điểm khắc phục khuyết điểm, nhược điểm. Toàn sư đoàn thông qua

Đại hội Đảng các cấp từ cơ sở đến trung đoàn đã đẩy lên một phong trào rầm rộ thi đua xây dựng sư đoàn, quyết tâm xứng đáng sư đoàn chủ lực thép của mặt trận Tây Nguyên.

Đại hội đại biểu Đảng bộ sư đoàn đã được tiến hành từ ngày 3 đến ngày 6 tháng 11 năm 1974 dưới tán rừng ở gần cầu Lầy phía tây tỉnh Kon Tum. Mặc dầu lúc đó còn có một bộ phận tiếp xúc với địch, Trung đoàn 28 đang phải theo mệnh lệnh cấp trên đi đánh khu căn cứ địch ở Măng Đen – thể da báo cuối cùng trong hậu phương ta ở phía bắc tỉnh Kon Tum, nhưng hầu hết các đại biểu Đảng đều có mặt, một không khí khác hẳn trước đây, ai ai cũng mang theo một niềm kiêu hãnh thấy sư đoàn đang chuyển mình thực sự.

Qua đại hội thảo luận, bàn cãi đấu tranh gay gắt, không khí tự phê bình và phê bình sôi nổi, đi sâu vào bệnh tự do tản mạn, tiêu cực; phân tích phê phán qua nhiều hiện tượng, sự việc xảy ra ở trong sư đoàn thời gian qua - cuối cùng Đại hội đại biểu Đảng bộ sư đoàn đã 100 phần trăm nhất trí nêu khẩu hiệu truyền thống của sư đoàn: Đoàn kết - thống nhất - kiên cường - quyết thắng”.

Sau đại hội, các đại biểu về đơn vị phổ biến nghị quyết đại hội và phát động phong trào thi đua yêu nước, nhiều chỉ tiêu phấn đấu xây dựng được nêu ra một cách cụ thể, thích hợp với từng đơn vị, làm cho không khí phấn đấu của cán bộ, chiến sĩ trong sư đoàn náo nhiệt hẳn lên - tôi có cảm tưởng lúc này là cơ hội để mọi cán bộ, đảng viên phát huy vai trò gương mẫu, đầu tàu tiên phong lãnh đạo làm cho sư đoàn tiến lên một bước có ý nghĩa quyết định.

Do đó đầu óc tôi cứ xoáy vào suy nghĩ đối với trách nhiệm mình. Nào là tính toán kỹ kế hoạch xây dựng quân sự sao cho thật tốt, đảm bảo toàn diện từ huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật đến các mặt bảo đảm chiến đấu, chăm lo sức khỏe cho bộ đội. Nào là phải làm sao xây dựng được nền nếp lãnh đạo chỉ

huy, phù hợp với yêu cầu chiến đấu mới. Qua đó tôi nghĩ đến việc làm sao tạo cho được sự chuyển biến ở từng đơn vị, phù hợp với khả năng trình độ hiện tại đang có.

Trung đoàn 66 là đơn vị đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, ngày 19 tháng 5 năm 1972, mang danh hiệu đoàn Plây Me Anh hùng. Trong chiến tranh chống Pháp là trung đoàn chủ lực của Liên khu 3, sau đó là trung đoàn chủ công của Sư đoàn 304, đã nổi tiếng khi sang Trung - Hạ Lào đánh địch, phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Vào chiến trường Tây Nguyên tháng 8 năm 1965, vừa tới chiến trường trung đoàn đã tham gia ngay chiến dịch Plây Me diệt Mỹ. Thực hiện đúng khẩu hiệu: “Bám thắt lưng Mỹ mà đánh”, mặc dầu bom đạn Mỹ đánh dữ dội, nhưng trung đoàn đã thực hiện đánh gần xen kẽ với địch, đánh quy lữ đoàn kỵ binh 3 không phận của sư đoàn kỵ binh không vận số 1 con cưng của nước Mỹ, trong đó diệt hoàn toàn tiểu đoàn 1 của lữ đoàn này và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 2 Mỹ. Từ đó đến năm 1972 là trung đoàn chủ lực của mặt trận Tây Nguyên, trung đoàn đã tham gia nhiều chiến dịch với vai trò chủ công, đâu có khó khăn, ác liệt là có mặt trung đoàn ở đấy, các đơn vị trong trung đoàn đã thể hiện rất tiêu biểu trong nhiều trận đánh: đại đội 2 tiểu đoàn 7 ngày 3 tháng 7 năm 1966 đã diệt gọn đại đội Mỹ ở Đức Cơ, Gia Lai nêu một kỷ lục lần đầu tiên đại đội ta diệt đại đội Mỹ, thi đua với đại đội 2 mùa Xuân năm 1969, đại đội 6 tiểu đoàn 8 của trung đoàn lại lập một kỷ lục xuất sắc mới diệt gọn đại đội Mỹ ở Chư Rơ Bang trong ngày 2 tháng 3 năm 1969 với tỷ lệ thương vong thấp nhất (ta 1 địch 32).

Tiểu đoàn 7 chủ công của trung đoàn đã từng là một đơn vị “ống tay áo xắn cao, súng, lựu đạn trong tay” băng qua rừng le, rừng khọc tìm đánh địch suốt ngày và đêm trong chiến dịch Plây Me 1965. Ngày 3 tháng 7 năm 1966 khi quân Mỹ từ đồn Đức Vinh kéo nhau ra lấy xác đồng bọn, tiểu đoàn dùng đại đội 2 chốt giữ, dùng đại đội 1 và 3 vận động tiến công vào sườn địch diệt gọn đại đội Mỹ, bắn cháy 3 máy bay của địch buộc bọn địch còn lại và xe tăng của chúng phải rút chạy. Tiểu đoàn 7 đã mở đầu cho chiến thuật “vận động tiến công kết hợp chốt” ở chiến trường Tây Nguyên thời đánh Mỹ.

Tiểu đoàn 8 của trung đoàn tham gia chiến dịch Plây Me trong hoàn cảnh hành quân từ miền Bắc vào sau cùng, vừa tới nơi liền được lệnh tham gia trận đánh ở thung lũng Ia Đrăng - quyết chiến điểm của chiến dịch, đã trở thành đơn vị chủ yếu diệt tiểu đoàn 1 Mỹ.

Ngày 2 tháng 11 năm 1969, tiểu đoàn 8 đã đánh tiểu đoàn biệt kích hỗn hợp (có 70 Mỹ) ở cứ điểm Ka Te (Phước Long) thu 2 pháo 155 ly và 6 pháo 105 ly cùng toàn bộ kho tàng.

Tiểu đoàn 9 của trung đoàn cũng tham gia chiến dịch Plây Me, thực tế cũng là đơn vị xuất sắc bám thắt lưng Mỹ mà đánh trong chiến dịch - nhưng chiến công rõ nét nhất là từ ngày 21 đến trưa ngày 22 tháng 5 năm 1969 đã tiêu diệt gọn tiểu đoàn biệt kích ứng chiến hỗn hợp Mỹ - ngụy số 2, loại khỏi vòng chiến đấu 327 tên địch, nêu một kỷ lục đầu tiên tiểu đoàn ta tiêu diệt gọn tiểu đoàn địch ở khu vực Đắc Dơ Hay thuộc huyện Sa Thầy - Kon Tum.

Một chiến công nổi bật của Trung đoàn 66, trong chiến dịch bắc Tây Nguyên, năm 1972, trung đoàn đã lập công xuất sắc tiêu diệt địch trong căn cứ Tân Cảnh (4-1972) chiếm trận địa địch, diệt gần hết lực lượng sư đoàn 22 (thiếu) và một thiết đoàn của địch; giành thắng lợi quyết định cho chiến dịch.

Ngày 12 tháng 10 năm 1972, trung đoàn tiêu diệt được căn cứ Bến Hét (Plây Cơn) là cụm công sự vững chắc trên trục đường 18 ngã ba biên giới ba nước. 800 tên địch vừa bị diệt vừa bị bắt, thu toàn bộ vũ khí kho tàng, đạn dược, mở đầu lịch sử cho Sư đoàn 10.

Quân ngụy Sài Gòn ở chiến trường Tây Nguyên nhiều phen mất hồn, bạt vía

khi nghe tin phải giáp chiến với “Anh Hai Râu” đều rủ nhau bỏ chạy. Hai Râu là biệt danh quân ngụy gọi “Trung đoàn 66”.

Cũng cần nói thêm, với độ dày thành tích, cán bộ trong trung đoàn được mặt trận Tây Nguyên điều động, có mặt chỉ huy hầu hết các đơn vị trên chiến trường, Trung đoàn 66 đã trở thành nơi chủ yếu đào tạo cán bộ cho mặt trận; đồng thời cũng là đơn vị tạo ra những hình thức chiến thuật mới: như vận động tiến công kết hợp chốt, vận động bao vây tiến công liên tục (Tây Nguyên gọi là bao vây công kích); đánh địch trong công sự vững chắc, khiêng pháo (xe kéo) lên đỉnh núi cao để bắn trực tiếp vào công sự kiên cố của địch.

Những hình thức chiến thuật đó đều đã được Bộ tư lệnh mặt trận xác nhận, đúc kết thành kinh nghiệm lý luận - Bộ Tổng tham mưu cũng lấy đó biên soạn thành tài liệu lý luận chiến thuật cho quân đội.

Tôi nghĩ Trung đoàn 66 có điều kiện thuận lợi là phần lớn cán bộ và chiến sĩ đều dày dạn trong chiến đấu, lại là đơn vị luôn phát triển sáng tạo được nhiều hình thức chiến thuật bộ đội chiến đấu dũng cảm, áp sát đánh gần, phân đội nhỏ độc đảm chiến đấu linh hoạt nên chắc chắn trung đoàn sẽ trở thành trung đoàn mạnh trong đội hình sư đoàn tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn. Điều cần khắc phục là hiện tượng tự do tản mạn vẫn còn.

Trung đoàn 28 là đơn vị được thành lập ngày 15 tháng 10 năm 1968, đã kinh qua thời kỳ chiến đấu ở mặt trận Đường 9 “Khe Sanh”, ăn cơm bờ Bắc, đánh giặc bờ Nam; đã được rèn luyện trong khói lửa của cuộc đổ sức quyết liệt với quân Mỹ - ngụy ở chiến trường Trị - Thiên.

Cuối tháng 1 năm 1969, trung đoàn được điều động vào mặt trận Tây Nguyên tham gia chiến dịch đánh sư đoàn 4 Mỹ ở phía tây tỉnh Kon Tum. Đại đội 2 tiểu đoàn 1 diệt gần hết một đại đội của tiểu đoàn 1 trung đoàn 12 sư đoàn 4 Mỹ ở Chư Đô (trong đêm 4 tháng 3 năm 1969). Đại đội 28 đặc công của trung đoàn đã đánh vào đại đội B của tiểu đoàn 1 Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu 80 tên, thu 17 súng và 3 PRC25. Trong cùng thời gian đó, trung đoàn đã đánh thiệt hại nhiều đơn vị Mỹ, kết hợp các đơn vị bạn làm thất bại cuộc hành quân cuối cùng của quân viễn chinh Mỹ ở Tây Nguyên.

Sang giữa năm 1969, trung đoàn đã tham gia đánh nhiều trận trong chiến dịch Đắc Tô 2 với nhiều hình thức tác chiến; năm 1970 tham gia chiến dịch Đắc Xiêng, Tây Bắc đường 18 Kon Tum đi ngã ba biên giới đã cùng phối hợp đơn vị bạn tiêu diệt tiểu đoàn 1 trung đoàn 42. Khi tiến sang đất bạn Lào, đã giải phóng khu vực rộng lớn ở A Tô Pơ và miền tây cao nguyên Bô Lô Ven, tiểu đoàn 2 đã đánh diệt gọn một tiểu đoàn địch, quét sạch địch ở vùng đông bắc Cam-pu-chia.

Năm 1971, trung đoàn tham gia chiến dịch ngã ba biên giới, Ngọc Tu Ba, Ngọc Rinh Rua; năm 1972 tham gia chiến dịch bắc Tây Nguyên, trung đoàn làm nhiệm vụ cắt đường 14 đảm bảo vững chắc cho các đơn vị tiêu diệt địch ở Tân Cảnh - Đắc Tô. Đại đội đặc công của trung đoàn đã lập công xuất sắc; trong đêm 7 tháng 4 năm 1972, đã diệt trận địa pháo địch ở Kong Trang Lang Loi, loại khỏi vòng chiến đấu 150 tên, phá hủy hoàn toàn 2 đại đội pháo binh 105 ly và 155 ly của địch, làm cho lữ đoàn dù địch rơi vào tình trạng lúng túng, khủng khiếp, tạo được cho đơn vị bạn thuộc Sư đoàn 320 của ta tiêu diệt gọn tiểu đoàn 11 dù trên cao điểm 1015 (12 khẩu pháo địch và 24 xe tải cùng 5 xe tăng, xe bọc thép đều bị phá hủy trong trận này). Trung đoàn cũng đã diệt gọn đoàn xe địch chở lính 10 chiếc cùng 8 xe tăng và M113 trong thời gian đó.

Năm 1974, Trung đoàn đã cùng đơn vị bạn lập nhiều chiến công xuất sắc.

Tiêu biểu là ngày 30 tháng 10 năm 1974 tiêu diệt khu căn cứ Măng Đen của địch cách phía bắc thị xã Kon Tum 37km trên độ cao 1.000m. Đây là trận đánh tiêu diệt địch trong công sự vững chắc của trung đoàn, toàn bộ ban chỉ huy chiến thuật thuộc tiểu khu Kon Tum, ban chỉ huy chi khu Chương Nghĩa và tiểu đoàn 254 hoàn toàn bị tiêu diệt, giải phóng vùng đất rộng lớn nối liền tỉnh Kon Tum đi Quảng Ngãi.

Nhược điểm của trung đoàn là đánh tiêu diệt địch chưa cao, thương vong tổn thất với ta còn nhiều, tổ chức chỉ huy của trung đoàn chưa có nền nếp chặt chẽ, đánh giằng co phân tán nhiều, chưa phát huy được sức mạnh tập thể cả trung đoàn chưa phát huy được triệt để hình thức tác chiến hiệp đồng các binh chủng.

Mặc dầu Trung đoàn 28 còn bộc lộ những nhược điểm, khuyết điểm trên, nhưng trung đoàn đã trải qua bề dày kinh nghiệm chiến đấu; cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm xây dựng đơn vị, qua rèn luyện thích ứng với điều kiện chiến trường biết chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, chịu khó học hỏi sáng tạo. Đây là những điểm mấu chốt để xây dựng trung đoàn thành đơn vị mạnh tiến lên tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn.

*

Trung đoàn 24 tiền thân là chi đội 3 vệ quốc đoàn thuộc chiến khu 3 Tây Nguyên. Sau này lần lượt nhiều lần đổi tên. Trong chiến tranh chống Pháp, Trung đoàn 24 (cũ) đánh địch trên trục đường số 5 rất anh dũng kiên cường. Bác Hồ đã tặng cho trung đoàn tên “Trung đoàn Trung Dũng”.

Có mặt ở chiến trường Tây Nguyên ngày 27 tháng 12 năm 1971, trong chiến dịch Xuân Hè 1972 trung đoàn đã đánh cắt giao thông và đánh phục kích đạt nhiều kết quả.

Thành công lớn nhất của trung đoàn là đánh cắt giao thông địch, tạo được thế chia cắt địch rất lợi hại khi làm nhiệm vụ đánh cắt giao thông ở khu vực đường 14 đoạn núi Chư Thoi, nam thị xã Kon Tum.

Dưới làn mưa bom đạn pháo địch, trung đoàn vẫn kiên cường trụ bám, kết hợp chốt và xuất kích đã đánh lui và đánh thiệt hại trung đoàn 45 trung đoàn 53 và các chi đoàn xe bọc thép địch, giữ vững trận địa cắt giao thông - đường 14 hoàn toàn bị cắt đứt trong nhiều ngày. Trong ác liệt khó khăn và gian khổ, trung đoàn đã phát huy được cách đánh gần để địch vào sát cách công sự 10 – 15m bắn và ném lựu đạn; dùng B40 - B41 bắn xe tăng, xe bọc thép địch.

Chốt kết hợp vận động xuất kích ngắn là hình thức chiến thuật, trung đoàn đã vận dụng thành công.

Ngày 16 tháng 3 năm 1974, trung đoàn đã vận động bao vây tiêu diệt tiểu đoàn 62 địch ở đông bắc thị xã Kon Tum 7km, diệt 72 tên, làm bị thương 111 tên tại trận, bắt 20 tên địch, thu 51 súng.

Ngày 2 tháng 4 năm 1974, tác chiến hiệp đồng bộ - pháo trung đoàn đánh tập trung tiêu diệt được căn cứ 1227 Kon Rốc chỉ trong 2 giờ, tiêu diệt gọn tiểu đoàn bảo an 280, diệt 116 tên tại trận, bắt 31 tù binh, thu và phá hủy hàng trăm súng, với thương vong của ta: 8 đồng chí hy sinh, 31 đồng chí bị thương.

Nhìn chung Trung đoàn 24 phát triển từng bước có tính toàn diện phù hợp đặc điểm chiến trường. Nhược điểm lớn nhất là đánh hiệp đồng binh chủng còn yếu, chưa có những trận đánh tập trung trung đoàn tiêu diệt gọn tiểu đoàn

địch một cách xuất sắc.

Với ba năm có mặt ở chiến trường Tây Nguyên, đó là thời gian thử thách, rèn luyện để Trung đoàn 24 từng bước trở thành trung đoàn mạnh. Cán bộ và chiến sĩ có quyết tâm học hỏi, ý thức chấp hành mệnh lệnh tốt, kiên định vững vàng chịu khó phấn đấu trong mọi hoàn cảnh khó khăn phức tạp, bên cạnh các đơn vị trong sư đoàn có độ dày kinh nghiệm chiến đấu, chắc chắn Trung đoàn 24 sẽ xây dựng thành công để trở thành trung đoàn mạnh, đánh giỏi góp phần xứng đáng vào thành tích chung của sư đoàn.

*

Trung đoàn 4 pháo binh sư đoàn thực chất là tổng hợp các tiểu đoàn pháo binh mặt trận, hầu hết đều đã tham gia các chiến dịch trên chiến trường - đánh hiệp đồng binh chủng cũng khá, đánh độc lập luôn sâu cũng giỏi, rất thành thạo sử dụng các loại hỏa lực khác nhau (cối 82 ly, 120 ly, pháo 105 ly Mỹ, lựu pháo 122 ly, pháo 85 ly và cả pháo 155 ly và Đ74 nòng dài) đánh địch trên mọi loại địa hình. Đặc biệt từ 1972, ngay từ ngày mới thành lập trung đoàn đã phát huy tốt hiệu lực pháo binh, tháo rời pháo (xe kéo), khiêng lên núi cao, dùng cách bắn ngắn trực tiếp diệt hỏa điểm, lô cốt, công sự kiên cố của địch trong trận địa vững chắc, chi viện rất đắc lực cho bộ binh, được bộ binh rất tin tưởng.

Cái yếu nhất của trung đoàn là cơ quan mới thành lập, xây dựng chưa có nền nếp, chỉ huy đánh tập trung quy mô lớn chưa thành thạo, tác phong còn luộm thuộm, tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn còn nhiều vấn đề phải đề cập.

Nhưng tôi hy vọng những khuyết điểm, nhược điểm đó của Trung đoàn 4 sẽ sớm được khắc phục vì cán bộ chủ trì các cấp đều đã qua chiến đấu dày dạn,

lặn lội nhiều ở chiến trường, có hào hứng phấn khởi và quyết tâm được đứng trong đội hình tập trung của sư đoàn, chiến sĩ các phân đội, khẩu đội hầu hết đã qua chiến đấu, có trình độ và kinh nghiệm chuyên môn, nên trung đoàn sẽ xứng đáng là trung đoàn pháo binh đánh giỏi trong tác chiến hiệp đồng binh chủng của sư đoàn.

Bên cạnh những mặt hạn chế về tác phong nền nếp công tác của các cơ quan sư đoàn, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ trợ lý có hạn, còn phần lớn cán bộ của sư đoàn đã thích ứng với chiến trường, biết sâu sát lẫn lộn với đơn vị chiến đấu.

Đặc biệt cái hay và thú vị lúc này là cách tổ chức sắp xếp cán bộ của mặt trận là rất coi trọng và điều động cán bộ kinh qua chiến đấu về cơ quan, điều cán bộ cơ quan xuống đơn vị chiến đấu để rèn luyện, nên giữa cơ quan và đơn vị gần gũi nhau, hiểu biết nhau, gắn bó nhau chặt chẽ, mặt khác lại điều động cán bộ ở chiến trường lâu năm, có trình độ, dày dặn kinh nghiệm chiến đấu sang đơn vị mới để cán bộ học hỏi lẫn nhau, đẩy nhanh tốc độ xây dựng đơn vị. Trên thực tế đó, đã tạo điều kiện cho sư đoàn hình thành một khối thống nhất.

Điềm qua lịch sử của các đơn vị, tôi muốn nói lên một vấn đề rất quan trọng: Sư đoàn 10 là kết tinh truyền thống các đơn vị chủ lực của mặt trận Tây Nguyên. Truyền thống ấy được phát huy triệt để trong suốt thời gian tiếp theo, nổi bật là Xuân 1975 từ chiến dịch Tây Nguyên đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, sư đoàn đã đóng góp thành tích xứng đáng với quân đội và nhân dân cả nước - nó đã giải đáp vì sao Sư đoàn 10 Tây Nguyên mới thành lập được 3 năm (1972 - 1975) mà đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu “Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” ngay từ đợt đầu tiên so cùng các đơn vị sư đoàn khác trong toàn quân¹.

1. Sau 7 năm thành lập (1-1972 - 12-1979) Sư đoàn bộ binh 10 được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân 2 lần:

- Lần 1 vào ngày 12 tháng 9 năm 1975.

- Lần 2 vào ngày 20 tháng 12 năm 1979.

Vấn đề đặt ra hiện nay với sư đoàn là nắm bắt cho được yêu cầu tác chiến mới, phấn đấu tạo ra khả năng tập trung thống nhất toàn sư đoàn để trở thành đạo quân tinh nhuệ đánh giỏi tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn.

Qua suy nghĩ về quá trình lịch sử hình thành của các đơn vị trong sư đoàn, tôi nhận thấy: Rõ ràng việc xây dựng sư đoàn đánh tập trung hiệp đồng binh chủng quy mô lớn trở thành một vấn đề vô cùng cấp bách. Sự việc không đơn thuần là làm sao khắc phục nhược điểm yếu kém của từng đơn vị mà quan trọng hơn nữa là phải nâng cao sự hiểu biết về nhận thức, yêu cầu tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn.

Vì thế, sau khi cùng cơ quan chuẩn bị xong, chúng tôi liền bắt tay mở các lớp tập huấn sư đoàn, thành phần tập huấn bao gồm từ cán bộ đại đội trở lên. Cán bộ đều phải luân phiên nhau để được tập huấn kể cả những đơn vị đang chiến đấu. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã tiến hành được 3 lớp tập huấn ở cấp sư đoàn cho tất cả cán bộ từ bộ binh đến binh chủng, cùng các cán bộ cơ quan kể cả hậu cần quân y.

Ngoài việc truyền đạt cho anh em biết khái niệm nhận thức tác chiến hiệp đồng binh chủng mà tôi đã tiếp thu được ở Trường Quân sự trung cao cấp, tập huấn đi sâu vào tướng định: sư đoàn ta tập trung tiêu diệt lũ đoàn của địch ra phản kích ở dã ngoại trong thời gian 5 - 7 ngày, sau đó thừa thắng đánh thẳng vào thị xã, thành phố, tiêu diệt các căn cứ của địch và đánh bại địch

phản kích, bằng diễn tập trên sa bàn và bản đồ. Mặt khác tập huấn sư đoàn còn đem các chiến lệ, các trận đánh đã có của từng trung đoàn ra phân tích, nêu rõ nguyên nhân thành công và chưa thành công, không những đi sâu vào chiến thuật... và cách đánh mà qua đó còn chấn chỉnh nền nếp tác phong chỉ huy chiến đấu, kỹ thuật chiến trường và kỷ luật chấp hành các chính sách thương binh, tử sĩ, chính sách chiến lợi phẩm, chính sách tù hàng binh và kỷ luật dân vận.

Tôi nêu một điển hình chiến dịch Đắc Xiêng (năm 1970), ta vây ép đồn Đắc Xiêng để buộc địch đi giải tỏa cho ta đánh, ngày 6 tháng 4 năm 1970 tiểu đoàn biệt kích số 1 của địch đổ quân xuống đồi cao cách Đắc Xiêng 1km về phía đông nam - do dự đoán đúng hướng và đường xuất kích của tiểu đoàn biệt kích, Trung đoàn 66 quyết định dùng tiểu đoàn 8 phục kích để tiêu diệt tiểu đoàn biệt kích này - Trận địa tiểu đoàn 8 có thêm hỏa lực tăng cường của trung đoàn bí mật bố trí phía đông cách cao điểm địch 300m. Trong kế hoạch đại đội 7 lợi dụng thời cơ từ hướng tây lên chiếm cao điểm lúc địch đã rời cao điểm, nhằm khóa đuôi đảm bảo cho tiểu đoàn 8 (-) diệt gọn tiểu đoàn địch. Nhưng thực tế diễn biến, khi địch đã rời cao điểm bắt đầu lọt vào khu vực ta đang phục kích, thì đại đội 7 chiếm được cao điểm, lại rơi vào tình trạng tranh nhau đi sục tìm đồ hộp của địch bỏ lại, cán bộ chỉ huy không nắm được quân, đội hình rất lộn xộn - địch phát hiện, lập tức chúng gọi phi pháo đến oanh tạc làm cho đại đội 7 thương vong nặng, sau đó tiểu đoàn 1 địch trở lại chiếm cao điểm - ta phục kích hụt hẫng, không hoàn thành nhiệm vụ vì bộ đội vi phạm kỷ luật chiến đấu.

Nhớ lần đầu tập huấn cấp sư đoàn, khi bàn kế hoạch thì nhất trí nhưng lúc đưa ra sa bàn để thảo luận thì đồng chí Lã Ngọc Châu có phân vân, đưa xe tăng tăng cường cho các trung đoàn, sẽ trở thành thói quen ỷ lại binh khí kỹ thuật. Tôi hiểu rằng đồng chí Châu xưa nay là cán bộ phụ trách lãnh đạo đơn vị, hầu hết các trận đánh dùng hỏa lực trong biên chế là chính, vả lại đồng chí Châu thấy chiến trường rừng núi cũng không phải trường hợp nào cũng thuận lợi dùng xe tăng, nên phân vân của đồng chí Châu cũng có phần đúng. Vì vậy, chúng tôi đã nhất trí với nhau trong phương án tập huấn có tình huống trung đoàn được tăng cường xe tăng, pháo binh, cao xạ, có tình huống trung

đoàn phải tự dùng hỏa lực trong biên chế để đánh thắng địch, hoàn thành nhiệm vụ sư đoàn giao cho.

Một vấn đề nữa làm tôi suy nghĩ là qua các chiến dịch, như năm 1972 đánh vào thị xã Kon Tum, xe tăng thường vượt trước, bộ binh không theo kịp, nên các tổ hỏa lực và các tổ diệt tăng của địch đánh diệt xe tăng ta. Tôi đem vấn đề ra thảo luận quân sự dân chủ trong tập huấn, bàn cãi nhau cũng nhiều, cuối cùng thống nhất sử dụng “xe tăng, thiết giáp cặp đôi”, trên thiết giáp có tiểu đội bộ binh từ 6 - 8 đồng chí; để quá trình cơ động, xe tăng luôn luôn có thiết giáp và bộ binh bảo vệ chặn đánh các tổ diệt tăng của địch.

Vấn đề này, sau khi tập kết chiến dịch ở nam Tây Nguyên, được nghe chiến lệ đánh Phước Long, xe tăng ta cũng bị tình trạng tương tự. Chúng tôi càng thấy việc thống nhất trong sư đoàn là tương đối thích hợp; cho đến ngày đánh vào Buôn Ma Thuột (10-3-1975) tiểu đoàn 4 Trung đoàn 24 kết hợp với tiểu đoàn (thiếu), xe tăng, thiết giáp theo cách đó, đã vận dụng thành công mũi thọc sâu vào chỉ huy sở sư đoàn 23 ngụy. Từ đó về sau, sư đoàn đều áp dụng tương tự.

Tiếp theo các lớp tập huấn sư đoàn, các trung đoàn cũng tiến hành các lớp tập huấn cho cán bộ phân đội từ cán bộ tiểu đội trở lên, đồng thời sư đoàn cũng giao cho tiểu đoàn 28 (tiểu đoàn huấn luyện) tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ phân đội (bộ binh và binh chủng). Trong huấn luyện cán bộ phân đội và bộ đội sư đoàn rất coi trọng việc tìm cách sáng tạo phát huy hiệu lực của các loại vũ khí cả của ta và địch, bắn ứng dụng, bắn găm, bắn chìm, bắn kìm thích hợp chiến đấu trong thành phố, đồng thời liên hệ với Trung đoàn 273 xe tăng thiết giáp để tập luyện cán bộ biết đánh hợp đồng; thiết kế trên thao trường đầy rẫy các mô hình xe tăng cho bộ đội luyện tập (bằng gỗ và bằng lá rừng).

Các lớp tập huấn của sư đoàn và trung đoàn đều đạt kết quả tốt, huấn luyện

bộ đội luân phiên nhau, cả phía trước phía sau đều được rèn luyện. Đạt được kết quả thực sự sư đoàn đã biến được tinh thần hăng hái sôi sục từ đại hội Đảng thành sức mạnh vật chất mà tạo nên - theo tôi nghĩ cái quý nhất là qua tập huấn, sư đoàn đánh giá được trình độ cán bộ để tiếp tục rèn luyện anh em thêm.

Không khí thao trường ở đơn vị nhộn nhịp bao nhiêu thì cơ quan mặt trận càng dồn nén công việc bấy nhiêu, hết phái đoàn tham mưu xuống kiểm tra huấn luyện, tổ chức cuộc thi đua thành tích xây dựng đơn vị, đến phái đoàn hậu cần xuống sư đoàn kiểm tra vật chất kỹ thuật, các đội sửa chữa súng xuống thu hồi hư hỏng về kho, đổi lại súng mới cho sư đoàn. Phòng Trinh sát mặt trận thì thông báo cho sư đoàn biết tình hình địch lúc đó như sau:

Toàn miền Nam cuối năm 1974 chủ lực quân nguy có 13 sư đoàn chính quy, 18 liên đoàn biệt động với hơn 2.000 xe tăng và xe bọc thép, 1.500 khẩu đại bác, 6 sư đoàn không quân hàng chục vạn bảo an, dân vệ và cảnh sát, nhưng chúng phải phân tán dần mỏng. Hai sư đoàn tổng dự bị chiến lược (dù và thủy quân lục chiến) bị giam chân ở Trị - Thiên thường xuyên phải đối phó với khối chủ lực mặt trận Đường 9 ta. Phần lớn lực lượng bộ binh, pháo binh, thiết giáp, không quân và lực lượng quân địa phương tập trung vào tuyến phòng ngự Huế - Đà Nẵng, Sài Gòn, Gia Định một phần ở Cần Thơ, Chương Thiện và đường số 4. Trên địa bàn quân khu 2 (quân khu 5 Tây Nguyên) địch bố trí 2 sư đoàn chủ lực, 7 liên đoàn biệt động, 14 tiểu đoàn và đại đội pháo binh, 5 thiết đoàn và 13 chi đội xe tăng thiết giáp, 2 sư đoàn không quân với 138 máy bay chiến đấu. Thực tiễn các lực lượng này phải rải ra phòng ngự trên 12 tỉnh duyên hải và miền núi.

Riêng ở Tây Nguyên, quân đoàn 2 nguy phải tập trung hơn hai phần ba lực lượng bộ binh và pháo binh, một sư đoàn không quân và hầu hết các thiết giáp. Chuẩn tướng Lê Văn Thân được cử lên làm tư lệnh phó quân khu 2 để phụ trách các lực lượng an ninh lãnh thổ, sẵn sàng đánh phá cơ sở của ta bằng những kế hoạch đặc biệt. “Chiến dịch bình định cấp tốc, bình định lập tức” đã

diễn ra, nhưng không ngăn cản nổi sự phát triển của ta.

Trên khu vực Plây Cu - Kon Tum, địch bố trí sư đoàn 23 (-) 6 liên đoàn biệt động, 2 tiểu đoàn pháo binh, 4 thiết đoàn, 1 liên đoàn và 21 tiểu đoàn bảo an, hướng Đắc Lắc - Quảng Đức có trung đoàn 53 sư đoàn 23, 1 thiết đoàn, 2 tiểu đoàn pháo binh, 12 tiểu đoàn bảo an và liên đoàn biệt động 21. Phú Bổn có 4 tiểu đoàn bảo an.

Cách bố trí lực lượng của địch như vậy bộc lộ nhược điểm rất lớn về phòng ngự, vì quân chủ lực hầu như mắc kẹt vào từng địa phương. Mâu thuẫn giữa ý đồ phòng ngự với khả năng có hạn, mâu thuẫn giữa giữ trận địa và rút lực lượng ra để cơ động. Đó là cơ hội cho ta đánh to thắng lớn.

Về ta: Giữa năm 1974, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh cử Thiếu tướng Vũ Lăng vào làm Tư lệnh B3 (mặt trận Tây Nguyên), đại tá Đặng Vũ Hiệp - Chính ủy mặt trận, đồng chí Hoàng Minh Thảo và đồng chí Trần Thế Môn đi nhận công tác nơi khác.

Tháng 9 năm 1972, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh giao nhiệm vụ cho B3 mở chiến dịch Nam Tây Nguyên, chủ yếu là khu vực Đức Lập - Thuần Mẫn, Đắc Lắc. Đảng ủy và Bộ tư lệnh B3 bắt tay vào chuẩn bị, hướng chủ yếu là Đức Lập. Mặt trận đã sớm điều động các lực lượng công binh đi trước mở các trục đường, các kế hoạch được phổ biến cho các đơn vị, đặc biệt là kế hoạch bảo đảm chuyển vận vật chất xuống phía Nam.

Hội nghị tham mưu mặt trận được triệu tập trong 2 ngày 15 và 16 tháng 11 năm 1974. Sau khi dự hội nghị Tham mưu trưởng Võ Ngọc Phụng báo cáo: Chuẩn bị cơ động sư đoàn thiếu, đánh Đức Lập, phối hợp với Sư đoàn 320

đánh trên trục đường 21 - Sê Rê Pôc và phía Nam. Sư đoàn - căn cứ vào đó chuẩn bị, vào ngày 25 tháng 11 Đảng ủy sư đoàn họp quyết định phương án hành quân, giao Trung đoàn 24 ở lại giữ địa bàn tỉnh Kon Tum. Không ngờ lúc đó lại xảy ra chuyện mới: Trung đoàn 24 do đồng chí Vũ Văn Tài làm Trung đoàn trưởng thay đồng chí Đinh Xuân La; đồng chí Bùi Văn Hòe làm Chính ủy thay đồng chí Nguyễn Nghịch, đồng chí Trương Văn Việt làm Trung đoàn phó. Các đồng chí biết được quyết định trên, trong đội ngũ cán bộ Trung đoàn 24 xôn xao hẳn lên. Đảng ủy trung đoàn và ban chỉ huy Trung đoàn 24 đã họp lại, bàn nhau kiến nghị yêu cầu cho trung đoàn đi theo sư đoàn, hứa hẹn quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà cấp trên giao phó.

Trung đoàn trưởng Vũ Văn Tài và Chính ủy Bùi Văn Hòe khẩn trương bám chúng tôi đưa quyết tâm thư. Chúng tôi lúc đó thật sự lúng túng, vì biết rằng nếu thay đổi thì không đơn vị nào chịu ở lại bám trụ Kon Tum.

Tôi cũng có suy nghĩ, muốn cho chúng tôi đánh to thắng lớn thì phải đánh tập trung cả sư đoàn. Chuyện này đã trở thành bài toán hắc búa. Trong chiến đấu, có khi cấp dưới biểu hiện tích cực mà làm cho cấp trên khó xử là thế. Trong khi đang đau đầu, thì được lệnh cấp trên triệu tập sư đoàn trưởng và chính ủy lên mặt trận họp, chúng tôi bàn nhau đi tới một đề nghị với Đảng ủy và Bộ tư lệnh mặt trận cho chúng tôi được cơ động cả sư đoàn.

Vào hội nghị, thảo luận nghị quyết cấp trên và bàn phương án hoạt động, đồng chí Tư lệnh Vũ Lăng tuyên bố kế hoạch hoạt động và cơ động lực lượng, trong đó nói rõ nhiệm vụ của Sư đoàn 10. Lúc này, chúng tôi mới biết rõ có Sư đoàn 968 đang chiến đấu ở Nam Lào, sẽ vào thay Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 để hai sư đoàn này rút ra và cơ động được cả sư đoàn. Chúng tôi nghe, phấn khởi quá. Bộ tư lệnh mặt trận đã giải thoát cho tôi bài toán hắc búa này. Tôi nghĩ nếu tin này phổ biến cho Trung đoàn 24 thì cán bộ, chiến sĩ trung đoàn sẽ phấn khởi biết chừng nào, và thực tế về sau đã trở thành động lực trung đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tình hình của sư đoàn lúc đó rất ổn định, vì được cơ động để đánh to thắng lớn nên ai cũng mong chờ, rạo rức như đi trẩy hội, ý thức tự nguyện tự giác được nâng cao, ai cũng tỏ ra sẵn sàng chấp hành triệt để mệnh lệnh trên.

Sau hội nghị trở về, chúng tôi bắt tay vào việc chuẩn bị hành quân và sẵn sàng bàn giao địa bàn cho bạn.

Chương hai TRONG CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN

* HÀNH QUÂN TẬP KẾT

Cơ động sư đoàn về phía Nam theo đúng lệnh của trên, cơ quan tham mưu mặt trận đã hoàn chỉnh kế hoạch cung trạm và lộ tiêu chỉ dẫn trên trục đường chiến lược. Nhưng phương án tổ chức hành quân từng đơn vị lại thay đổi từng bước, lúc đầu tính kế hoạch đi bộ, chỉ kết hợp một phần cơ giới, kế hoạch của sư đoàn do đó cũng rất vất vả, vừa kế hoạch đi bộ, vừa kế hoạch khi có xe vận tải của Đoàn 559.

Đồng chí Đoàn Ngọc Anh - Trưởng ban Tác chiến của sư đoàn phải vật lộn với kế hoạch, không khác gì chuẩn bị cho kế hoạch tác chiến để sư đoàn bước vào chiến dịch. Nào tiền trạm khi đi bộ, khi có xe, cung trạm, thời gian địa điểm từng khối trên trục đường, nào kế hoạch thứ tự rút quân, tập kết, bàn giao cho đơn vị bạn.

Vấn đề quan trọng nhất lúc đó là giữ bí mật, cấm bộ đội ra với dân, hoặc cứ

để như bình thường cũng thành chuyện - cơ quan tham mưu sư đoàn lúc đó cũng thực hiện nghi binh, nhưng quá đơn giản, đến nỗi mấy mụ bán hàng cũng biết - chập tối thì các anh rầm rộ kéo pháo vào như sắp đánh to, đến khuya các anh bí mật rút về.

Từ nhận thức qua thực tiễn, tôi thấy cần nói rõ cho cán bộ biết: Đánh giặc muốn giành được thắng lợi giòn giã, thì phải khôn khéo nghi binh lừa địch. Nghi binh lừa địch gắn liền với giữ bí mật về ta, nếu chủ quan giản đơn thì khó tránh khỏi thất bại. Bộ tư lệnh Sư đoàn lúc đó đã phải họp bàn rất kỹ và quyết định ra lệnh cho tất cả các đơn vị phải tổ chức lại tuyển công sự cho thật tốt, từ cơ quan đến đơn vị phải đi vác gạo đưa lên trận địa đủ ăn một tháng, bảo đảm cho đơn vị bạn đến thay, yên tâm không phải rút lực lượng về phía sau khi quân số có hạn (một trung đoàn phải vào thay thế một sư đoàn). Biết địch thường xuyên theo dõi sự di chuyển của Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 rất kỹ. Vì chúng cho rằng 2 sư đoàn này có mặt ở đâu, thì ở đó sẽ có đánh lớn. Tương kế tựu kế, sư đoàn đã báo cáo lên cấp trên, để lại toàn bộ phương tiện thông tin vô tuyến cho đơn vị bạn dùng kể cả nhân viên báo vụ và duy trì phát sóng đúng giờ, tung các báo cáo giả lên làn sóng điện coi như sư đoàn vẫn ở chỗ cũ bình thường, tránh tình trạng địch thường theo dõi ta theo tất báo vụ. Cuối cùng được lệnh trên thông báo, có xe vận tải của Đoàn 559 vào để sư đoàn hành quân, lòng tôi phấn khởi hẳn lên. Khi đang chờ xe, sư đoàn triệu tập cuộc họp quân chính để phát động thi đua và lo chuyện tổ chức cho bộ đội ăn Tết sớm. Hội nghị bàn rất sôi nổi. Hậu cần sư đoàn phải báo cáo tỉ mỉ từ lợn và trâu bò đang có trong trại chăn nuôi, nguồn cung cấp trên đưa xuống với gạo nếp, rau, dưa, bộ đội tăng gia được.

Tôi nghĩ: Đã mấy năm liền, từ khi làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 66 cho đến lúc này, bộ đội chiến trường Tây Nguyên chưa năm nào được hưởng một cái Tết tinh tươm. Nhiều Tết sẵn công gạo, rau rừng, măng khô, lá sắn thay bánh chưng, thịt mỡ dưa hành, bún nem và giò lụa. Vui chuyện Tết, có đơn vị còn gói bột sắn, nấu thành bánh chưng đặt lên bàn thờ cúng tổ tiên. Dần dà về sau do Đảng ủy mặt trận phát động phong trào tăng gia sản xuất, có lực lượng chuyên trách thì cuộc sống bộ đội mới được cải thiện một chút. Đó là một quá trình ai cũng nhận thức được với chiến trường Tây Nguyên thì tăng gia

sản xuất là quan trọng.

Vậy năm nay với nguồn cung cấp trên cho xuống, cộng với kết quả tăng gia được. Tôi háo hức đứng lên thay mặt Bộ tư lệnh Sư đoàn kết luận:

Truyền thống của sư đoàn là đoàn kết, thống nhất. Vậy năm nay ăn Tết cũng phải thể hiện được truyền thống ấy. Chỉ mấy hôm nữa là ngày 22 tháng 12 - kỷ niệm 30 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, ta thống nhất cho bộ đội ăn Tết và kỷ niệm 30 năm ngày truyền thống quân đội thật ý nghĩa. Do đó, ta phải điều chỉnh vật chất vốn có trong sư đoàn, bảo đảm cho mọi đơn vị dù ở tuyến trước hay ở tuyến sau, dù tăng gia được nhiều hay được ít đều phải được hưởng một cái Tết thật tinh tươm. Riêng mục bánh chưng phải gói gạo nếp bốn lạng, nhân thịt một lạng rưỡi bảo đảm cho từng cán bộ và chiến sĩ, ai cũng được ba bánh, tức là: $10 \times 3 = 30$. Con số đó rất có ý nghĩa với sư đoàn ta. Tất cả hội nghị đều vỗ tay nhất trí. Thế là năm ấy đơn vị ăn Tết đúng ngày kỷ niệm rất rôm rả. Tết ấy sư đoàn và cả các trung đoàn, còn mời đại biểu địa phương đến dự rất đông vui. Có chiến sĩ đã reo lên: “Đoàn kết thống nhất thì ba chiếc bánh chưng nếp là thể hiện thống nhất rồi, từ sư đoàn trưởng đến anh em đoàn kết thống nhất thể thì kiên cường quyết thắng từ đó sẽ làm nên”.

Bộ tư lệnh sư đoàn phân công nhau đi thăm và chúc Tết các đơn vị trong toàn sư đoàn. Tôi dừng lại ăn Tết với cán bộ Trung đoàn 66. Rượu nếp làm bằng men vỏ cây leo, rất ngon. Uống rượu say rồi kể chuyện, đọc thơ, tranh nhau nói. Trong cuộc vui ấy tôi cũng làm thơ tức cảnh nói về công tác tăng gia tự túc.

Nâng chén rượu lên, ai ai cũng bảo đúng, ở Tây Nguyên mà không tăng gia thì trụ bám chiến trường sao được. Cuộc sống từ ăn sẵn thay cơm, rau rừng hoặc lá sẵn khô xào muối, không một chút mỡ dính nôi. Nay đã khác trước

hàng chục vạn mẫu sản rải khắp núi, có lợn, gà nuôi trong chuồng, có trâu, bò chăn thả trên các đồi cỏ, có gạo để ăn có nếp để làm bánh, cùng với sự tăng cường vật chất của tuyến chiến lược đưa vào đã bảo đảm cho quân ta bám trụ chắc chắn ở chiến trường gian khổ.

Bài hát cây sản tiến công đã ra đời, niềm vui tin tưởng vào chiến thắng càng thêm vững. Bệnh tật ốm đau vì khí thiêng nước độc đã có phần giảm bớt, sức lực bộ đội được nâng lên, khí thế khác hẳn trước, hiện tượng tiêu cực và đào ngũ hầu như đã giảm hẳn. Không hiểu về sau, những đơn vị được tăng cường vào mặt trận B3 từ năm 1973 còn nhớ hay không? Hành quân dài ngày gian khổ, khó nhọc, nhưng đến B3 đều được các đơn vị tặng cho mỗi người năm cân sản tươi, vào nường sản mà nhổ, lấy về ăn. Có chiến sĩ còn khen: Tây Nguyên giàu có. Thật ra đối với tôi, còn nhớ nường sản, luống khoai Tây Nguyên lắm. Để nhớ những năm tháng được rèn luyện trưởng thành ở Tây Nguyên, nên sau khi giải phóng Sài Gòn tôi đã làm bài thơ kỷ niệm về Tây Nguyên:

Xa rừng nhớ rẫy sản khoai

Tiến nhau nhớ lúc muối hoài có măng

Dầu mai duyên sánh cô Hằng (mặt trăng)

Không phai bóng cội núi rừng Tây Nguyên

Từ trong gian khó làm nên

Tiến cùng đất nước nên thiên sử vàng

Đường đi đêm tối nhớ trăng

Sớm hôm giá lạnh nhớ rừng che sương

Bước chân đi khắp nẻo đường

Còn vang vọng mãi chiến trường Tây Nguyên.

Bộ đội ăn Tết xong thì cũng vừa lúc có tin xe Đoàn 559 tới. Gặp được đại biểu của xe Đoàn 559 do đồng chí Quỳnh - Trung đoàn trưởng phụ trách, chúng tôi đã thống nhất số lượng xe, thời gian và địa điểm, lộ tiêu và người đón xe; quy định đêm đầu tiên của từng khối phải đảm bảo xe vào lúc trời đã tối, 21 giờ 30 phút bộ đội mới lên xe, từ khu tập kết ra bãi xe phải đi đêm để giữ bí mật. Kế hoạch hành quân trình tự mỗi khối đi một đêm, đêm sau tiếp tục khối khác, khu vực tập kết bộ đội đều nằm trong phạm vi hai huyện Đặc Tô và Sa Thầy, từ núi Chư Mon Ray, nam bắc đường 18 đến tây nam huyện Sa Thầy. Bàn giao xong địa bàn từng khu vực cho từng đơn vị, bộ đội ra khu tập kết đều có đủ 2 ngày để tiến hành tổ chức và kiểm tra chuẩn bị hành quân.

Đối với đơn vị bạn, ngoài việc lấy danh nghĩa Sư đoàn 10, còn thống nhất hiệu sư đoàn rút về tuyến sau huấn luyện và cơ động trong phạm vi tỉnh Kon Tum. Công việc được tiến hành suôn sẻ, không hề để lộ cho bất cứ ai biết sư đoàn sắp hành quân xa.

Đội hình của sư đoàn chia thành bốn khối, lấy cơ sở từng trung đoàn, gắn vào đó là bộ phận các cơ quan và trực thuộc, có quy định số lượng xe cho từng bộ phận trong từng khối và chỉ định cán bộ phụ trách. Dọc đường xe được nguy trang cẩn thận và chạy đèn gầm, tốc độ 20km/h, theo đúng trục tuyến đường chiến lược đi về phía Nam, vào tập kết ở khu vực Đặc Đam, cách tây bắc Đức Lập khoảng 28km. Nhờ kinh nghiệm của bộ đội Trường Sơn - Đoàn 559, xe chạy rất thông suốt, trước 1 giờ đã chuẩn bị xong để bộ đội lên xe trước 7 giờ sáng vào khu tạm dừng. Đến từng nơi tạm trú bộ đội đều phải đào công sự ẩn nấp và làm lán lá để có chỗ nghỉ ngơi, đào bếp Hoàng Cầm để ăn nóng sốt. Đây là kết quả quá trình rèn luyện bộ đội thành nền nếp, chống tạm bợ. Khối đi trước có vất vả, khối đi sau dựa vào đó củng cố thêm. Cuộc hành quân từng khối trong 6 ngày đã tới khu tập kết cuối cùng. Sư đoàn giữ được an toàn bí mật không xảy ra chuyện gì.

Khi sư đoàn đang bận rộn sắp xếp và hành quân, thì bất ngờ đồng chí Phan Quyết - Bí thư tỉnh ủy Kon Tum đến thăm, biểu mỗi đồng chí trong Bộ tư lệnh sư đoàn mỗi người một gói sâm, loại sâm giống như củ gấu dính vào nhau. Chuyện trò vui vẻ, tôi hỏi, và đồng chí Quyết cho biết: đây là sâm núi Ngọc Linh. Giở bản đồ ra xem, tôi thấy núi Ngọc Linh cách thị xã Kon Tum chừng 70 - 80km về hướng đông bắc. Đây là dãy núi Trường Sơn cao nhất, so với mặt biển chừng 2,5km. Đồng chí Quyết cho biết ở đây có đường từ tỉnh Kon Tum đi Quảng Ngãi, xưa kia người đi buôn thường đi qua, khí hậu trên núi loãng và rất lạnh, luộc trứng gà không chín vì nước nấu 50°C đã sôi rồi, có trường hợp con buôn qua núi, đêm nghỉ lại bị chết cứng.

Tôi ngồi ngẫm nghĩ, chuyến thăm của đồng chí Quyết đột ngột, rất cảm động, chắc đồng chí Bí thư tỉnh ủy này đã biết Sư đoàn 10 sắp cơ động xa, nhưng không ai nói với ai cả?

Ngày 26 tháng 2 năm 1975, Trung đoàn 66, khối hành quân đầu tiên của Sư đoàn 10 bí mật rời khỏi hậu cứ Kleng về tập kết ở phía bắc dãy núi Chư Mon Ray rồi tiếp tục hành quân cơ giới về nam Tây Nguyên. Những ngày tiếp theo, Trung đoàn 28, sư đoàn bộ và các đơn vị còn lại của sư đoàn lên đường. Hòa cùng dòng xe chạy vào chiến dịch là những đoàn xe chở cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 10. Ngồi trên xe, người chiến sĩ sư đoàn như thấy Tây Nguyên đang chuyển mình. Ai nấy đều xúc động mỗi khi xe chạy qua những cánh rừng quen thuộc - chiến trường xưa: Ngọc Tô Ba, Sa Thầy, Đức Vinh, Ia Đrăng... những địa danh gợi lên bao kỷ niệm với những chiến công đã đi vào lịch sử.

Đi xa tỉnh Kon Tum ai cũng nhớ thương đồng bào, vì qua năm tháng bám trụ chiến đấu, từ lãnh đạo các cấp của tỉnh và bà con dân tộc ai cũng coi Sư đoàn 10 như anh em ruột thịt mình, như đơn vị của tỉnh mình, của gia đình quê hương mình. Bà con đã từng chia ngọt sẻ bùi, nhường cơm, nhường sẵn cho bộ đội ăn để đánh giặc, có gia đình chỉ để thóc giống, ngô giống cho mùa sau,

còn bao nhiêu giao cho bộ đội hết, gia đình chỉ ăn sắn, ăn khoai, thiếu muối thì lấy than ăn cùng với sắn. Có em bé mới 13 tuổi cũng tình nguyện với ông già sáu bảy mươi tuổi, đi làm dân công vận tải giúp bộ đội chiến đấu. Bộ đội hy sinh thì dân giúp chôn cất, bộ đội bị thương thì dân cứu chữa, kể sao cho hết tình cảm đồng bào với bộ đội của sư đoàn. Cán bộ và chiến sĩ của sư đoàn càng nhớ thương đồng bào, càng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ sắp tới. Cuộc chia tay bí mật với đồng bào làm cho đồng bào nhớ thương bộ đội. Chỉ trong 10 ngày, Sư đoàn 10 đã bí mật tập kết xong. Ngày 12 tháng 2 năm 1975, Trung đoàn 24 khởi hành quân cuối cùng của Sư đoàn đã tới Đắc Đam, vị trí tập kết chiến dịch đúng thời gian.

Chuẩn bị trọng điểm ở hướng Đức Lập, là khu vực địch đã chiếm giữ lâu ngày, quân chủ lực thì ít, nhưng là vùng đông dân biệt kích, thám báo, bảo an, dân vệ lại rất nhiều. Đi qua khu rừng bị phá vì chất độc màu da cam, lại gặp phải những dây đồi và sườn núi, dân địa phương chặt cây làm rẫy, cây cối đang đổ ngổn ngang. Đoàn cán bộ gồm hầu hết cán bộ cấp trưởng quân sự từ đại đội trưởng trở lên, chúng tôi vừa chui, vừa nhảy, vừa leo trèo, ban ngày thì dễ bị lộ, ban đêm thì rất khó đi, chỉ tận dụng được ánh trăng đầu tuần, nên nhiều đồng chí bị xước da, sưng trán và cũng không ít đồng chí bị bong gân. Ăn cơm năm mấy ngày ròng rã, tất cả đều mệt nhoài, nhưng vẫn cố trèo lên đồi cao, sát địch để quan sát các vị trí cứ điểm của địch; trinh sát viên đi trước, cán bộ bám theo, thay nhau hết đơn vị nọ đến đơn vị kia, trung đoàn cùng sư đoàn quan sát xong thì đến cấp tiểu đoàn, đại đội lên nghiên cứu, theo phân công cho từng đơn vị. Thời gian đi chuẩn bị chiến trường mất nửa tháng mới hoàn tất được công việc, bảo đảm được an toàn.

Riêng có một điều tôi thấy cũng cần đáng nói, vì giờ đây kẻ còn, người mất, âu là chuyện để kỷ niệm trong chiến tranh. Đó là chuyện khi đi chuẩn bị chiến trường của một vị tướng trong chiến tranh.

Trong đoàn có bộ phận cán bộ mặt trận do đồng chí Vũ Lăng - Tư lệnh B3 dẫn đầu (đồng chí Vũ Lăng sau là Phó tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên). Dọc đường đi, anh vẫn vui, anh thích hoa, gặp cụm phong lan tai trâu nào đẹp là anh cố dừng lại nhìn một tý, gần Tết âm lịch nên ở những cây còn sót lại, hoa phong lan nở rất nhiều. Trong đoàn, khoác lá ngụy trang, ai cũng đeo thêm một cành, người và hoa cứ quện nhau mà tiến lên phía trước. Một hôm gặp phải mưa to, gió rét ướt đầm đìa, đã mệt lại càng mệt hơn. Tôi vừa leo lên đỉnh dốc chưa kịp thở, thì anh Vũ Lăng cũng vừa tới. Mệt quá, anh nằm vật xuống, ngửa mặt lên trời, mắt lim dim. Anh em lo cho anh bị cảm, râu mấy ngày không kịp cạo, vốn trước kia đã mệnh danh là “Anh râu xồm”, nay đã quá mức xồm mà người ta tưởng. Y tá vội xoa dầu nóng cho anh thì anh mới tỉnh dậy. May lúc ấy gần sát đồn địch, nhưng không một phát súng của địch bắn vu vơ. Tôi mừng tưởng lại hình ảnh của anh vừa rồi thấy cũng vui và buồn cười, liền tức cảnh làm mấy vần thơ để ghi lại kỷ niệm này.

Đường ra phía trước nẻo xa

Nậm lia lộng giá bẻ hoa trên ngàn¹

Đã từng muôn dặm quan san

Càng say vẻ đẹp phong lan gọi hồn

Hoa ơi. Em chớ có buồn

Trời sao nào biết lúc đồn bước đi

Râu hùm hàm én mà chi

Bóng trắng lấp ló, oanh gì, liệt đây

Nghĩ rằng: Như thế mà hay

Để ta có dịp xuân này lập công.

Nghe tôi nhẩn nha đọc, anh Vũ Lăng cười và đẩy tôi một cái, cái mệt mỏi như biến mất đâu.

Trong khi đang trình sát thực địa ở hướng Đức Lập, thì ngày 21 tháng 1 năm 1975 đồng chí Lê Ngọc Hiền - Phó tổng tham mưu trưởng vào phổ biến chỉ thị của Thường vụ Quân ủy Trung ương về nhiệm vụ chiến dịch nam Tây Nguyên, mục tiêu then chốt quyết định là Buôn Ma Thuột. Bộ Tổng tư lệnh quyết định: Tư lệnh chiến dịch là Trung tướng Hoàng Minh Thảo, Chính ủy chiến dịch là đồng chí Đặng Vũ Hiệp; Phó tư lệnh chiến dịch là đồng chí Vũ Lăng và các đồng chí Phan Hàm, Nguyễn Năng, Nguyễn Lang, Phó chính ủy là đồng chí Phí Triệu Hàm. Đại diện Thường vụ Khu ủy Khu 5 là đồng chí Bùi San bên cạnh Bộ tư lệnh chiến dịch. Cơ quan mặt trận B3 là cơ quan chiến dịch.

Hướng và mục tiêu chiến dịch thay đổi, buộc mặt trận phải tổ chức đoàn đi trình sát thực địa mới. Hầu hết các thành viên của đoàn là cán bộ cấp phó và do đồng chí Nguyễn Năng trực tiếp chỉ đạo.

1. Nậm Lia là tên núi, Hoa là tên vợ của anh.

Trình sát thực địa xong, Bộ chỉ huy chiến dịch tổ chức hội nghị quân sự bàn phương án tác chiến. Hội nghị quân sự dân chủ gồm các thành phần chỉ huy đơn vị và binh chủng. Căn cứ vào mệnh lệnh mới của cấp trên, Hội nghị nghiên cứu, tranh luận rất sôi nổi, với nhiều phương án khác nhau. Bộ phận trình sát thực địa Buôn Ma Thuột về, lấy kết quả thực tế trình sát được trình

bày: Buôn Ma Thuật là thị xã lớn rất phức tạp, xung quanh lại có nhiều cứ điểm vòng ngoài rất xa, nên cách đánh rất khó áp sát được, cần phải dùng cách đánh: đánh từng bước mới giải quyết được. Song đại bộ phận cán bộ trong hội nghị lại thấy rằng, muốn giành được thắng lợi giòn giã thì phải nghi binh lừa địch rồi đánh thọc sâu vào mục tiêu chủ yếu trong thị xã bằng hiệp đồng binh chủng mới thành công. Lúc này, tôi suy nghĩ đánh to thắng lớn thì phải đánh bất ngờ thọc sâu nhanh nên cố gắng bảo vệ ý kiến của mình và thuyết phục mọi người đánh theo cách thứ hai. Tôi và đồng chí chính ủy Lã Ngọc Châu bàn nhau đề nghị cấp trên chấp nhận sử dụng Sư đoàn 10 đảm nhiệm mũi đánh thọc sâu đó; nhưng đây chỉ là hội nghị dân chủ lấy ý kiến nên phải chờ Thường vụ Đảng ủy hợp rồi Bộ tư lệnh mới quyết định.

Suy nghĩ của tôi lúc ấy là rất mong có sự hỗ trợ ý kiến của mình và nhớ lại năm 1972: chiến dịch Bắc Tây Nguyên giải phóng Đắk Tô, Tân Cảnh, đồng chí Tư Thuận - Ủy viên Trung ương Đảng được cử về làm Bí thư Đảng ủy chiến dịch, đồng chí Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh, đồng chí Trần Thế Môn làm Phó chính ủy, cùng trong Thường vụ Đảng ủy.

Hồi đó bàn phương án tác chiến và sử dụng lực lượng. Đồng chí Tư Thuận do quen biết kỹ về Trung đoàn Ba Gia (Trung đoàn 2 của Sư đoàn 2 Quân khu 5) nên nêu ý kiến cần dùng Trung đoàn Ba Gia tiêu diệt căn cứ Tân Cảnh là mục tiêu chủ yếu của chiến dịch, nhưng đồng chí Hoàng Minh Thảo và đồng chí Trần Thế Môn lại muốn dùng Trung đoàn 66 chủ lực của mặt trận B3 vì Trung đoàn 66 đã có nhiều kinh nghiệm đánh địch trong công sự vững chắc trên đỉnh Ngọc Rinh Rua (31-3-1971), nên với Tân Cảnh Trung đoàn 66 đánh sẽ rất chắc thắng và giành được thắng lợi nhanh chóng.

Giữa lúc chưa quyết định dứt khoát và lúc này Trung đoàn Ba Gia từ Quân khu 5 cũng chưa lên kịp, nên Phòng Tham mưu mặt trận chỉ còn một mình tôi là Tham mưu phó ở nhà, tôi cũng bàn với các đồng chí chủ nhiệm trong Phòng Tham mưu lấy lý do cơ quan đã lập xong phương án và đã cùng Trung đoàn 66 bàn bạc nhất trí, trung đoàn sẵn sàng chờ lệnh hành quân sang phía

Đông để đánh vào Tân Cảnh. Tôi đưa phương án trình bày với Thường vụ Đảng ủy Bộ tư lệnh chiến dịch đề nghị dùng Trung đoàn 66. Qua trình bày thì lúc đó đồng chí Tư Thuận cảm thấy hợp lý và đồng ý.

Tôi liền viết báo cáo về bản đồ phương án tác chiến đưa đồng chí Hoàng Minh Thảo ký báo cáo lên Bộ. Đồng thời thông báo cho Trung đoàn 66 cho bộ đội ăn Tết ngay để hành quân sang phía Đông; diễn biến sau này, trung đoàn đánh trận Tân Cảnh (24-4-1972) giành được thắng lợi rất giòn giã. Trung đoàn Ba Gia dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Nguyễn Chơn, Sư trưởng Sư 2 cũng lập được chiến công tuyệt đẹp.

Qua đó tôi thấy, Bộ tư lệnh chiến dịch cũng cần có cơ quan tham mưu vững mạnh, chủ động kịp thời giúp Bộ tư lệnh giải quyết thỏa đáng những vấn đề còn có ý nghĩa khác nhau.

*

* *

Trong những tháng cuối năm 1974 đầu năm 1975, giữa lúc cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 10 và các đơn vị bạn đang sôi nổi chuẩn bị cho cuộc ra quân mùa xuân thì tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét tình hình và ra quyết định lịch sử: “Khi thời cơ lịch sử đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức tập trung lực lượng của cả nước giải phóng miền Nam trong năm 1975”¹.

Thực hiện quyết tâm chiến lược và giai đoạn đầu kế hoạch hai năm giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị, chiến trường Tây Nguyên được chọn làm hướng chiến trường chính, trong đó Buôn Ma Thuột là trận mở đầu then chốt.

Trung tuần tháng 2 năm 1975, Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên được thành lập do Trung tướng Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh, đại tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính ủy. Phương án tác chiến chính thức của chiến dịch được Bộ chỉ huy tiền phương Bộ Tổng tư lệnh thông qua là: tập trung lực lượng chủ yếu của chiến dịch vào khu vực Buôn Ma Thuột, Đức Lập, Thuận Mẫn, tiêu diệt địch, giải phóng mục tiêu then chốt quyết định là Buôn Ma Thuột.

Ngày 25 tháng 2 năm 1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tham mưu trưởng thay mặt Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh vào chiến trường để chỉ huy trực tiếp tại chỗ. Thực hiện phương án đã xác định, các đơn vị tham gia chiến dịch Tây Nguyên được giao nhiệm vụ cụ thể. Đến ngày 27 tháng 2 năm 1975, tôi được gọi lên, đi cùng Bộ tư lệnh chiến dịch đến chỉ huy sở tiền phương Bộ thông qua phương án tác chiến trước Đại tướng Văn Tiến Dũng. Kết quả phương án cuối cùng là nghi binh triệt để hướng Kon Tum và Plây Cu, bí mật tập trung lực lượng hiệp đồng binh chủng đánh thọc sâu thẳng vào trung tâm, chiếm cho được hai mục tiêu chủ yếu là chỉ huy sở sư đoàn 23 và chỉ huy sở tiểu khu Đắc Lắc - sau đó đánh phát triển ra các mục tiêu khác ở ngoại vi. Như vậy, Sư đoàn 10 phải cùng lúc thực hiện 2 nhiệm vụ² :

1. Sử dụng sư đoàn thiếu được tăng cường một tiểu đoàn cao xạ thuộc Trung đoàn 234, một cụm pháo binh 122 và 155 có nhiệm vụ đánh dứt điểm quân lỵ Đức Lập và quét địch từ Đức Lập đến ngã ba Đắc Song trong thời gian từ một đến hai ngày.

Đánh xong Đức Lập, sư đoàn nhanh chóng cơ động lực lượng về bắc Buôn Ma Thuột, sẵn sàng tham gia trận then chốt, đánh dứt điểm Buôn Ma Thuột nếu địch ngoan cố co cụm chống cự khi đơn vị bạn chưa giải quyết được. Đồng thời sẵn sàng cơ động đánh địch phản kích từ hướng đông và đông bắc tới, phát triển đánh các chi khu, quân lỵ vùng phụ cận phía Đông. Nếu Sư đoàn 320 gặp khó khăn thì tăng cường lực lượng để giải quyết Cheo Reo.

2. Tổ chức một sở chỉ huy nhẹ của sư đoàn chỉ huy Trung đoàn 24 và Trung đoàn 95B tác chiến trên hướng đông bắc và hướng tây Buôn Ma Thuột.

- Trung đoàn 95B được tăng cường hai khẩu ĐKB, hai khẩu lựu pháo 122 và hai dàn hỏa tiễn H-12, có nhiệm vụ đánh chiếm sân bay thị xã, ngã sáu chỉ huy sở tiểu khu Đắk Lắk.

- Trung đoàn 24 sử dụng một tiểu đoàn được tăng cường một đại đội xe tăng, một đại đội xe thiết giáp, một đại đội cao xạ, hình thành bộ phận cơ động thọc sâu mạnh của chiến dịch, đánh chiếm sở chỉ huy sư đoàn 23, dùng một tiểu đoàn bao vây Chư Nga và một tiểu đoàn làm lực lượng dự bị.

1. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975 - Những sự kiện lịch sử, Nxb QĐND, Hà Nội, 1980, tr. 280 - 281.

2. Sư đoàn 10, Nxb QĐND, Hà Nội 1990, tr. 82.

Xác định nhiệm vụ được Bộ tư lệnh chiến dịch giao là rất nặng nề nên cán bộ, chiến sĩ toàn sư đoàn đều quyết tâm phát huy nỗ lực cao nhất để hoàn thành được nhiệm vụ được giao. Vấn đề đặt ra đối với sư đoàn lúc này là: Làm thế nào dứt điểm nhanh Đức Lập, để tăng cường lực lượng sớm cho Buôn Ma Thuột! Làm thế nào để các đơn vị thọc sâu hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt cơ quan đầu não của địch và các mục tiêu đã được phân công.

Bộ tư lệnh sư đoàn dành nhiều thời gian để thảo luận cách đánh và tổ chức lực lượng thọc sâu bằng binh chủng hợp thành đánh thẳng vào cơ quan đầu não của địch, về cách đánh, sư đoàn quyết định: sử dụng một đại đội được

tăng cường trinh sát, công binh bí mật lót sát, xây dựng trận địa, lợi dụng pháo ta bắn, phá rào mở cửa. Lực lượng binh chủng hợp thành theo đường đã mở sẽ khẩn trương đánh lướt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài, thọc thẳng vào mục tiêu đã định, phối hợp với đơn vị bạn tiêu diệt địch, làm chủ mục tiêu.

Để bộ binh và xe tăng không bỏ lỡ trong tác chiến Bộ tư lệnh sư đoàn đã tổ chức cho bộ đội huấn luyện bổ sung. Những kinh nghiệm chiến đấu của Trung đoàn 66 trong trận Tân Cảnh (4-1972) và kinh nghiệm mới nhất của các đơn vị bạn đánh thị xã Phước Long (1-1975) được đưa vào vận dụng và phát triển trong trận đánh Đức Lập.

Sau khi phân tích thế trận của địch ở Đức Lập, Đảng ủy sư đoàn quyết định: tập trung lực lượng đánh thẳng vào hai căn cứ chính của địch là sở chỉ huy hành quân sư đoàn 23 và căn cứ Núi Lửa. Đồng thời dùng lực lượng bao vây Đắc Song, chia cắt quận lỵ với sở chỉ huy hành quân sư đoàn 23. Sau khi đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ ở Đức Lập, Trung đoàn 28 sẽ ở lại phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương giải quyết nốt quân địch và bảo vệ các mục tiêu vừa chiếm được... Đây là cách đánh thích hợp, sử dụng lực lượng hợp lý và động viên được quyết tâm chiến đấu của bộ đội, vừa đảm bảo cơ động lực lượng sớm vừa có thể đánh dứt điểm nhanh Đức Lập.

Đại tướng Văn Tiến Dũng có nhấn mạnh cụ thể mũi thọc sâu của tiểu đoàn 4/24 cùng tiểu đoàn (-) xe tăng thiết giáp thọc sâu vào chỉ huy sở sư đoàn 23 là rất quan trọng. Phải kết hợp chặt chẽ với Sư đoàn 316 đánh hướng tây bắc và phía nam Buôn Ma Thuột. Đại tướng nhấn mạnh, đây là cách đánh mới phải hết sức giữ bí mật - lấy hiệp đồng binh chủng mạnh đánh bất ngờ thì chắc chắn thắng lợi. Thế là Sư đoàn 10 phải tổ chức thông tin liên lạc, cơ quan bảo đảm chỉ huy chiến đấu, hậu cần - kỹ thuật, vừa để đánh Đức Lập vừa để đảm bảo đánh Buôn Ma Thuột. Bộ tư lệnh sư đoàn cũng phân ra hai hướng để chỉ huy chiến đấu, phân công đồng chí Quốc Biên - Sư đoàn phó đi hướng Trung đoàn 24 và 95b, còn tôi đi hướng Đức Lập.

Tổ chức chiến đấu của sư đoàn rất công phu trên cả hai hướng. Ngoài kế hoạch động viên bộ đội quyết tâm, sư đoàn rất coi trọng kế hoạch đưa bộ đội vào chiếm lĩnh, trên các trục đường đều có lộ tiêu, ba-ri-e chặn các ngã đường không cho xe vận tải vượt qua, quy định bộ đội hành quân đêm vào chiếm lĩnh. Nhưng rồi một số sự việc đáng tiếc đã xảy ra.

- Bộ phận đồng chí Khoa, Tham mưu phó Trung đoàn 24 khi chuẩn bị, vấp lựu đạn đã cài sẵn, hy sinh một chiến sĩ.

- Bộ phận pháo binh của đồng chí Quỳnh, Trung đoàn trưởng sục vào bãi gai, vấp mìn cũng hy sinh một đồng chí.

- Bộ phận đồng chí Mùi, Trung đoàn phó Trung đoàn 28 vào bám địch ở hướng Núi Lửa, khi trở ra cũng bị mìn hy sinh 2 đồng chí, bị thương 4 đồng chí.

Cuộc đấu trí càng trở nên rất căng thẳng, địch ra sức phái các toán biệt kích, thám báo ra ngoài phát hiện sự động tĩnh của ta, còn ta thì phải ra sức giữ bí mật để vào chiếm lĩnh. Đâu đó hầu như lúc nào cũng có súng nổ, hoặc đại liên từ trong cứ điểm địch bắn ra, đêm thì địch thả pháo sáng đèn dù. Trình sát của ta phải bám sát địch để tìm cách luồn tránh.

Đáng chú ý lúc này ở hướng Đức Lập có đại đội trinh sát biệt kích của trung đoàn 53 địch sục sâu vào hướng Đông Bắc, rồi quặt về hướng núi Chư Ho, nơi ta đã làm công sự trận địa pháo 105 ly, Trung đoàn 28 đang cho bộ đội lần lượt khiêng các bộ phận pháo lên núi. Tình huống rất khó khăn vì đại đội địch chỉ còn cách 800m, ước chừng nửa giờ nữa, chúng có thể phát hiện ra

trận địa pháo của ta. Chỉ huy Trung đoàn 28 rất lo lắng, đồng chí Trung đoàn trưởng liền đề nghị với tôi, cho sử dụng tiểu đoàn 3 tiêu diệt đại đội địch ngay. Tôi suy nghĩ thấy vội dùng lực lượng như thế không ổn, liền ra lệnh cho trung đoàn dùng 21 chiến sĩ (15 chiến sĩ, 6 trinh sát) có cán bộ chỉ huy đại đội trực tiếp, vượt qua sông Đắc Đàm đến hướng Đông Bắc, nổ súng thu hút đánh lừa, buộc đại đội biệt kích địch thấy động phải quay lại lưng sục, bộ phận của ta tìm cách đánh vào phía sau, làm cho chúng càng đi xa khu vực ta chiếm lĩnh. Sự việc diễn ra ổn thỏa, trong 2 ngày 5 và 6 tháng 3 ta đã lừa được đại đội biệt kích của địch, 5 tên chết và 15 tên bị thương, chúng phải dừng lại bắc đường 22 ở tọa độ 75896. Ta đưa pháo vào chiếm lĩnh an toàn.

Tiếp tục 2 đêm (7 và 8), bộ binh, pháo binh và cao xạ lần lượt bí mật vào chiếm lĩnh an toàn. Khi vượt qua đường 22, người đi trước trái ni lông, người đi cuối cùng thu ni lông lại - khôn ngoan của địch cũng không thể phát hiện được ta.

Chiếm lĩnh xong, Bộ tham mưu chiến dịch thông báo lại việc tăng cường cho sư đoàn hướng Đức Lập, không có đại đội xe tăng như trước, pháo 155 ly chỉ cho 50 viên, không tăng cường đủ 300 viên theo kế hoạch. Thế là sư đoàn lại phải chỉnh lý kế hoạch.

Giữa giờ phút đang căng thẳng thì đồng chí Tư lệnh chiến dịch Hoàng Minh Thảo gọi điện thoại trực tiếp cho tôi, thông báo tình hình và kiểm tra việc chuẩn bị, đồng chí cho biết: Sư đoàn 320 đã tiêu diệt căn cứ địch ở Cẩm Ga, Trung đoàn 9 đã cắt đường 14 Plây Cu đi Buôn Ma Thuột, rồi đồng chí có nhận xét Sư đoàn 10 bảo đảm bí mật được như thế là tốt, song công binh sư đoàn đi làm đường cùng Trung đoàn 7 công binh mặt trận, có anh nào đó đánh rơi một bì thư viết rõ địa chỉ, làm cho địch có chút ghi ngờ. Tôi giật mình vì số anh em công binh này được phái đi trước một tháng với Trung đoàn 7, sư đoàn thiếu kiểm tra căn dặn. Nhưng đồng chí Hoàng Minh Thảo lúc đó cũng nói luôn tin như vậy cũng dễ biết thôi, chứ địch cũng chưa hiểu được gì và thực ra đến giờ phút này chúng có phán đoán và đối phó gì nữa thì

cũng đã muộn. Tôi đoán biết thế trận chiến dịch đã đi vào thời cơ, khóa chặt được địch lại để mà đánh, đã xuất hiện tình huống có lợi để chiến dịch đánh theo phương án địch không có phòng ngự dự phòng. Nghệ thuật nghi binh lừa địch đã thành công. Tình huống có lợi này trước hết là sự khéo léo trong chỉ huy, chỉ đạo chiến dịch, bên cạnh đó còn có sự cố gắng vượt bậc của cán bộ, chiến sĩ trên toàn mặt trận trong việc giữ bí mật về ta. Công phu giáo dục rèn luyện bộ đội chu đáo thường xuyên hàng ngày mới có cơ hội dẫn tới tình huống có lợi đó để thành công.

15 giờ ngày 8 tháng 3, khi sư đoàn đang bận rộn theo dõi các đơn vị trong sư đoàn và các lực lượng phối thuộc vào chiếm lĩnh trận địa, sở chỉ huy sư đoàn đã vào chiếm lĩnh xong ở phía bắc quận lỵ Đức Lập 6km trong khu rừng bằng lũng kín đáo, thì tôi nghe được điện thoại từ sở chỉ huy tiền phương Bộ. Đại tướng Văn Tiến Dũng trực tiếp cầm máy hỏi thăm sức khỏe của tôi và các đồng chí trong Bộ tư lệnh sư đoàn, đồng thời Đại tướng tỏ lời khen ngợi sư đoàn việc chuẩn bị chiến đấu đã giữ tốt được bí mật. Sau đó Đại tướng căn dặn: cần nhắc nhở anh em đơn vị tiếp tục vào chiếm lĩnh thật chu đáo đến phút cuối cùng và khi đánh phải nắm vững nguyên tắc tập trung sức mạnh diệt cho được mục tiêu chủ yếu, không phân tán nhiều mục tiêu. Diệt được mục tiêu chủ yếu mạnh mẽ và nhanh chóng thì địch sẽ tan rã, bộ đội bớt bị thương vong. Đại tướng chúc sư đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Thay mặt anh em sư đoàn tôi xin kính chúc sức khỏe Đại tướng và xin hứa làm đúng lời căn dặn.

* ĐÁNH ĐỨC LẬP

Đức Lập là một quận lớn ở phía tây tỉnh Đắk Lắk, diện tích khoảng 65km² - trên độ cao 650m so với mặt biển nằm trên quốc lộ số 14 (Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa).

Dân số có khoảng 16.000 người, trong đó có 3.000 người dân tộc E-đê, Xê Đăng, Mơ Nông, nhiều dân công giáo miền Bắc di cư vào.

Lực lượng địch khoảng 3.000 tên (có 2.391 lính chủ lực) cùng với 2.500 lính phòng vệ dân sự, 12 pháo lớn (155 ly và 105 ly), 15 xe tăng M41 và M113. Lực lượng chủ yếu bố trí ở các vị trí căn cứ hành quân của sư đoàn 23, quận ly, núi Lửa, Đắc Sắc, Đắc Song, cùng các cứ điểm vòng ngoài như Bác Ái, Tư Minh, Đức An và ngã ba Đắc Song, kèm theo các chốt dã ngoại. Các cứ điểm đều có công sự vững chắc, có rào chướng ngại vật (dây thép gai, mìn chống tăng và mìn chống bộ binh xen kẽ).

Trước đây ta đã nhiều lần tiến công địch ở Đức Lập, nhưng chưa có lần nào ta đánh dứt điểm được. Sau mỗi lần bị đánh, địch càng củng cố vững chắc thêm.

Phương án tác chiến của ta: là tận dụng bí mật bất ngờ, bỏ qua tuyến địch phòng ngự vòng ngoài, tập trung lực lượng chủ yếu tiêu diệt căn cứ hành quân sư đoàn 23, cụm ở núi Lửa và quận ly, sau đó phát triển tiêu diệt toàn bộ quân địch trong khu vực.

Thời gian quy định của chiến dịch giao cho Sư đoàn 10 (thiếu Trung đoàn 24) đánh chiếm khu vực quận Đức Lập xong từ một đến hai ngày, sau đó cơ động lực lượng lên phía bắc để làm dự bị cho trận đánh vào thị xã Buôn Ma Thuột.

Đêm mồng 7 và mồng 8, toàn sư đoàn hành quân vào chiếm lĩnh, phải vượt qua nhiều địa hình phức tạp lại phải thận trọng vòng tránh qua các ấp chiến lược dày đặc dân vệ và bảo an.

Đúng 5 giờ 55 phút ngày 9-3-1975 khi các đài quan sát thấy rõ mục tiêu thì trận đánh bắt đầu, 15 khẩu pháo của Sư đoàn kết hợp cùng hỏa lực của các trung đoàn nã đạn chính xác vào những mục tiêu đã được phân công. Sau 90 phút bắn phá liên tục, hầu hết các trận địa pháo binh địch bị khóa miệng. Bộ binh bắt đầu tiến công.

Trung đoàn 66 phát triển đánh căn cứ hành quân của Sư đoàn 23 khá quyết liệt, ở hướng Tây do tiểu đoàn 7 bộ binh phụ trách, sau khi mở được cửa qua chướng ngại vật thì bộ binh lao lên chiếm lô cốt đầu cầu, địch liền cho xe tăng ra bịt cửa mở. Chiếc xe tăng M41 đầu tiên vừa xuất hiện, lập tức bị chiến sĩ Nguyễn Minh Phúc của ta dùng B40 bắn tiêu diệt buộc quân địch phải lùi lại, đại đội 1 và đại đội 3 liền nhanh chóng cho bộ đội tràn qua cửa mở đánh thẳng vào trung tâm, dùng thủ pháo, lựu đạn và lựu lê diệt địch.

Ở hướng Bắc do tiểu đoàn bộ binh 8 phụ trách, sau khi khắc phục được chướng ngại vật, bộ đội xông vào chiếm đầu cầu, lúc đầu phát triển khá thuận lợi nhưng khi đến gần trung tâm cứ điểm, bất ngờ bị xe tăng địch trong công sự bắn chặn, một số chiến sĩ hy sinh. Tiểu đội phó Đoàn Khắc Kiệm lập tức vượt lên trước đội hình, lợi dụng được thế ẩn nấp, liền nhắm đúng lỗ châu mai bắn. Quả đạn B41 của Đoàn Khắc Kiệm bay lọt vào lỗ châu mai tiêu diệt được xe tăng địch đang trong công sự. Thế là chiến sĩ ta xông vào dùng thủ pháo, súng phun lửa tiêu diệt hết bọn địch này đến bọn địch khác. Hai tiểu đoàn 7 và 8 bắt liên lạc được với nhau, làm chủ hoàn toàn căn cứ của địch. Đến 9 giờ 30 phút căn cứ hành quân của sư đoàn 23 một vị trí quan trọng bậc nhất của địch ở Đức Lập hoàn toàn bị tiêu diệt.

Trung đoàn 28 đánh căn cứ địch ở núi Lửa. Nhờ tận dụng được yếu tố bí mật bất ngờ, trung đoàn đã phát huy tốt hiệu lực của pháo binh tăng cường (bắn thẳng) và hỏa lực cối, ĐKZ của bộ binh, nên ngay từ đầu trung đoàn đã đánh

tiêu diệt được nhiều mục tiêu hỏa điểm địch. ĐKZ và súng cối của trung đoàn bắn trúng trận địa pháo địch làm nổ tung 2 kho đạn pháo, gây nên nhiều đám cháy, làm địch hỗn loạn, nhốn nháo hấn lên. Bộ đội ta xông lên mở cửa và đánh chiếm đầu cầu.

Trên hướng tiểu đoàn 1, trung đoàn dùng đại đội 1 giá được 2 giá mìn ĐH10 quét sạch 4 lớp rào dây thép gai, bảo đảm cho bộ đội xông được vào cửa mở.

Trên hướng Đông Bắc, tiểu đoàn 3 của trung đoàn dùng đại đội 10 lên mở cửa, mặc dầu phải đánh tới giá mìn ĐH10 lần thứ ba nhưng cũng đã mở toang được hết các lớp rào rồi phát triển vào đánh trận địa pháo địch.

Địch trở nên hỗn loạn, chạy nhốn nháo, bộ đội ta lợi dụng thời cơ thuận lợi đánh sập lô cốt đầu cầu, ào ạt phát triển vào bên trong, diệt hết hỏa điểm công sự này đến hỏa điểm công sự khác bằng B40, B41, thủ pháo, lựu đạn - toàn bộ tiểu đoàn địch (gồm tiểu đoàn bảo an 259 và 2 đại đội chủ lực khác đều bị diệt, bị bắt và đầu hàng. Trận đánh chiếm căn cứ núi Lửa kết thúc vào 9 giờ ngày 9 tháng 3 năm 1975. Như vậy là hai cứ điểm quan trọng bậc nhất của địch đã bị ta đánh tiêu diệt cùng một lúc. Nhiều gương chiến đấu dũng cảm của bộ đội đã thể hiện, thắng lợi của hai trận đánh đã phá vỡ được thế trận của địch, chia cắt chúng ra thành từng mảnh, ta tạo được thế áp sát các mục tiêu còn lại, để tiêu diệt chúng, tinh thần binh lính địch trở nên rất hoang mang dao động. Qua tin kỹ thuật ta biết địch đang kêu cứu và xin phi pháo đến viện trợ.

Song lúc này một sự cố xảy ra: Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 có nhiệm vụ luồn sâu bố trí chia cắt địch ở nam quận ly. Theo kế hoạch của sư đoàn, đáng lẽ sau khi ta đánh căn cứ hành quân của sư đoàn 23 và căn cứ địch ở núi Lửa thì mới dùng tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 kết hợp với tiểu đoàn 9 (dự bị của Trung đoàn 66) do Trung đoàn 66 trực tiếp chỉ huy để đánh chiếm quận ly Đức Lập

- nhưng tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 khi thấy ta đánh thắng giòn giã và nhanh chóng 2 cứ điểm trên, liền tự động chỉ huy tiểu đoàn mình đánh vào quận lỵ. Giữa lúc pháo binh ta chuyển làn bắn vào quận lỵ, kho xăng địch bốc cháy, quận lỵ mịt mù trong khói lửa, bộ đội tiểu đoàn 2 cũng đột phá chiếm được 4 lô cốt vòng ngoài, nhưng càng phát triển vào trong một cách đơn độc, càng bị xe tăng địch trong công sự ngầm bắn ngăn chặn. Do hỏa lực địch mạnh, nhiều chiến sĩ phải hy sinh và bị thương, đội hình tiểu đoàn 2 chững lại, tiến thoái lưỡng nan. Tiểu đoàn đành cho bộ đội lợi dụng công sự chiếm được, bám trụ tại chỗ.

Nói là quận lỵ nhưng trên thực tế địch cấu trúc thành một căn cứ quân sự rất vững chắc, có hầm ngầm, có hào chống tăng rộng 3m, sâu 2m, vách đứng và 8 lớp rào kẽm gai xen lẫn lẫn mìn các loại. Trước đây vào ngày 23 tháng 8 năm 1968, đặc công ta đã đánh chiếm được căn cứ quận lỵ này, nhưng bị pháo binh và máy bay đánh bom trù lên quận lỵ, gây tổn thất lớn cho ta; sau đó địch ở hầm ngầm chui lên chiếm lại cứ điểm. Ta đã biết điều này trước và vì lẽ đó mới định đánh chiếm quận lỵ vào bước 2 trong ngày. Trung đoàn 66 khi thấy tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 nổ súng thì cũng lệnh cho tiểu đoàn 9 lên đột phá phối hợp. Nhưng thực tế chỉ còn một hướng tiểu đoàn 9, máy bay địch kết hợp với pháo binh bắn trù lên cửa mở cả đại đội 9 ; và đại đội 10, tiểu đoàn 9 không lên đột phá được, Trung đoàn 66 đành cho dừng lại.

Nắm được tình hình trên, sư đoàn liền ra lệnh dừng lại để tổ chức chu đáo rồi mới đánh. Để đánh một cách chắc thắng. Trong đêm, sư đoàn ra lệnh điều thêm 2 khẩu pháo 85 ly lên bắn thẳng. Các chiến sĩ tiểu đoàn 17 công binh sư đoàn trong đêm đã phải vượt qua ác liệt mở 2km đường và kết hợp với Trung đoàn 4 pháo binh kéo được 2 pháo 85 ly lên đồi nhà thờ sát quận lỵ. Mặc dầu máy bay C130 và pháo địch bắn như vãi đạn xung quanh quận lỵ, nhưng 2 pháo 85 ly vẫn vào chiếm lĩnh an toàn dưới sự yểm hộ của cao xạ Trung đoàn 234. Thế là 6 giờ 30 phút sáng 10 tháng 3 pháo binh ta bắn dồn dập vào quận lỵ, kết hợp được pháo 85 ly bắn thẳng diệt hết công sự hỏa điểm địch tại quận lỵ. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Nguyễn Đình Kiệp - Trung đoàn 66, cả 2 tiểu đoàn (tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 và tiểu đoàn 9 Trung đoàn 66) đều đột phá thành công. Với thời gian trong vòng 30 phút chiến đấu, toàn bộ

quân địch ở quận lỵ đều bị tiêu diệt và bị bắt, trong đó có tên quận trưởng quận Đức Lập bị bắt.

Thừa thắng, ta điều Trung đoàn 66 phát triển đánh chiếm luôn cứ điểm Đắc Sắc và Đức Minh, đồng thời điều tiểu đoàn 3 Trung đoàn 28 trực tiếp do Trung đoàn phó Đỗ Công Mùi đi về hướng Đắc Song.

Trước đó sư đoàn đã dùng tiểu đoàn 37 đặc công của sư đoàn xuống phục kích sẵn trên hướng mà tiểu đoàn bảo an ở Đắc Song có thể rút chạy, vì dự đoán khi mất quận Đức Lập thì tiểu đoàn bảo an này cũng không thể bám trụ lại được. Diễn biến thực tế sau khi tiểu đoàn 3 Trung đoàn 28 xuống tới nơi tổ chức hỏa lực đánh nghi binh thì tiểu đoàn bảo an này liền hô nhau bỏ chạy. Chúng không ngờ sau khi thoát khỏi cứ điểm chúng liền sa vào trận địa phục kích của tiểu đoàn 37 đặc công. Toàn bộ địch đều đã bị diệt và bị bắt, trong đó ta bắt được cả tên tiểu đoàn trưởng.

Kết thúc trận đánh của sư đoàn ở quận lỵ Đức Lập vào sáng 10 tháng 3 năm 1975. Kết quả ta đã tiêu diệt và bắt 2.400 tên địch, thu 14 pháo, 20 xe tăng và xe bọc thép, nhiều quân trang, quân dụng. Đơn vị địch bị tiêu diệt gồm tiểu đoàn 3 trung đoàn 53, chi đoàn 1 của trung đoàn xe tăng, thiết giáp 18, hai đại đội biệt động quân của trung đoàn 224, đại đội trinh sát, biệt kích của trung đoàn 53, bốn tiểu đoàn bảo an 258, 259, 269 và 271, cùng hàng nghìn quân phòng vệ dân sự của địch ở Đức Lập, ta hy sinh 22 đồng chí và 241 đồng chí bị thương.

Trận đánh tiêu diệt địch ở quận lỵ Đức Lập tuy không phải là trận then chốt nhưng là vị trí rất quan trọng. Trận đánh đã thể hiện quyết tâm chiến đấu của các đơn vị trong sư đoàn đánh nhanh tiêu diệt gọn, bộ đội dũng cảm và chiến đấu linh hoạt.

Trận đánh còn là một bài học kinh nghiệm đáng nhớ đối với sư đoàn: khi giao nhiệm vụ cho cấp dưới đã không làm quán triệt một cách đầy đủ để xảy ra tình trạng tự động xử trí như trường hợp của tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 nói trên.

Đây là trận đánh đầu tiên của sư đoàn tham gia chiến dịch Tây Nguyên năm 1975. Nhìn toàn cục, thắng lợi của trận đánh có nhiều nguyên nhân, trước hết là giữ được bí mật, đánh bất ngờ, pháo binh kết hợp được với hỏa lực bộ binh bắn chính xác, phân đội nhỏ chiến đấu độc đảm và linh hoạt dũng cảm. Song một bài học dùng pháo bắn ngắm trực tiếp đạt hiệu quả cao, làm tôi nhớ lại trận đánh đầu tiên sau ngày thành lập sư đoàn. Đó là trận đánh tiêu diệt cứ điểm Bến Hét (Plây Cắn) trên trục đường 18 - ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia (ngày 11 tháng 10 năm 1972). Cũng tương tự như ở Đức Lập, địch thiết lập cụm cứ điểm rất kiên cố trên 5 đồi cao, có hầm sâu vào lòng đất, lô cốt xi măng cốt thép do quân Mỹ làm thí điểm phòng ngự trong chiến tranh cục bộ của quân viễn chinh. Cụm cứ điểm kết cấu chặt chẽ 4 tầng hệ thống lô cốt, có rào chắn B40, B41, chướng ngại vật dây thép gai dày 200m đan xen các loại mìn. Địa hình vòng quanh rất thấp hầu như hỏa lực pháo, ĐKZ của ta trong phạm vi bố trí cách 2km không thể bắn lên cao được.

Song trận đánh vào cụm cứ điểm này, ta hoàn toàn giành thắng lợi diệt gọn 800 tên chủ lực địch, chiếm trận địa thu toàn bộ vũ khí. Sở dĩ có thắng lợi đó, do nhiều nguyên nhân, song có một nguyên nhân quan trọng là: ta dùng pháo xe kéo để bắn trực tiếp, bằng cách tháo pháo khiêng từng bộ phận đưa lên núi cao đặt ngang tầm cao cụm cứ điểm địch để bắn. Cự ly tầm bắn pháo 105 ly: 5km 600, pháo 85 cự ly bắn: 3km 600, kết quả thật mỹ mãn, do bắn ngắm trực tiếp nên cứ 3 phát đạn hủy diệt được một công sự hỏa điểm kiên cố của địch. Cách dùng pháo binh bắn trực tiếp như thế đã trở thành bài học rất tốt cho các trận đánh địch trong công sự vững chắc của sư đoàn, của cả mặt trận Tây Nguyên và Quân khu 5. Là người chỉ huy trực tiếp trận đánh dùng lối pháo bắn trực tiếp này, nên chúng tôi cần viết rõ ràng như thế để cải chính việc gần đây nhiều sách báo nói “ta đưa pháo vào gần bắn thẳng” là không

thực tế.

So với trận đánh của sư đoàn ở khu vực Đức Lập, mặc dầu đã nghiên cứu rất kỹ địa hình từ hướng núi Chư Ho có điều kiện khiêng được 2 pháo 105 ly lên đặt bắn thẳng vào hướng núi Lửa do Trung đoàn 28 phụ trách, còn các hướng khác địa hình không cho phép, vì đất bằng và cây to, do đó chỉ khi áp sát được lực lượng gần địch mới đưa được 2 khẩu pháo 85 ly vào để bắn trực tiếp. Rõ ràng thực tiễn khác nhau, phải có sự sáng tạo vận dụng khác nhau.

Song bài học rút ra cho các trận đánh của sư đoàn về sau là:

Thứ nhất: trong mọi hoàn cảnh phải biết tận dụng sử dụng pháo binh bắn ngắm trực tiếp là rất quan trọng. Hai là, từ Bến Hét (Plây Cắn) đến Đức Lập đều khẳng định một kinh nghiệm sử dụng pháo binh các loại đều phải kết hợp chặt chẽ với các loại hỏa lực của bộ binh, làm được như vậy sẽ tạo nên sức mạnh tác chiến hiệp đồng binh chủng được tăng thêm gấp bội.

* ĐÁNH BUÔN MA THUẬT

Trong đêm 9 tháng 3 năm 1975, tham mưu chiến dịch thông báo, trận đánh vào thị xã Buôn Ma Thuột sẽ tiến hành đúng kế hoạch. Chúng tôi cũng nhận thức được nhiệm vụ chủ yếu tiếp theo, nên sáng 10 tháng 3 sau khi chấm dứt trận đánh Đức Lập, sư đoàn đã ra lệnh sẵn sàng hành quân, để lại Trung đoàn 28 theo lệnh trên làm dự bị chiến dịch ở hướng Đức Lập.

15 giờ 30 phút ngày 10 tháng 3 năm 1975, sư đoàn bắt liên lạc được với lực lượng vận tải Đoàn 559, lập tức ra lệnh cho bộ đội hành quân theo trục đường

đã chiến; 11 giờ ngày 11 tháng 3 năm 1975 đã có mặt ở bắc thị xã Buôn Ma Thuột cách 12km. Sư đoàn đã kết hợp được lực lượng hai hướng vào một mới chỉ huy.

Lúc này trận quyết chiến chủ yếu của chiến dịch đã bắt đầu từ sáng ngày 10 tháng 3 năm 1975.

Lực lượng của sư đoàn đánh trên hướng thị xã Buôn Ma Thuột gồm Trung đoàn 24, một tiểu đoàn pháo binh sư đoàn và được trên giao sư đoàn chỉ huy cả Trung đoàn 95b, do đồng chí Quốc Biên - Sư đoàn phó phụ trách (đồng chí Quốc Biên - nguyên Giám đốc Trường Quân chính mặt trận, được điều về làm Sư đoàn phó tháng 2-1975).

Đồng chí Quốc Biên liền cho tôi biết tình hình đã diễn biến chiến đấu và nói rõ chiến dịch đang giao nhiệm vụ dùng lực lượng đánh Chư Nga và đánh căn cứ hậu cứ trung đoàn 45. Tôi liền trực tiếp xuống Trung đoàn 24. Ban chỉ huy Trung đoàn 24 đã báo cáo cho tôi biết trận đánh thọc sâu vào sở chỉ huy số 23 như sau:

Trung đoàn tổ chức mũi thọc sâu gồm tiểu đoàn 4 Trung đoàn 24 và tiểu đoàn (thiếu) xe tăng, thiết giáp của Trung đoàn 273 (16 xe tăng T54 và xe bọc thép K63) một tiểu đoàn pháo cao xạ 37 ly, hai khẩu 12 ly 7 cùng trinh sát, công binh trung đoàn, sư đoàn, do đồng chí Trương Văn Việt - Trung đoàn phó chỉ huy.

3 giờ sáng ngày 10 tháng 3, sau khi pháo binh, ĐKZ, súng cối bắn, thì xe tăng tăng cường cho trung đoàn mở hết tốc lực, quật ngã cây đã cưa sẵn, theo chỉ dẫn vào tuyến triển khai. 7 giờ 30 phút khi pháo binh chiến dịch ban đôn

dập thì xe tăng tiến vào vị trí dừng bắn, yểm hộ cho bộ đội mở cửa. Đánh bật được 4 lớp rào thì bộ đội ào lên chiếm được khu vận tải, rồi thọc sâu vào khu kỹ thuật. Địch đánh trả quyết liệt, ta chiếm được khu truyền tin, đánh tiếp vào nhà tên tiểu đoàn trưởng, lại tưởng nhầm đó là chỉ huy sở sư đoàn 23. Địch ném bom, cao xạ ta bắn trả. Đến 13 giờ 30 phút ta làm chủ cả khu gia binh, nhưng ta cũng bị tổn thất lớn, 60 đồng chí bị thương vong, trong đó có cả đồng chí Quách - tiểu đoàn trưởng nên phải tạm dừng để củng cố lại bộ đội, địch cho xe tăng phản kích bị xe tăng ta đánh trả, diệt nhiều tên và bắt một số.

Qua khai thác tù binh ta biết chỉ huy sở sư đoàn 23 còn cách 1km nên ngay trong đêm 10 tháng 3, Trung đoàn phó Trương Văn Việt cùng cán bộ lên xem xét và lập phương án tác chiến, cùng cán bộ tham mưu mặt trận xuống bàn bạc. Đúng 5 giờ 30 phút sáng ngày 11 tháng 3 sau khi pháo binh chiến dịch bắn dồn dập, bộ đội lên mở cửa rồi vượt lên đánh chiếm được khu liên đoàn bảo an, khu kiến tạo và khu chiến tranh tâm lý. Lúc đó mới thấy biển đề “Bộ tham mưu”, thế là xe tăng thiết giáp của ta dẫn đầu bộ binh xông vào đánh chiếm, địch dùng xe tăng ra bịt cửa bị ta bắn cháy hai chiếc; cuối cùng bằng lưỡi lê, báng súng đánh địch, bộ đội ta giành giật từng lô cốt ụ súng mới chiếm được mục tiêu sở chỉ huy sư đoàn 23. Cùng lúc có sự phối hợp với đại đội 7 và xe tăng của Trung đoàn 95b đánh đến và bộ phận Trung đoàn 174 Sư đoàn 316 vào tới nơi. Địch ở hướng đường 129 có 8 xe tăng đến phản kích cũng bị ta đánh bại. Tỉnh trưởng Đắc Lắc Nguyễn Trọng Luật cùng 12 sĩ quan tháo chạy bị bắt. Tư lệnh phó sư đoàn 23 Vũ Thế Quang bị các chiến sĩ Trung đoàn 174 tóm cổ ở buôn A Lê. Đến 10 giờ ngày 11 tháng 3 năm 1975 lá cờ quyết thắng được cắm lên nóc nhà sở chỉ huy sư 23.

Nghe qua báo cáo, tôi thấy cuộc chiến đấu thọc sâu vào thị xã, thành phố rất phức tạp, hầu như các đơn vị trong sư đoàn chưa có lần nào phải đánh như lần này, địch thì bố trí sẵn dày đặc xe tăng thiết giáp trong công sự, hỏa lực pháo binh và phi cơ bắn yểm hộ, mục tiêu địch liên tiếp nhiều khu vực, mà ta lại đánh trong hành tiến tiến công không được trình sát nghiên cứu mục tiêu trước, vừa phát triển tiến công, vừa xác định mục tiêu đánh đã gặp không ít khó khăn.

Tuy nhiên, nhờ cán bộ chỉ huy xông xáo đi sát dẫn đầu, phân đội nhỏ độc đảm chiến đấu, hiệp đồng chặt chẽ với xe tăng thiết giáp đi trong đội hình, ta mới thắng được. Xe tăng thiết giáp cặp đôi đi trong đội hình là một kinh nghiệm hay, cần vận dụng về sau, tôi nói luôn, Trung đoàn 24 cần tổ chức rút kinh nghiệm ngay để phổ biến cho các đơn vị trong sư đoàn.

Theo báo cáo của trung đoàn, như vậy là mũi thọc sâu của Trung đoàn 24 đã diệt được 297 tên địch, bắt 157 tên, thu 2.004 súng các loại, 402 xe ô tô, 100 xe honda, cùng nhiều thứ khác, ta bị thương vong gần 70 đồng chí.

*

Trung đoàn 95b phối thuộc cho Sư đoàn 10 là đơn vị thuộc Sư đoàn 325 của Quân đoàn 2. Theo kế hoạch thì trung đoàn có nhiệm vụ đánh từ hướng đông bắc vào chiếm chỉ huy sở tiểu khu Đắc Lắc trung tâm thị xã Buôn Ma Thuột.

Làm việc với đồng chí Tụ - Trung đoàn trưởng và đồng chí Thọ - chính ủy trung đoàn, hai đồng chí đã cho chúng tôi biết tình hình chiến đấu như sau: 17 giờ ngày 9 tháng 3 năm 1975 trung đoàn được lệnh xuất phát vào chiếm lĩnh. Do chưa quen biết địa hình và trời đã tối, phải tìm mãi mới tới được trục đường 14, nhưng đến 0 giờ ngày 10 tháng 3 năm 1975 trung đoàn chiếm lĩnh xong. Riêng đại đội súng cối 120 ly thì bộ phận đạn đi lạc đường. Trong tình trạng không liên lạc được với sư đoàn (chỗ đồng chí Quốc Biên) nhưng gặp được bộ đội đặc công 198 và họ cho biết đã bám được sân bay Buôn Ma Thuột. Đến 1 giờ 55 phút, đặc công đánh chiếm được sân bay. Lúc 2 giờ sáng, địch báo động, điện vụt tắt, máy bay vụt bay lên bị bắn rơi một chiếc.

Sau khi hỏa lực pháo binh chiến dịch bắn dồn dập, tiểu đoàn 5 của trung đoàn đột phá chiếm ngã 6, bị địch kết hợp xe tăng và bộ binh phản kích, thương vong nhiều đồng chí, buộc tiểu đoàn 5 phải lùi lại 300m giải quyết hậu quả, trung đoàn liền điều tiểu đoàn 4 và xe tăng thiết giáp 8 chiếc từ phía sau lên tiến công, trận đánh xảy ra rất quyết liệt. Cuối cùng, xe tăng ta và bộ binh áp đảo được địch, bắn cháy 3 xe tăng, địch phải bỏ chạy. Thừa thắng, ta dùng xe tăng thiết giáp kết hợp bộ binh đánh thẳng vào chỉ huy sở tiểu khu.

Đột phá lần 1 không thành công, đột phá lần 2 cũng bị xe tăng thiết giáp của địch trong công sự đánh trả quyết liệt, ta phải bật trở lại. Tiểu đoàn 4 lập tức tổ chức bộ phận B40, B41 tiến lên trước đội hình, nhằm vào các hỏa điểm xe tăng địch trong công sự để bắn, diệt được 3 hỏa điểm xe tăng lợi hại nhất, phá hủy được xong tuyến chướng ngại vật. Bộ đội ta ào lên tiến công. Đến 16 giờ 30 phút ta hoàn toàn làm chủ, đánh chiếm xong chỉ huy sở tiểu khu xác địch

nằm ngổn ngang, bộ đội ta liền phát triển đánh khu cảnh sát. Cùng thời gian đó, trung đoàn lệnh cho tiểu đoàn 5 lên chiếm và bám trụ giữ chặt ngã 6. Địch nhiều lần phản kích đều bị ta đánh bật trở lại.

Sáng 11 tháng 3 năm 1975, căn cứ vào mệnh lệnh của sư đoàn, trung đoàn lệnh cho tiểu đoàn 5 dùng đại đội 7 cùng 2 xe tăng và 2 K63 do tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 5 Bùi Công Nghĩa trực tiếp chỉ huy tiến sang hướng chỉ huy sở sư đoàn 23 phối hợp cùng tiểu đoàn 4 Trung đoàn 24 chiếm chỉ huy sở sư đoàn 23.

Cùng sáng hôm đó, ta đánh chiếm khu nhà lao. Riêng tiểu đoàn 6 của trung đoàn do sư đoàn điều động.

Nghe qua báo cáo của Trung đoàn 95b chúng tôi nhận thấy: Đây là một trung đoàn đánh giỏi. Chiến trường mới lạ, đơn vị ở xa mới điều động đến, đường xá không biết, mục tiêu không rõ, phải vào chiến đấu ngay. Nhờ cán bộ chỉ huy nhanh nhạy, sắc bén và sáng tạo, bộ đội dũng cảm chiến đấu, tích cực chấp hành mệnh lệnh, nên trung đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ một cách rất xuất sắc. Một lần nữa tôi rút ra thêm kinh nghiệm khi đánh thọc sâu vào thị xã.

Trước hết muốn đánh vào thị xã, thành phố phải vận dụng cách đánh hiệp đồng binh chủng. Việc đánh chiếm ngã sáu, Trung đoàn 95b lúc đầu dùng tiểu đoàn 5 bộ binh, còn xe tăng vẫn để lại phía sau, đến lúc tiểu đoàn 5 bị địch đánh bật trở lại, mới sử dụng tiểu đoàn 4 kết hợp cùng xe tăng, thiết giáp, là do trung đoàn chưa có kinh nghiệm. Việc đánh chiếm chỉ huy sở tiểu khu Đắc Lắc, không những kết hợp được với xe tăng, thiết giáp, trung đoàn còn tận dụng bộ binh dùng B40, B41 để diệt hỏa điểm xe tăng trong công sự địch, là một thành công. Rõ ràng bài học kinh nghiệm đánh thọc sâu vào thị xã, thành phố là phải giỏi tác chiến hiệp đồng binh chủng, xe tăng thiết giáp

đi trong đội hình bộ binh, có pháo binh, cao xạ yểm trợ phải tạo được sự kết hợp lẫn nhau cả hỏa lực, bộ binh trong quá trình chiến đấu thì kết quả mới đạt được theo mong muốn.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 1975, Phòng Tham mưu chiến dịch cũng đã thông báo cho sư đoàn biết, Sư đoàn 316 đã đánh chiếm xong các mục tiêu được phân công trên cả ba hướng bắc, tây bắc và phía nam thị xã. Hầu hết các mục tiêu chủ yếu đều bị ta tiêu diệt. Nhưng còn những điểm chốt lẻ của bảo an dân vệ, những công sở và các chốt, các làng công giáo có bọn phòng vệ dân sự, cùng bọn địch còn ẩn nấp nhiều trong thị xã.

Lúc đó, chúng tôi cũng ý thức được nhiệm vụ của sư đoàn không phải làm dự bị đột phá vào Buôn Ma Thuột nữa, mà cái chính là sẵn sàng đề phòng tình huống bất ngờ địch dùng quân đến phản kích. Bộ tư lệnh sư đoàn liền lập tức họp bàn và quyết định:

Chỉ thị cho Trung đoàn 95b tiếp tục tổ chức lực lượng truy quét tiếp bọn địch trong thị xã theo phạm vi chiến dịch phân công.

Phân công đồng chí Quốc Biên - Sư đoàn phó tiếp tục theo dõi Trung đoàn 95b làm nhiệm vụ, đồng thời trực tiếp phối hợp với Trung đoàn 66 để sẵn sàng khi có lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch thì giúp Trung đoàn 66 hoàn thành nhiệm vụ (Trung đoàn 66 lúc này đang có quyết định của Bộ tư lệnh chiến dịch làm dự bị của chiến dịch).

Chỉ thị cho Trung đoàn 24 nhanh chóng xốc lại đội hình trước mắt đánh chiếm ngay căn cứ hậu cứ trung đoàn 45 ở đông bắc thị xã. Không cho địch dựa vào đó làm bàn đạp phản đột kích.

Tình trạng lúc này cũng là một khó khăn cho Trung đoàn 24 vì tiểu đoàn 5 theo lệnh trên đang vây đánh cứ điểm Chư Nga, tiểu đoàn 4 đang truy quét địch ở khu vực chỉ huy sở sư đoàn 23, lực lượng chỉ còn tiểu đoàn 6 và đại đội 7 của tiểu đoàn 5, nên sư đoàn phải tăng cường cho Trung đoàn 24 tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95b, đại đội xe tăng thiết giáp 8 chiếc, tiểu đoàn phòng không, 2 đại đội lựu pháo 122 ly, 2 dàn hỏa tiễn H-12.

*

Căn cứ hậu cứ trung đoàn 45 sư đoàn 23 nằm ở ngã ba đường 21A và 21B cách thị xã Buôn Ma Thuột 3km về phía đông. Địa hình xung quanh căn cứ tương đối bằng phẳng. Diện tích gần 2km² được chia làm 4 khu: sở chỉ huy trung đoàn 45 cùng tiểu đoàn 1, 2, 3 ở phía Bắc, trận địa pháo, bãi xe cơ giới ở giữa, trường huấn luyện hạ sĩ quan ở phía Nam, hậu cứ tiểu đoàn công binh 23 ở phía Đông. Ngoài ra phía Đông Bắc còn có khu gia đình sĩ quan ngụ. Vũ khí trang bị khá nhiều, 12 pháo 155 ly và 105 ly, năm xe M41 và M113 thiết giáp, 29 súng cối các loại cùng hàng ngàn súng chống tăng, đại, tiểu liên và M79, 200 xe ô tô, nhiều kho tàng quân dụng và đạn pháo các cỡ. Bọn địch trong căn cứ rất hỗn hợp, có cả bọn lính ở thị xã chạy về đây.

Đêm 11 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 24 cho bộ đội vào chiếm lĩnh trận địa. Đến 4 giờ 30 phút sáng 12 tháng 3 tất cả các lực lượng bộ binh, binh chủng tăng cường đã hoàn thành mọi công tác chuẩn bị.

5 giờ sáng ngày 12 tháng 3, hỏa lực pháo binh của sư đoàn và trung đoàn dồn dập bắn. Địch dùng đạn hóa học tạo thành màn khói trùm lên toàn bộ khu vực căn cứ. Máy bay địch đến ném bom, trận địa pháo phòng không của ta lập tức đánh trả. Qua đài trinh sát kỹ thuật, ta được biết bọn địch trong căn cứ được lệnh cố thủ, chờ viện binh.

Trên hướng chủ yếu Tây Bắc do tiểu đoàn 6 Trung đoàn 24 đảm nhiệm bộ binh và xe tăng đánh chiếm được đầu cầu và chia làm 2 mũi đánh vào trận địa pháo và trung tâm huấn luyện. Bộ binh địch cùng 2 xe tăng thiết giáp M113 và M41 xông ra cản đường bị ta bắn cháy M41, chúng vội tháo chạy, chiến sĩ Thành liền dùng 1 phát đạn B41 diệt luôn xe M113, hàng chục xác chết của bọn địch nằm la liệt trên trận địa.

Trong khói lửa mịt mù, các chiến sĩ tổ công binh đại đội 1, bất ngờ tập kích diệt được chốt địch giữ cầu phía Tây căn cứ, tháo dỡ được 4 quả mìn chống tăng và hàng rào dây thép gai (15 tên địch chết, thu 10 súng), bộ binh và xe tăng đại đội 5 lao lên cửa mở, địch hoảng loạn chạy từ phía Tây sang Đông.

Trong khi hướng chủ yếu phát triển thuận lợi thì mũi thứ yếu của đại đội 11 ở phía Bắc bị địch tập trung hỏa lực ngăn chặn quyết liệt, cả đại đội không tiến lên được, 6 chiến sĩ bị thương vong. Tiểu đoàn phó Xoang lập tức tổ chức hỏa lực B40, B41, 12 ly 7 và AK bắn dồn dập vào bọn địch trước cửa mở. Bị đánh mạnh, bọn địch ở đây hoảng loạn bỏ chạy, lập tức bộ đội đại đội 11 đập rào đánh thẳng vào trận địa địch, hình thành 3 mũi vào chiếm chỉ huy sở trung đoàn 45 và phát triển sang khu vực tiểu đoàn 2 và tiểu đoàn 3 của địch.

Trên hướng tây nam do tiểu đoàn 6 Trung đoàn 95b phụ trách, tiểu đoàn đã căn cứ vào mệnh lệnh của Trung đoàn trưởng Vũ Văn Tài, trong đêm đưa bộ đội vào chiếm lĩnh giữ được bí mật bất ngờ, nên trong quá trình hỏa lực pháo binh ta bắn thì tiểu đoàn đã tổ chức được lực lượng mở xong cửa mở. Kết hợp với hướng chủ yếu đánh vào trung tâm huấn luyện từ phía Nam liên kết được với lực lượng xe tăng, thiết giáp từ phía Tây Bắc đánh đến. Đến 8 giờ 30 phút làm chủ hoàn toàn trường sĩ quan phía Nam và khu hậu cứ của tiểu đoàn công binh 23 ở phía Đông.

Thế là sau đó lực lượng ta phát triển chiếm nốt khu gia binh và những nơi còn lại. Qua khai thác tù binh, ta phát hiện được địch có hầm ngầm, bộ đội ta liền dùng mìn chống tăng và bộc phá đánh sập, loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 25 đến 30 tên địch, trong đó có tên trung tá chỉ huy trưởng hậu cứ 45 và tên tiểu đoàn trưởng pháo binh. Máy bay địch đến oanh tạc bị cao xạ ta bắn cháy 1 chiếc A37, các chiếc khác liền chuồn thẳng ra phía Đông.

Bọn địch sống sót chạy khỏi căn cứ khá nhiều, nhưng bị đại đội 7 tiểu đoàn 5 đã đón lõng sẵn, bắt gọn một toán địch chạy ra phía Đông.

9 giờ 30 phút ta hoàn toàn làm chủ căn cứ hậu cứ trung đoàn 45. Ta tiêu diệt tại chỗ 201 tên địch, bắt 152 tên, phóng thích 96 tên bị thương, phá 3 xe tăng thiết giáp, bắn rơi một máy bay thu 12 pháo, 29 súng cối, 2 xe M113, 241 ô tô, hơn 1.000 súng các loại cùng nhiều quân trang, quân dụng và thực phẩm.

Theo dõi trận đánh của Trung đoàn 24 đánh chiếm hậu cứ căn cứ của trung đoàn 45 ngay cho đến hồi kết thúc, chỉ huy sư đoàn thấy đây là một bước trưởng thành nữa của Trung đoàn 24.

Hậu cứ trung đoàn 45 này là một căn cứ có công sự vững chắc, diện tích rộng, quân số địch có tới 3.000 tên, bố trí làm nhiều khu vực khá phức tạp, có xe tăng, pháo binh, súng cối và đủ các loại hỏa lực khác, xe cộ và kho tàng nhiều, chia cắt thành cụm một, lại bố trí trong một thể liên hoàn chặt chẽ. Nhưng trung đoàn đã vận dụng sáng tạo cách đánh, bằng cơ động lực lượng hiệp đồng chặt chẽ các binh chủng đánh từ ngoài vào trong. Dưới sự yểm hộ đặc lực của hỏa lực, đã đưa lực lượng áp sát mở cửa đánh chiếm đầu cầu, rồi thọc sâu luôn, kết hợp chặt chẽ giữa xe tăng và bộ binh đi trong đội hình từ lúc đột phá mở cửa đến thọc sâu vào trong. Vừa đánh bên trong vừa đón lõng bên ngoài thành công. Rõ ràng đó là bước phát triển mới trong tác chiến hiệp đồng binh chủng đánh nhanh diệt gọn của trung đoàn.

Tiêu diệt được căn cứ hậu cứ trung đoàn 45 tức là ta đã giải quyết được một địa bàn quan trọng mà địch có thể dựa bám vào đó để luân lực lượng cơ động đến tiến hành phản đột kích chiếm lại thị xã Buôn Ma Thuột.

*

Trưa ngày 11 tháng 3 năm 1975, địch đã dùng máy bay đánh phá và đổ thám báo biệt kích xuống Buôn Hồ và phía đường 21 đông Buôn Ma Thuột. Đến ngày 12 tháng 3, hơn 100 lần chiếc máy bay ném bom dọn bãi, rồi 145 lần chiếc trực thăng đổ quân, chủ yếu vào khu vực cao điểm 581 cách thị xã khoảng 5km.

Trong kế hoạch, Bộ tư lệnh chiến dịch cũng đã dự kiến địch có thể phản đột kích chủ yếu là phía đông và đông bắc thị xã. Ngoài lực lượng Sư đoàn 23, không loại trừ địch có thể địch sẽ đưa quân tổng dự bị đến. Do đó Bộ tư lệnh ra lệnh cho Sư đoàn 10 diệt căn cứ hậu cứ 45 và Sư đoàn 316 đánh diệt căn cứ trung đoàn 53 ở phía đông sân bay Hòa Bình. Vấn đề hơi băn khoăn trong tôi lúc này là tác chiến hiệp đồng binh chủng mà phương thức chỉ huy chiến dịch lại không coi trọng sử dụng tập trung sức mạnh của từng binh đoàn chiến dịch. Hầu như chiến dịch xé lẻ các sư đoàn để chỉ huy trực tiếp các trung đoàn bộ binh và các binh chủng. Lực lượng Sư đoàn 10 thì rất phân tán vì Trung đoàn 28 đang dự bị cho hướng Đức Lập, Trung đoàn 66 thì làm dự bị cho chiến dịch ở hướng Bắc thị xã (theo lệnh chiến dịch). Tôi tìm hiểu Sư đoàn 316 cũng tình trạng phân tán, đồng chí Sư đoàn trưởng Đàm Văn Ngụy đi cùng Trung đoàn 149 xuống phía Nam, đồng chí Sư đoàn phó Hải Bằng đi cùng Trung đoàn 174 ở hướng Tây Bắc, đồng chí Nguyễn Thôi - Sư đoàn phó đi cùng Trung đoàn 148 ở hướng Bắc. Mỗi trung đoàn đánh ở mỗi hướng khác xa nhau, không có sự chỉ huy tập trung. Phải chăng đây là một nhược điểm trong chỉ huy chiến dịch. Một lối chỉ huy vượt cấp không đáng có khi chiến dịch trực tiếp với từng hướng trung đoàn.

Giờ đây hướng phản đột kích của địch đã xuất hiện cũng trở thành một khó khăn vì lực lượng ta bị phân tán. Sư đoàn liền đề nghị với Bộ tư lệnh chiến dịch cho Trung đoàn 28 đang dự bị ở hướng Đức Lập về ngay đội hình sư đoàn, cho tiểu đoàn 8 Trung đoàn 66 đến phối thuộc với Trung đoàn 24. Đồng thời ra lệnh cho Trung đoàn 24 di chuyển đội hình lên bám địch và lập phương án tác chiến, pháo binh và cao xạ của sư đoàn triển khai trận địa chuẩn bị phản tử bắn. Xe tăng thiết giáp tiếp tục tăng cường cho Trung đoàn 24. Chiều 12 tháng 4, tiểu đoàn 4 về kịp. Như vậy là trong tay Trung đoàn 24 đã có tiểu đoàn 4 và tiểu đoàn 6, còn tiểu đoàn 5 đang đánh Chư Nga, trung đoàn đã nhanh chóng ổn định được tiểu đoàn 4 và tiểu đoàn 6 trong hoàn cảnh rất gấp rút. Tình thế thật khẩn trương. Tôi nắm lại tình hình đến ngày 12 tháng 3 năm 1975, qua 4 ngày chiến đấu sư đoàn hy sinh 27, bị thương 158, lực lượng phối thuộc hy sinh 54, bị thương 181 (trong đó Trung đoàn 95b hy sinh 50, bị thương 169). Tổng cộng hy sinh 81, bị thương 339.

* TIÊU DIỆT SƯ ĐOÀN 23 VÀ LIÊN ĐOÀN BIỆT ĐỘNG QUÂN 21 PHẢN ĐỘT KÍCH

Trận đánh xảy ra trong khu vực cao điểm 581 đến Phước An, cách thị xã Buôn Ma Thuột trên 5km. Địa hình đồi núi, phần lớn là ấp vườn cà phê, xen lẫn những lùm cây gai góc, không có đường xe cơ giới, trừ đường 21 Buôn Ma Thuột đi Nha Trang. Trước đây địch đã lập khu vực này thành nông trại. Trong lúc địch đổ quân liên tục bằng trực thăng xuống cao điểm 581 và cả khu vực nông trại Phước An đến ngã ba đường 21, máy bay địch ném bom khắp nơi, thì Trung đoàn 24 của ta bí mật áp sát mục tiêu, pháo binh, cao xạ của sư đoàn cũng triển khai lên sát và bố trí xong trận địa, đồng thời lực lượng cao xạ ta cũng đã đánh trả quyết liệt đối với máy bay địch.

Đúng 7 giờ 7 phút sáng 13 tháng 4, pháo binh sư đoàn cùng hỏa lực của Trung đoàn 24 bắn phá mãnh liệt vào mục tiêu từ cao điểm 581 ra đường 21. Xe tăng ta liền xuất kích, tiến lên dẫn đầu tiểu đoàn 6 bộ binh xông thẳng vào trận địa, ngay từ phút đầu đã chiếm được tuyến 1 ở cao điểm 581, bộ binh và

xe tăng phân ra đánh nhiều hướng, địch trở nên rối loạn. Đại đội 9 và 2 xe tăng tiêu diệt được một đại đội địch ở phía tây cao điểm, rồi đánh thẳng vào chỉ huy sở tiểu đoàn 2 trung đoàn 45, cùng lúc đại đội 10 tiêu diệt được một đại đội khác ở phía tây nam, đại đội 11 đánh chiếm được trận địa pháo binh, tất cả các hướng ép lại tiêu diệt hết toán địch này đến toán địch khác. Một bộ phận địch chạy về hướng Đông cao điểm liền bị tiểu đoàn 4 của ta đón lõng sẵn, tiêu diệt hết. Như vậy là tiểu đoàn 2 trung đoàn 45 ngụy ra quân với quân số gần 400 tên đã bị ta tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn. Liên đoàn biệt động quân ở trục đường 21 liền bỏ chạy. Trung đoàn 24 lập tức bám theo. Sở chỉ huy sư đoàn cùng pháo binh, cao xạ đều khẩn trương chuyển đội hình lên phía trước.

Trung đoàn 45 ngụy ra quân không có xe tăng, thiết giáp và số lượng pháo binh có hạn, nên bộ phận đi đầu của trung đoàn này là tiểu đoàn 2 bị tan vỡ nhanh chóng. Nhưng lúc này căn cứ hậu cứ của trung đoàn 53 của Sư đoàn 23 ở đông sân bay Hòa Bình cách thị xã 3km do Trung đoàn 149 Sư đoàn 316 đánh, chưa dứt điểm được, nên địch còn hy vọng dựa vào tuyến cầu số 2 và nông trại Phước An để luồn lách bám vào căn cứ trung đoàn 53 tiếp tục lên phản kích. Tuyến địch bố trí cách thị xã Buôn Ma Thuột chừng 15km.

Lúc này, Bộ tư lệnh chiến dịch tăng cường Sư đoàn pháo binh và toàn bộ Trung đoàn 234 cao xạ.

Qua điện thoại hữu tuyến của chiến dịch theo sát sư đoàn, đồng chí Nguyễn Năng - Phó tư lệnh chiến dịch hỏi tôi:

- Địa điểm sở chỉ huy sư đoàn đang ở đâu?

Tôi trả lời:

- Sở chỉ huy sư đoàn tôi đang ở bãi chuối rừng, cách cầu số 2, 500 mét về phía Tây Bắc, vệ binh sư đoàn chưa kịp làm công sự ẩn nấp, nên anh đừng xuống vội.

Đồng chí Nguyễn Năng nói có phần gay gắt:

- Tôi không xuống thì làm sao góp được ý kiến để các anh đánh tiếp.

Thế là sau đó chiếc xe thiết giáp đã đưa đồng chí Năng tới. Cùng lúc Trung đoàn 28 đã vượt qua thị xã Buôn Ma Thuột về với sư đoàn, tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 đã đánh dứt điểm Chư Nga, về tập trung với trung đoàn. Tôi lập tức trình bày với đồng chí Nguyễn Năng ý định hành động và được đồng chí nhất trí.

Dùng Trung đoàn 24 (thiếu) gồm tiểu đoàn 4 và 5 vòng phía Tây Nam để đánh vào Phước An. Còn tiểu đoàn 6 kết hợp xe tăng đánh theo trục đường 21 tiêu diệt địch ở khu nông trại và ở đường 21 đến ngã ba đi quận lỵ. Còn Trung đoàn 28 hình thành một mũi vòng bọc phía bắc và đông bắc quận lỵ để diệt gọn địch ở Phước An. Trong đêm, đồng chí Nguyễn Năng trở về ngay Chỉ huy sở chiến dịch. Đúng 7 giờ 15 sáng, pháo binh của sư đoàn dồn dập bắn, địch điên cuồng dùng máy bay oanh tạc, bị cao xạ của ta đánh trả quyết liệt, bắn rơi một máy bay địch, tên phi công phải đền mạng. Hai máy bay AD6 bị ta bắn trúng, vội vàng chuồn thẳng.

Quá trình Trung đoàn 24 (thiếu) luồn rừng vất vả, chỉ huy đi trước bộ đội

bám theo, mãi tới hơn 8 giờ sáng, tiểu đoàn 4 mới bám được phía trước, còn tiểu đoàn 5 không theo kịp đội hình; lúc hướng đường 21, tiểu đoàn 6 và xe tăng đã đánh thẳng được vào khu vực nông trại, trận đánh ở đây rất quyết liệt. Qua theo dõi tôi thấy khu vực nông trại là nơi bố trí chủ yếu của trung đoàn 45, nên tôi ra lệnh cho tiểu đoàn 5 chuyển hướng bám ngay tiểu đoàn 6 đánh thẳng theo trục đường 21. Giải quyết xong khu vực địch ở nông trại, qua trinh sát xác minh cụ thể thì chỉ huy trung đoàn 45 đã bị tiêu diệt. Phát triển theo trục đường 21, tiểu đoàn 6 và tiểu đoàn 5 đã diệt được bọn địch trên trục đường, rồi cùng xe tăng thiết giáp chiếm được ngã 3 đường 21. Đánh vòng sang phải theo trục đường đi Phước An 1km, gặp địch chống cự, bộ đội ta cùng xe tăng phải đột phá nhiều lần, đánh giáp lá cà bằng lưỡi lê, báng súng mới chiếm được mục tiêu. Hóa ra đây là quận lỵ mới của địch.

Quá trình theo dõi tin kỹ thuật, tôi được biết tên sư đoàn trưởng sư đoàn 23 Lê Trung Trường dùng máy bộ đàm, nghe báo cáo của tên tham mưu trưởng, nó hỏi đơn vị nào đang tiến công? Tên tham mưu trưởng trả lời: Sư đoàn 10 Việt cộng. Lập tức tên sư đoàn trưởng đập máy xuống, không thấy nó nói nữa. Tôi thầm nghĩ có lẽ ở quận lỵ mới là chỉ huy sở phía trước của sư đoàn 23.

Khi cánh quân Trung đoàn 24 (thiếu) tiếp cận được Phước An, tiểu đoàn 4 đánh vào quận lỵ (cũ) chỉ còn thấy một đại đội bảo an, chúng đã nhanh chóng đầu hàng. Trung đoàn liền cho tiểu đoàn 4 truy quét và bắt được tên trung đoàn trưởng trung đoàn 53 từ căn cứ 53 phía đông Buôn Ma Thuột chạy về.

Qua điện thoại hữu tuyến bám theo Trung đoàn 24 (thiếu), đồng chí Vũ Văn Tài - Trung đoàn trưởng báo cáo cho tôi biết tình hình. Tôi khẳng định: Như vậy là bộ đội đã đánh bại trung đoàn 45 ngụy ở khu vực nông trại và đánh trúng chỉ huy sở phía trước của sư đoàn 23 ở quận lỵ mới cách đường 21 về phía phải 1km.

Vì bản đồ ở chỉ huy sở không còn mảnh nào phù hợp bước tiến quân, tôi đành cùng cán bộ tham mưu đi vào quận lỵ mới để tìm và xem lại kết quả. Đến nơi, qua khảo sát tù binh đã bị bộ đội ta bắt, chúng cho biết: chiếc trực thăng đang nằm chết ở góc gần quận lỵ là của tên sư đoàn trưởng sư đoàn 23. Máy bay này bị cao xạ ta bắn, bị thương cả người và máy bay, nó phải đổ xuống gấp. Tên sư đoàn trưởng được cứu chữa vội, rồi chiếc máy bay trực thăng khác đến, chở nó đi. Tôi khẳng định rõ ràng, đây là sở chỉ huy sư đoàn 23 đã bị ta đánh. Hóa ra đến trận đánh này, sư đoàn trưởng sư đoàn 23 mới biết Sư đoàn 10 của Việt cộng không còn ở phía tây bắc tỉnh Kon Tum nữa.

*

Cuộc chiến đấu chưa kết thúc vì địch vẫn liên tiếp đổ quân xuống theo trục đường 21 đi Chư Cúc suốt ngày hôm đó. Qua trinh sát kỹ thuật, ta được biết đó là trung đoàn 44.

Theo kế hoạch của sư đoàn, Trung đoàn 28 có nhiệm vụ đánh vòng phía bắc Phước An. Nhưng khi tôi gặp đồng chí Nguyễn Đức Cẩm - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 28 đang dẫn đầu đơn vị bám theo Trung đoàn 24 ở ngã ba đường 21. Thấy không cần thiết dùng Trung đoàn 28 đánh vòng phía bắc Phước An nữa, nên tôi ra lệnh Trung đoàn 28 chiếm lĩnh trận địa để đánh lên hướng Chư Cúc. Từ ngã ba Phước An đi Chư Cúc, địa hình cao dần, phải qua nhiều suối, hai bên trục đường rừng cây rậm rạp. Bài học dạy cho tôi biết: quân phản kích của địch bộc lộ nhiều nhược điểm, không có xe tăng, thiết giáp, số lượng pháo binh cũng ít hơn, binh lính địch rất sợ xe tăng, thiết giáp của ta, nên tôi quyết định phương án đánh chủ yếu theo trục đường.

Tôi bàn với Trung đoàn 28 dùng tiểu đoàn 3 đi cùng xe tăng thiết giáp đánh trên hướng chủ yếu theo trục đường 21, động viên tiểu đoàn 2 luồn rừng sang phía đông Chư Cúc.

Tiểu đoàn 1 làm dự bị. Pháo binh của sư đoàn và pháo binh Trung đoàn 40 cùng Trung đoàn cao xạ 234 bố trí hai bên trục đường. Khó khăn lúc này là các trận địa pháo chỉ kịp bám 2 vệ đường, quan sát mục tiêu lại từ thấp lên cao, tôi đành quy định đo phần tử bắn trên bản đồ, rồi bắn theo tọa độ.

Trận chiến đấu bắt đầu 7 giờ sáng, pháo binh ta bắn liên tục suốt đường 21 vào các mục tiêu ước định. Xe tăng và bộ binh xông lên tiến công đánh ngay vào tuyến bố trí của địch cách ngã ba chừng trên 1km, giành giật nhau từng chốt trên trục đường, địch phá cầu, ta lại phải làm đường vòng tránh, nhiều đoạn công binh phải phát quang rừng cho pháo binh cao xạ bám theo, bảo đảm tầm bắn.

Sau khi đánh bật được 4 chốt địch trên trục đường, tới chân núi Chư Cúc, bộ đội ta xông lên núi, bị địch đánh bật trở lại, thương vong một số. Đỉnh núi cao và dốc bộ đội phải trườn leo từng bước, địch bắn súng và thả lựu đạn xuống, ta có bị thương vong. Nhưng cuối cùng bám trụ được một số công sự địch, đội dự bị của tiểu đoàn 3 tiến vào đánh thọc sâu, quân ta và quân địch đan xen nhau, đánh giáp lá cà. Địch kêu la om sòm rồi tháo chạy. Một số thoát được, luồn ra phía Đông, vừa lúc tiểu đoàn 2 đến kịp bắt gọn, Trung đoàn 25 của ta đang chốt giữ trên trục đường 21 phía tây quận lỵ Khánh Dương cũng bắt được khá nhiều địch.

Kết thúc trận đánh, ta đã tiêu diệt được lực lượng trung đoàn 44 của sư đoàn 23 ngụy. Liên đoàn biệt động quân 21 thực tế đã bị ta đánh cùng thời gian ta diệt trung đoàn 45 ở Phước An, tàn quân của nó cũng bị tiêu diệt nốt ở trận này.

Thế là trận phản đột kích của sư đoàn 23 ngụy và liên đoàn biệt động quân 21 đã bị ta đánh bại hoàn toàn. Sư đoàn 23 địch hoàn toàn bị bất ngờ. Bất ngờ lần này với sư đoàn 23 làm cho tôi suy nghĩ đến sự bất ngờ đối với sư đoàn

23 của địch lần trước. Đó là trận đánh của Trung đoàn 66 tiêu diệt chiến đoàn 45 ở tây bắc thị xã Kon Tum năm 1972 trong chiến dịch bắc Tây Nguyên. Trận đánh đã diễn ra như sau:

Trong tình huống chiến dịch ta kết thúc, không dứt điểm được thị xã Kon Tum, phải lần lượt cho rút quân. Hướng tây bắc thị xã, Sư đoàn 320a của ta rút, chỉ còn để lại Trung đoàn 52 sẽ rút cuối cùng. Qua tin kỹ thuật, tôi được biết sư đoàn 23 ngụy có kế hoạch định dùng chiến đoàn 45, ngày 3 tháng 7 sẽ đánh ra hướng Ngọc Bay tây bắc thị xã để gây thanh thế thắng trận.

Hồi đó, tôi là Tham mưu trưởng mặt trận cánh đông, do đồng chí Mạnh Quân - Tư lệnh, đồng chí Đặng Vũ Hiệp Chính ủy. Cả hai đồng chí đang đi dự họp bàn với Tỉnh ủy Kon Tum, giao cho tôi trực tiếp công việc ở chỉ huy sở. Tôi liền tính toán kế hoạch.

- Cho Trung đoàn 52 rút ngay kịp trong đêm 2 tháng 7 năm 1972. Qua điện thoại, tôi nói rõ cho Trung đoàn 52 biết, để lại một ít vật phẩm, súng hồng, gạo mốc, dao cùn, cuốc gậy làm chiến lợi phẩm lừa địch.

Đồng thời tôi lệnh cho Trung đoàn 66 dự bị chiến dịch đang tập kết phía sau, bí mật vòng phía Đông để cài thế, với ý định dùng Trung đoàn 66 luồn vào phía sau chiến đoàn 45 để tiêu diệt.

Thế là đúng sáng 3 tháng 7, địch ra quân. Theo kế hoạch, chiến đoàn 45 tới Ngọc Bay, không gặp đối thủ, lại thu được chiến lợi phẩm, chúng càng tiến quân nhanh, bám theo vết chân Trung đoàn 52 của ta. Tới Hà Mòn Đắc Vất cách thị xã Kon Tum 10km, cũng là lúc Trung đoàn 52 của ta vượt qua sông vừa xong.

Địch không ngờ Trung đoàn 66 của ta đã bí mật luôn được vào Ngọc Bay - nơi chúng vừa đi qua. Điện thoại hữu tuyến bám theo, tôi quy định cho Trung đoàn 66 chỉ để lại một bộ phận giữ chốt, còn triển khai bộ đội hình chữ V; cán bộ và trinh sát dẫn đầu, bám vết chân chiến đoàn 45 ngụy, gặp đầu cho bộ đội nổ súng đánh, làm hiệu lệnh hiệp đồng vây chặt địch mà tiêu diệt. Thế là ngày 4 tháng 7 trận đánh đã diễn ra.

Địch hoàn toàn bị bất ngờ với Trung đoàn 66 của ta đánh từ phía sau, lâm vào tình trạng rất hỗn loạn, chạy loạn xạ theo hướng về thị xã Kon Tum. Đội hình địch trùn lên cả đội hình bộ đội ta đã triển khai sẵn, nên từ trung đoàn trưởng đến các đơn vị chiến đấu, cũng như thông tin vận tải nuôi quân của ta đều đánh địch. Chỉ riêng một tổ thông tin hữu tuyến 3 chiến sĩ của đại đội thông tin 18 do Nguyễn Quang Đồng chỉ huy đã dũng cảm chiến đấu tiêu diệt được 10 tên địch, bảo đảm được đường dây liên lạc chiến đấu. Toàn bộ chiến đoàn 45 ngụy bị tiêu diệt, loại khỏi vòng chiến đấu 695 tên, bắn rơi 8 máy bay. Một số địch chạy về Ngọc Bay cũng bị chốt của ta đánh diệt.

Kết quả trận đánh thành công vì nhờ qua tin kỹ thuật ta hiểu được ý đồ hành động của địch, lập mưu đánh địch, kết hợp bộ đội dũng cảm chiến đấu mà giành thắng lợi. Nghiên cứu hiểu địch, nắm vững cung cách hành động của địch mà giành chủ động đánh bất ngờ là rất quan trọng.

*** TRUNG ĐOÀN 66 PHỐI THUỘC SƯ ĐOÀN 316 TIÊU DIỆT ĐỊCH Ở CĂN CỨ 53**

Trong mấy hôm làm dự bị chiến dịch ở bắc thị xã Buôn Ma Thuột, Trung đoàn 66 có điều kiện chấn chỉnh đơn vị, rút kinh nghiệm những trận đánh vừa qua, bộ đội rất háo hức lập công. Ngày 16 tháng 3, trung đoàn được lệnh của

Bộ tư lệnh chiến dịch phối thuộc với Sư đoàn 316 tiêu diệt căn cứ hậu cứ trung đoàn 53 ở phía đông thị xã Buôn Ma Thuột, giáp sân bay Hòa Bình. 8 giờ sáng ngày 18-3 đã trở về đội hình sư đoàn. Tôi liền gặp đồng chí Nguyễn Đình Kiệp - Trung đoàn trưởng và đồng chí Nguyễn Chí Nguyên báo cáo về trận đánh đó.

Đồng chí Nguyễn Đình Kiệp đã kể: Khi đang ở vị trí đứng chân sẵn sàng cơ động, thì 3 giờ sáng ngày 16 tháng 3, đồng chí Sư đoàn phó Quốc Biên trực tiếp xuống phổ biến nhiệm vụ Trung đoàn 66 phối thuộc cho Sư đoàn 316 đánh diệt căn cứ 53 ở đông sân bay Hòa Bình. Vì cụm cứ điểm này Trung đoàn 149 đánh chưa dứt điểm được. Trong mệnh lệnh quy định ngày 16 tháng 3 phải đánh dứt điểm. Đồng chí Quốc Biên thấy thời gian quá gấp nên cùng bàn với trung đoàn cố gắng ngày 16 tháng 3 vào chiếm lĩnh để đánh.

Tình hình thật khẩn trương, địch thì chưa rõ, theo quy định của chiến dịch sẽ có liên lạc của trung đoàn đặc công đến dẫn đường, nhưng chưa gặp. Trung đoàn liền bàn bạc, cho bộ phận trinh sát chỉ huy đi trước do tôi (Nguyễn Đình Kiệp) phụ trách, còn chính ủy và trung đoàn phó tổ chức bộ đội thành 2 khối bám theo. May mắn dọc đường gặp được người dẫn đường và bộ phận xe tăng - thiết giáp đang trên đường đến phối thuộc cho trung đoàn. Khi bộ phận trinh sát thực địa gặp được phái viên tham mưu của Sư đoàn 316 thì cũng vừa lúc trung đoàn bám được mục tiêu địch lập phương án tại chỗ và cho liên lạc đón đơn vị. Đúng 17 giờ ngày 16 tháng 3, bộ phận mở cửa vận động lên dưới sự chỉ viện hỏa lực của chiến dịch và của Sư đoàn 316. 17 giờ 30, tiến hành mở cửa qua chướng ngại vật bằng mìn định hướng, đánh liên tục xong quả này thì lên đặt quả khác đánh giật; địch bắn xối xả, bộ phận hỏa lực ĐKZ và B40, B41 của trung đoàn đi lên, dựa được vào tuyến công sự của bộ binh, bắn diệt được một số hỏa điểm địch. Trong đêm bộ đội tiếp tục vào chiếm lĩnh làm công sự, có thương vong một số nhưng đã mở xong cửa mở và tạo được hành lang cửa mở cho xe tăng thiết giáp.

Theo kế hoạch của Sư đoàn 316, trung đoàn phụ trách đánh từ hướng Đông

Bắc và Bắc, còn Trung đoàn 149 đánh từ hướng Tây và Tây Nam. Đúng 5 giờ sáng trận tiến công bắt đầu. Trung đoàn phân công tiểu đoàn 9 đánh hướng Đông Bắc do Bạch Công Nghĩa - tiểu đoàn trưởng và Phạm Chào - chính trị viên chỉ huy, trong đêm tiểu đoàn đã chiếm được một số công sự của địch ở vòng ngoài, đang phát triển thuận lợi vào bên trong. Tiểu đoàn 7 đảm nhiệm hướng chủ yếu ở hướng Bắc, sau khi hỏa lực pháo binh bắn cấp tập, bộ đội lên bám được thành đất phát triển vào trong thì bị hỏa lực ngầm trong công sự của địch ngăn chặn, tình thế trở nên khó khăn, 2 xe tăng lên húc mãi tuyến lô cốt, rồi phải dừng lại dùng hỏa lực bắn.

Trước tình hình đó, trung đoàn liền quyết định chuyển hướng chủ yếu sang tiểu đoàn 9, điều động 2 xe tăng sang hướng này. Đến 7 giờ 30 phút tiểu đoàn 9 phối hợp với xe tăng phát triển đánh chiếm được trung tâm chỉ huy sở trung đoàn 53, cùng lúc tiểu đoàn 7 và xe tăng dùng hỏa lực diệt được công sự hỏa điểm ngầm của địch nằm giữa khu A và B. Tiểu đoàn trưởng Bạch Công Nghĩa bị thương nặng, trung đoàn cử Tham mưu phó Quỳnh xuống thay tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 9. Đến 8 giờ 30 ta phát triển thuận lợi. 2 tiểu đoàn ta đã liên lạc trực tiếp được với nhau, phát triển chiếm luôn khu C. Đơn vị bạn đánh từ hướng Tây cũng phát triển thuận lợi nhưng vướng phải hàng rào phân khu, phải khắc phục mãi mới vào được khu B. Đến 9 giờ đơn vị ta và đơn vị bạn gặp nhau. Kết thúc trận đánh diệt căn cứ trung đoàn 53. Địch bị loại khỏi vòng chiến đấu 750 tên, bị ta bắt 106 tên, thu 2 pháo 105 ly, 1 xe M113, 50 máy vô tuyến điện (có 2 đài 15 óát) và nhiều kho tàng.

Đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn kể thêm:

Trong tình huống nhận nhiệm vụ khẩn trương vì trên ra lệnh ngày 16 phải đánh dứt điểm. Đây là trận chiến đấu ra lệnh phải đánh ngay, lúc địch bố trí phòng ngự trong công sự vững chắc, do đó thương vong ta quá cao. Ngoài 10 cán bộ và chiến sĩ của tiểu đoàn cao xạ và của xe tăng, thì Trung đoàn 66 hy sinh 23 đồng chí, bị thương 106 đồng chí, trong đó có một tiểu đoàn trưởng và 6 cán bộ đại đội.

Tôi hỏi lại, quá trình nhận mệnh lệnh thế nào? Đồng chí Kiệp kể lại: trong mệnh lệnh chiến dịch ghi lúc 12 giờ ngày 15 tháng 3 yêu cầu trung đoàn đến 6 giờ sáng 16 tháng 3 phải đánh dứt điểm ngay, sư đoàn thấy khó khăn, nên 15 giờ ngày 16 tháng 3 mới đánh và thực tế đến 9 giờ sáng ngày 17 tháng 3 mới dứt điểm được.

Nghe qua trận đánh tôi có nhiều băn khoăn, đánh địch trong công sự vững chắc mà buộc phải tiến công theo kiểu hành tiến, bất đắc dĩ quá, chẳng khác gì năm 1972 Trung đoàn 66 do đồng chí Phùng Bá Thường - Trung đoàn trưởng chỉ huy, đã hoàn thành xuất sắc trận đánh diệt sư đoàn 22 (thiếu) ở Tân Cảnh, liền sau đó có lệnh phải trong ngày 9 tháng 5 năm 1972 đánh dứt điểm ngay cụm cứ điểm Bến Hét (Plây Cản); kết quả bị thất bại để lại thương binh và 1 xe tăng hỏng nằm trong cứ điểm địch. Tình thế có bắt buộc đánh một cách bức bách đến thế không? Tôi nói luôn: Đơn vị các anh thật xứng đáng là chủ công của sư đoàn. Các anh cần rút kinh nghiệm kỹ trận đánh này. Nhớ rằng ở đâu có khó khăn là trung đoàn phải có mặt ở đấy.

Như thế là, ngoài trung đoàn 45 cùng chỉ huy phía trước của sư đoàn 23 và trung đoàn 44 đã bị tiêu diệt ở khu vực Phước An - Chư Cúc. Trung đoàn 53 (thiếu) lại bị tiêu diệt trong trận đánh của Trung đoàn 66 phối hợp với đơn vị bạn, riêng một tiểu đoàn của trung đoàn 53 bị tiêu diệt ở Đức Lập. Do đó có thể nói, ta đã xóa sổ toàn sư đoàn 23 và liên đoàn biệt động quân 21 - lực lượng cơ động chính của quân ngụy ở chiến trường Tây Nguyên.

Giữa lúc vui mừng chiến thắng, đêm 18 tháng 3 năm 1975 sư đoàn nhận được quà Tết của Đại tướng Văn Tiến Dũng do hậu cần mặt trận đưa xuống. Đồng thời, Đại tướng điện khen ngợi Sư đoàn 10 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đã tiêu diệt được lực lượng sư đoàn 23 và liên đoàn biệt động quân 21 và đánh giá đây là một trận then chốt của chiến dịch, tiếp theo trận then chốt quyết định đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột.

Từ Phước An đến Chư Cúc, tù binh địch mà ta bắt được nhiều. Để rõ hơn tình trạng quân ngụy Sài Gòn, tôi trực tiếp xuống gặp bộ phận quản tù binh, thấy chúng đủ các hạng người, đồng bằng cũng có, mà miền núi cũng nhiều. Chúng đều kể rằng: khi lên máy bay đến lúc đổ quân xuống, chúng đều không hiểu đi đâu và làm gì? Tin tức Buôn Ma Thuột bị đánh chiếm, chúng không hề biết. Chỉ thấy bọn chỉ huy thúc giục lên đánh Việt cộng.

Lý do bị bắt chúng cũng kể rất giản đơn. Hầu như chúng đều nói tới hai ý:

Một là, khi bọn chỉ huy thúc giục vào đánh, bị quân giải phóng đánh trả mạnh quá, đành phải bỏ chạy. Hai là, lúc giáp chiến gặp phải xe tăng, thiết giáp chúng rất hoảng hốt, mất hết tinh thần chiến đấu, nên tan rã.

Địch thú nhận: Chạy vào rừng, chúng em (quân ngụy) khi nghe các anh đi qua, liền tự ra để các anh bắt. Toán khác lại nói, chúng em sợ các anh bắn giết, nên ẩn nấp trong rừng theo dõi, đến lúc nghe các anh hô “Tù binh ở đâu, phải ra ngay, chúng ta không giết chết đâu mà sợ”, chúng em lập tức nói to “Tù binh đây”. Thế là các anh bảo, cứ ra ngay sẽ được sống, chúng em mới dám ra.

Khi trở về, tôi trao đổi việc hỏi chuyện tù binh với Bộ tư lệnh sư đoàn, liền sau đó trong cuộc họp Thường vụ Đảng ủy sư đoàn để bàn nhiệm vụ tiếp theo của sư đoàn đã bàn bạc về vấn đề giải quyết tù binh và trở thành chuyện tranh luận khá gay gắt, vì tù binh bắt được ước chừng hai ba nghìn tên. Thông thường áp giải một trung đội tù binh, phải có từ hai đến ba chiến sĩ kèm theo. Lúc này trạm nhận tù binh của mặt trận lại quá xa, xe chiếm được không có người sử dụng, mà giải tù binh đi bộ thì phải rút quân số chiến đấu. Họp bàn cách giải quyết thì đồng chí Lưu Quý Ngừ nói: không có cách nào khác, việc áp giải tù binh cũng quan trọng, nếu thả chúng ra thì chẳng khác chuyện xưa, địch sẽ bắt lính vào đánh ta. Ta sẽ có tội với dân, với nước.

Đồng chí Lã Ngọc Châu - Bí thư Đảng ủy thì cho rằng, một mặt sư đoàn đang cần quân tập trung sức mạnh lên phía trước. Nếu cứ giải tù binh như vậy còn đâu mà làm nhiệm vụ, mặt khác ở thời điểm này, giai đoạn chiến lược này quân ngụy khó có thể bắt lính để đánh lại ta như trước; do đó ta cần giáo dục

thuyết phục tù binh, rồi cho họ trở về với vợ con, xin chỉ thị trên ta chỉ sàng lọc giữ lại số sĩ quan giải về phía sau mà thôi.

Qua nghe tranh luận, tôi thấy nên theo hướng như đồng chí Châu nêu ra, chúng tôi liền phân tích kỹ với nhau, cuối cùng đều thống nhất và báo cáo lên Bộ tư lệnh chiến dịch, được trên đồng ý cho thả tù binh tại chỗ đúng như ý kiến của đồng chí Lã Ngọc Châu.

*

* *

Đến thời điểm này, ba trung đoàn đã tập trung đủ mặt trong đội hình sư đoàn, lại được cấp trên tăng cường cho đại đội xe tăng, Trung đoàn cao xạ Phòng không 234, pháo binh và Trung đoàn (thiếu) công binh 7 để đánh các trận tiếp theo, lòng tôi vừa phấn khởi vừa tin tưởng háo hức, sẽ được có trận đánh tập trung cả sư đoàn.

Nhìn lại Trung đoàn 28 từ trận đánh cứ điểm núi Lửa ở Đức Lập, đến trận tiêu diệt trung đoàn 44 của sư đoàn 23 ngụ ở Chư Cúc. Trung đoàn 24 từ trận đánh thọc sâu vào chỉ huy sở sư đoàn 23 ngụ ở thị xã Buôn Ma Thuột, đến trận tiêu diệt trung đoàn 45 ngụ ở Phước An. Trung đoàn 66 từ trận đánh diệt căn cứ chỉ huy sư đoàn 23 ở Đức Lập đến trận tiêu diệt căn cứ trung đoàn 53 ở cạnh sân bay Hòa bình. Tôi cảm thấy: đến lúc này khó phân biệt được trung đoàn nào đánh giỏi hơn trung đoàn nào. Thành công của việc xây dựng, củng cố và huấn luyện của sư đoàn đã thể hiện rất rõ, đội ngũ cán bộ phân đội (trung đội, tiểu đội) cùng các chủ trì chỉ huy các cấp từ đại đội, tiểu đoàn đến trung đoàn, đều tỏ rõ khả năng khá xuất sắc trong việc chỉ huy đơn vị, vừa dũng cảm chiến đấu vừa biết xử trí linh hoạt các tình huống; những vấn đề về kỹ thuật khắc phục chướng ngại vật, bắn ứng dụng các loại vũ khí, chiếm lĩnh làm công sự chiến đấu đều được bộ đội vận dụng thành thạo.

Cơ quan hậu cần - kỹ thuật của các cấp đã làm tốt trách nhiệm, liên tục bám theo đơn vị, bám theo đội hình để tiếp tế, tải thương, cơ quan tham mưu, chính trị cũng đã hoàn thành nhiệm vụ theo dõi tình hình tác chiến giải quyết kịp thời các yêu cầu đòi hỏi cho chiến đấu. Tất cả đều cho tôi thấy một sự hứa hẹn to lớn, đầy triển vọng đảm bảo cho sự đoàn đánh tập trung giành thắng lợi to lớn.

Qua chiếc đài nhỏ mang theo, tôi được biết tình hình đất nước đang biến động to lớn, các chiến trường miền Nam đang ráo riết tiến công phối hợp với chiến trường Tây Nguyên. Sau này tôi còn được biết chính ngày 18 tháng 3 năm 1975 là ngày Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã hạ quyết tâm kiên quyết giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Qua Bộ tham mưu chiến dịch lại cho chúng tôi biết Trung đoàn 95b sau những ngày ổn định được tình hình thị xã Buôn Ma Thuật đã có lệnh chuyển thuộc Sư đoàn 320a. Sư đoàn 320a đang đánh tiêu diệt lực lượng địch rút chạy khỏi Kon Tum và Plây Cu, theo đường 7b Plây Cu đi Cheo Reo Phú Bổn. Không khí ở Cheo Reo đang ngạt thở, vì xe cộ và người chật ních khi bị tiểu đoàn 9 Sư đoàn 320b chặn đứng tại phía đông Cheo Reo; 11 giờ ngày 18 tháng 3 trận đánh của Sư đoàn 320b vào Cheo Reo, địch phải bỏ hết trang bị nặng để chạy, các đơn vị bạn đang truy kích tiếp.

Cùng ngày 18 tháng 3, Sư đoàn 968 cùng địa phương đang tiến quân vào giải phóng thị xã Kon Tum; Trung đoàn 95a đang từ đường 19 vào giải phóng thị xã Plây Cu; Sư đoàn 3 Quân khu 5 vào giải phóng An Khê; Trung đoàn 271 vào giải phóng Quảng Đức, Kiến Đức, Gia Nghĩa. Tất cả đều mở ra một thời kỳ suy sụp mới của quân ngụy trên toàn miền Nam.

Với chiến thắng Tây Nguyên, từ trận đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột, đánh diệt lực lượng phản đột kích, tiêu diệt quân địch rút chạy, thắng lợi của ta đã vượt hẳn kế hoạch dự kiến ban đầu. Đúng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng sau này đã nói về đại thắng mùa Xuân 1975.

“Thắng lợi Tây Nguyên đã đánh dấu một bước suy sụp của Mỹ - ngụy, một bước ngoặt trong quá trình phát triển của cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam. Với chiến thắng Tây Nguyên, cuộc chiến tranh cách mạng đã bước sang một giai đoạn mới từ tiến công có ý nghĩa chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

Tôi suy nghĩ, nghệ thuật chiến dịch của ta đã thể hiện giành chủ động, đánh bất ngờ không chỉ ngày đầu, trận đầu mà là cả quá trình. Từ chủ động bất ngờ một trận đánh vào Buôn Ma Thuột, đi tới chủ động và bất ngờ cả một chiến dịch, đạt tới giành chủ động và bất ngờ cả về chiến lược, đưa chiến tranh sang một bước mới, một ngày bằng 20 năm và kết quả của 20 năm mà có, hứa hẹn một mùa xuân rực rỡ đầy sức sống mãnh liệt nhất trong lịch sử đất nước.

Trong quá trình chiến đấu có phát triển, từng trận đánh có giành thắng lợi thì chiến dịch mới phát triển được. Qua đó chứng minh rất rõ lực lượng vũ trang Tây Nguyên đã trưởng thành lên một bước mới về tác chiến hiệp đồng binh chủng, đánh thắng cả địch ở trong công sự và ngoài công sự, đánh chuẩn bị trước hay không được chuẩn bị trước đều đánh thắng một cách rất tích cực chủ động và sáng tạo linh hoạt. Đúng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nói:

“Mệnh lệnh của người chỉ huy dù chính xác tới đâu cũng trở thành vô nghĩa, nếu không được những người cầm súng trên chiến trường thực hiện một cách chủ động và sáng tạo”¹. Thắng lợi Tây Nguyên đã khẳng định đúng vậy.

1. Võ Nguyên Giáp Đường tới Điện Biên Phủ, Nxb Quân đội nhân dân, HN. 2001, tr. 421.

Tôi hồi tưởng lại những năm tháng đầy hy sinh và gian khổ của lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Tây Nguyên.

Sau những đòn liên tiếp và dữ dội năm 1968. Lầu năm góc đã phải rút ra kết luận cay đắng, dù có thêm quân và vũ khí vào miền Nam cũng không sao cứu vãn nổi tình thế. Từ chiến lược “tìm diệt”, quân Mỹ đã phải thực hiện chiến lược “quét và giữ” và Việt Nam hóa chiến tranh. Trên khắp 3 tỉnh Tây Nguyên, Mỹ - ngụy mở hàng trăm cuộc hành quân bình định xúc tát nhân dân ở buôn, làng, nương rẫy đưa vào các khu đồn ấp chiến lược. Để tăng cường phòng thủ địch đã thay đổi cách bố trí. Các lớp rào kẽm gai càng dày đặc, lô cốt, chòi canh mọc lên, đèn pha mìn sáng cùng các loại hỏa lực càng nhiều hơn.

Để đối phó với chiến lược chiến tranh mới của địch, lực lượng ba thứ quân của ta lúc đó đã phối hợp nhịp nhàng, vận dụng sáng tạo ra nhiều lối đánh. Đánh nhỏ lẻ thường xuyên kết hợp với đánh vừa và đánh lớn. Kết hợp giữa xung lực và hỏa lực, vừa diệt xe cơ giới và bộ binh địch đi càn quét giải tỏa, vừa đánh sập cầu cống, ống dẫn dầu, vừa băm nát giao thông địch, vừa luôn sâu tập kích vào thị xã, quận lỵ.

Hầu như ở Tây Nguyên chưa bao giờ cuộc chiến đấu rộng khắp cả trên mặt trận giao thông, lại diễn ra liên tục và sôi động như thế.

Cả ba thứ quân đều xông ra mặt đường, phá xe, phá cầu đánh cắt giao thông.

Chủ lực đánh xe trên các trục đường, bộ đội địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích thì đánh diệt các xe lẻ, xe chốt trên các con đường 5, 7, 18 hoặc đánh diệt xe tăng, thiết giáp địch đi càn ngay tại bìa làng, ven rẫy. Đồng bào các dân tộc, không phân biệt già trẻ, trai gái đều ra mặt đường đào hào, chặt cây đắp ụ, dựng chiến lũy ngăn cản xe của giặc.

Phong trào nữ dân quân đánh diệt xe cơ giới địch xuất hiện ở huyện 4 (Gia Lai). Với lá cờ đầu là Rơ - Mái - Sao đánh 14 trận, cùng lúc đạt danh hiệu “Dũng sĩ diệt xe cơ giới Mỹ” và “dũng sĩ diệt Mỹ”.

Dân quân du kích cùng bộ đội địa phương 3 tỉnh đều đã phát huy được ưu thế và sở trường của mình, đánh nhỏ lẻ, đánh khắp nơi, đánh địch trên mọi loại địa hình, thời tiết; gài mìn, bắn tỉa đã buộc quân địch phải phân tán đối phó, tạo thuận lợi cho bộ đội chủ lực tập trung đánh các trận lớn và diệt các đoàn xe lớn của địch.

Trận tập kích căn cứ hậu cần sư đoàn 4 Mỹ ở Cơ Ty Pơ Rông của tiểu đoàn đặc công 408 (Gia Lai) làm tôi nhớ mãi. Chỉ trong vòng 25 phút, đơn vị đã phá hủy được 133 xe quân sự của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 72 tên Mỹ, phá sập 14 nhà và lô cốt của địch. Trong trận đó bà con huyện 4 (Gia Lai) đã bố trí che giấu cho bộ đội trà trộn vào trong dân, giả làm người đi rẫy để vượt qua đường giao thông và các chốt của địch, luồn sâu vào mà đánh. Đồng bào lại đón sẵn trên đường rút quân để khiêng thương binh về căn cứ, không có gạo đồng bào mài ngô non nấu cháo để nuôi dưỡng anh em.

Huyện 5 (Gia Lai) đã đẩy lên phong trào lấy bom bi, đạn lép của pháo binh địch để làm mìn diệt xe địch. Xã đội phó Sừ - Đông đã tạo được gần 100 quả mìn các loại và hướng dẫn dân quân khắp vùng học tập, làm lan phong trào đó khắp Tây Nguyên.

Để giữ được mạch máu giao thông, địch đã phải dùng bom napan, hóa chất độc, đánh phá khắp núi rừng, chúng huy động cả máy cày, máy xúc hủy diệt, cày xới suốt 2 bên trục đường rộng hàng cây số để không cho quân ta ẩn nấp đánh chúng. Đồn bốt, trận địa pháo chốt di động, cụm xe tăng mọc lên, dày đặc cả trên dọc 2 bên đường. Thế mà chúng vẫn bị đánh tơi tả. Các con đường chiến lược 14 và 19 trở thành con đường máu khủng khiếp đối với Mỹ - ngụy.

Nhiều điển hình gương chiến đấu đã xuất hiện như tổ du kích YLai (Kon Tum) diệt cả tốp 4 xe địch trên đường 14. Chiến sĩ Trịnh Đức Trà (Gia Lai) trong vòng 9 tháng diệt 26 xe các loại và 51 tên địch.

Cuộc đấu tranh giành giật giữa ta và địch rất dai dẳng quyết liệt. Địch muốn đánh bật lực lượng ta ra khỏi địa bàn xung yếu, chúng vừa mở hàng trăm cuộc hành quân và tiến hành bình định ráo riết, đi xúc tát dân đưa vào các khu đồn ấp chiến lược. Chúng vừa lừa bịp, vừa cho quân ngụy sục vào các làng, vây chặt 4 phía, rồi cho máy bay lên thẳng đổ xuống, bắt từng người dân chở đi. Chúng vừa đốt nhà, cướp bóc, phá nông cụ, bắt trâu bò, dùng xe thiết giáp càn phá hoa màu, để cho đồng bào không còn chỗ dựa trở về làng cũ.

Nhận rõ vị trí chiến lược quan trọng vùng nông thôn, ta đã phải phát động quần chúng đẩy mạnh chiến tranh du kích, bảo vệ dân giữ đất, làm chủ nông thôn, mở rộng bàn đạp vùng phụ cận và xung quanh thị xã, quận lỵ.

Tiến công nổi dậy bằng 2 chân, 3 mũi. Các đơn vị chủ lực bám địa bàn tại chỗ, quan hệ chặt chẽ với địa phương có trách nhiệm giúp địa phương về mọi mặt (huấn luyện quân sự, xây dựng chính trị, tư tưởng, xây dựng cơ sở, cùng

nhân dân phá ấp, diệt kẹp).

Kết hợp với các đội công tác do các đơn vị phái ra, đồng bào các buôn làng cả 3 tỉnh liên tiếp nổi dậy diệt ác ôn, tề điệp, phá bỏ mọi hình thức kìm kẹp, phá bung khu đồn ấp chiến lược trở về làng cũ. Địch kéo đến bao vây, xúc tát, dân lại bung ra. Nhiều nơi đã tự tay dân châm lửa đốt trụ buôn làng rồi kéo nhau vào rừng làm nhà, phát rẫy sống với du kích. Cuộc sống của đồng bào rất cơ cực nhưng vẫn luôn tin ở cách mạng và ra sức đóng góp công sức của mình để giành cho được độc lập tự do, không có gạo thì đào củ mài để nấu ăn, không có áo quần thì lấy các túi cát của địch bỏ lại làm quần áo, cán bộ, chiến sĩ ta đã phải chia sẻ cùng đồng bào từng hạt muối, lon gạo và tấm áo quần.

Lửa thử vàng, gian nan luyện chí anh hùng, cán bộ, chiến sĩ Tây Nguyên càng đoàn kết, thương yêu đồng bào, càng gắn bó với chiến trường gian khổ và rất đổi tự hào.

Chỉ khẩu súng AK trên vai, đôi dép lốp dưới chân, tấm vải nhựa và con dao bên mình, cùng ít lon gạo mang theo, người chiến sĩ Tây Nguyên đã có thể lên đường công tác và chiến đấu. Hết gạo thì tìm củ chuối, rau rừng, củ rừng để ăn, cuộc sống vẫn thấy ung dung, giữa trận địa vẫn làm thơ, viết bích báo, sáng tác văn thơ, tâm hồn vẫn hướng về một ngày mai tươi sáng. Nguyễn vọng vì ấm no, hạnh phúc cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên là mục tiêu chiến đấu của mỗi cán bộ, chiến sĩ Tây Nguyên, tin tưởng Tây Nguyên sẽ cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đất nước nhất định sẽ lên chủ nghĩa xã hội.

Những ngày Tây Nguyên bước vào mùa mưa, mưa tầm tã, bầu trời dày đặc mây mù, một không khí đau buồn, trầm lắng trùm lên khắp núi rừng vì một tin đau đớn: Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời!

Quả tim Cha già dân tộc đã ngừng đập! Mọi cán bộ, chiến sĩ cùng nhân dân Tây Nguyên không nén nổi tiếng khóc, nước mắt đầy tràn; vây quanh ảnh Bác, nghẹn ngào lắng nghe di chúc thiêng liêng của Bác trong lễ truy điệu trọng thể đối với Người, rất đỗi ân hận vì tự thấy mình chưa làm trọn nhiệm vụ quét sạch quân thù để đón Bác vào thăm Tây Nguyên. Biến đau thương thành sức mạnh tiến công tiêu diệt địch để đền ơn Bác, chiến sĩ Tây Nguyên cùng đồng bào vượt qua mọi thử thách gian nan, tiến công dồn dập địch trên các chiến trường. Sáng ngày 29 tháng 10 ta bắt đầu nổ súng đánh chiếm căn cứ Ka Te trên cao điểm 936 (Phước An) mở màn cho đợt tiến công trên toàn tuyến phòng thủ của địch suốt từ Bu Pơ Răng đến Đức Lập. Bằng chiến thuật vây lấn (theo kinh nghiệm của chiến dịch Điện Biên Phủ năm xưa đánh Pháp). Sau 4 ngày tiến công ta đã tiêu diệt và làm tan rã căn cứ bộ - pháo của địch ở Ka Te chiếm hoàn toàn trận địa địch, sau đó đánh bại trung đoàn 53 và trung đoàn 47 đi giải tỏa.

Riêng trận đánh Ka Te trong công sự vững chắc ta đã tiêu diệt 200 tên (trong đó có 70 tên Mỹ) bắn rơi 14 máy bay thu 4 pháo 105 ly và 2 pháo 155 ly cùng hàng chục tấn đạn. Hòa nhịp với tiếng súng Bu Pơ Răng, Đức Lập, ta đã tiến công địch ở thị xã Kon Tum, Plây Cu, Buôn Ma Thuột, quận lỵ Đắc Tô, Đắc Pét, Buôn Hồ, Quảng Nhiên và hàng trăm căn cứ đồn bốt, nơi đóng quân dã ngoại của địch trên khắp 3 tỉnh. Có nhiều trận đạt hiệu suất chiến đấu cao như trận tập kích khu kho 40, 41 trong thị xã Kon Tum, trận tập kích bộ pháo của địch ở ngã 3 Mỹ Thạch (Gia Lai) trận tiến công sân bay và khu sĩ quan Mỹ ở Tân Tạo. Ngày 6 tháng 12 ta bắn rơi chiếc máy bay lên thẳng ở Tây Nam đồn Tu Mơ Rông (Gia Lai) giết chết tên đại tá Nguyễn Bá Liên - tư lệnh biệt khu 24 cùng 1 đại tá cố vấn Mỹ và nhiều sĩ quan tùy tùng của chúng. Đồng bào ba tỉnh lại tiếp tục nổi dậy đánh phá âm mưu bình định của địch, giành quyền làm chủ. Đêm 14 và 15 tháng 11 đồng bào Đắc Lắc sôi nổi nhất tề xuống đường truy lùng tề điệp, diệt ác ôn, tước vũ khí và giải tán các đội phòng vệ dân sự của địch. Trên đường 14 đã giải phóng được 13 buôn, với khoảng 3.000 dân, các huyện ở Gia Lai đã đưa được 4.000 dân ở 18 làng lên làm chủ, phá được khu đồn của địch.

Chiến thắng Bu Pơ Răng - Đức Lập kết thúc một năm phấn đấu đầy gian khổ và thử thách.

Như vậy là chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ được bắt đầu tiến hành đầu năm 1969, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Tây Nguyên không những đã đánh bại quân ngụy ra quân thí điểm ở Chư Pa tháng 1 năm 1969 mà còn đánh bại sư đoàn 4 Mỹ tung quân ra ứng cứu, ta tiêu diệt gọn một tiểu đoàn Mỹ, đánh thiệt hại liên đoàn biệt động quân số 2 và trung đoàn 42 làm cho Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ thất bại ngay từ trong trứng, kết thúc trận cuối cùng quân Mỹ ra quân ở Tây Nguyên là chiến thắng ở khu vực KLeng (Kon Tum) của ta tháng 2 năm 1969. Ta đã tiêu diệt và đánh thiệt hại 22 đại đội Mỹ - ngụy, loại khỏi vòng chiến đấu 2.500 tên Mỹ, bắn rơi và phá hủy 80 máy bay, 50 xe quân sự và 30 pháo cối hạng nặng, thiêu hủy 12 kho xăng, đánh quy lữ 4 của Mỹ.

Cả Tây Nguyên rừng rực khí thế ra quân và đã thực hiện trọn vẹn khẩu hiệu “Đánh cho sư 4 Mỹ đảo điên, đánh cho quân ngụy ở Tây Nguyên tơi bời”.

Tiếp theo ta mở chiến dịch Đắc Tô 2 tháng 5 năm 1969 ở Kon Tum với lực lượng ba thứ quân phối hợp trên toàn chiến trường, buộc Mỹ, ngụy phải tung quân ra đối phó bằng cuộc hành quân “Dân quyền”. Mỹ đã chi viện cho quân ngụy 631 lần chiếc máy bay B52, 1.935 lần chiếc máy bay chiến thuật, hơn 20.000 tấn bom và 16.000 đạn đại bác. Với công thức “bộ binh ngụy, hỏa lực Mỹ, hầu như toàn bộ quân chủ lực ngụy ở Tây Nguyên đã huy động vào chiến dịch này. Sau gần một tháng thì chiến dịch Đắc Tô 2 kết thúc. Ta đập tan cuộc hành quân “Dân quyền” của địch, diệt gọn và đánh quy 9 trong 12 tiểu đoàn tham chiến của địch, loại khỏi vòng chiến 4.135 tên, phá hủy 88 xe quân sự, bắn rơi và phá hủy 103 máy bay, bắt sống hàng trăm tù binh, thu nhiều vũ khí.

Sau các đợt hoạt động chiến đấu liên tiếp ở Chư Pa, KLeng và tây bắc Kon Tum, giành thắng lợi to lớn, chiến trường Tây Nguyên cũng gặp những khó khăn rất lớn vì mùa mưa, nguồn dự trữ lương thực rất mỏng, hầu như số gạo còn lại cả chiến trường chỉ đủ nuôi sống bộ đội trong khoảng một tuần, buộc ta phải đưa một bộ phận lực lượng không trực tiếp chiến đấu về hậu phương lớn, khối chủ lực cơ động phải hành quân về phía Nam, nhờ vào gạo của chiến trường B2 để đánh địch.

Đó là thời điểm bộ đội phải ăn sắn, thay cơm vì gạo không đủ để phát cho mỗi người hai lạng một ngày. Đồng bào các dân tộc cũng phải ăn sắn, ăn bo bo, củ rừng để dành gạo nuôi thương binh. Bộ tư lệnh Mặt trận nhờ B2 chi viện gạo nhưng phải vận chuyển trên một tuyến dài 70km trong những cơn mưa xối xả đã đành, địch lại dùng B52 ngày đêm ném bom rải thảm chặn đường, không ít cán bộ và chiến sĩ bị thương vong. Ở thời điểm đó, chiến dịch Bu Pơ Răng, Đức Lập đã nổ ra vào cuối tháng 10 đầu tháng 11 năm 1969 trong đó có trận đánh tiêu diệt căn cứ hỗn hợp biệt kích Mỹ, ngụ ở Ka Te như trên đã kể.

Có thể nói năm 1969 là năm đạt kỷ lục cao nhất về tốc độ mở các chiến dịch, quân và dân Tây Nguyên đã diệt Mỹ, đánh ngụy suốt 4 mùa xuân, hạ, thu, đông.

Có thể nói năm 1969 cũng là năm Tây Nguyên đánh mạnh, đánh đau, đánh liên tục vào các cơ quan đầu não ngụy quân, ngụy quyền, kho tàng, sân bay và các đường giao thông chiến lược của địch, gây cho địch tổn thất nặng nề.

Đó cũng là năm để lại trong lòng mỗi cán bộ, chiến sĩ Tây Nguyên những ấn tượng không bao giờ quên được. Những tấm gương hy sinh quên mình của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Tây Nguyên vì thắng lợi chung, với sức mạnh tiềm tàng của ý chí và nghị lực cách mạng, bộ đội cùng gắn bó với dân, cùng

chia sẻ thử thách hiểm nghèo với cán bộ các cấp lãnh đạo ở địa phương, sát cánh cùng nhau để khắc phục khó khăn tưởng chừng như không thể vượt nổi.

Hồi tưởng lại những ấn tượng ấy. Giờ đây chiến dịch giải phóng Tây Nguyên đã toàn thắng, rõ ràng không tách rời được quá trình phát triển thế và lực của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, mà chính thắng lợi ấy là đỉnh cao của sự phát triển thế và lực đó đã tạo nên. Nó đã trở thành bước ngoặt lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chương ba TIẾN VỀ ĐỒNG BẰNG, GIẢI PHÓNG NHA TRANG VÀ QUÂN CẢNG CAM RANH

* TIẾN VÀO QUẬN LÝ KHÁNH DƯƠNG

Những ngày cuối tháng 3 năm 1975, chiến trường miền Trung Trung Bộ sôi động hẳn lên. Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ chỉ huy chiến dịch, đại quân ta từ trên cao nguyên chiến lược vừa được giải phóng, như những dòng thác lớn ào ạt đánh xuống phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương giải phóng các tỉnh đồng bằng ven biển.

Phần lớn lực lượng chủ lực của quân đoàn 2 ngụy và hầu hết các lực lượng địa phương quân khu 2 đã bị tiêu diệt và bị tan rã, kéo theo nhiều thất bại liên tiếp ngày càng lớn hơn đối với chúng.

Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu cho đến ngày rời khỏi dinh Độc Lập chỉ còn một lối ra lệnh duy nhất là “tử thủ và tử thủ”, tử thủ phần đất còn

lại trước ngày 20 tháng 3. Tử thủ phần đất còn lại ngày 25 tháng 3, v.v... Sau thất bại ở chiến trường Tây Nguyên năm 1975 hầu như quân ngụy không còn hành động nào giành được thế đánh chủ động để đối phó với các cuộc tấn công liên tiếp của lực lượng vũ trang ta.

Đối với ta, quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ngày 18 tháng 3 năm 1975 là: “Kiên quyết giải phóng miền Nam trong năm 1975” cũng có nghĩa là nắm chớp thời cơ giành thắng lợi liên tiếp trong năm 1975 đạt tới thắng lợi cuối cùng. Đây là sự thay đổi rất quan trọng. Quyết tâm đó cũng thể hiện rõ bước ngoặt có ý nghĩa to lớn trong chiến tranh đối với dân tộc ta. Tài thao lược của Đảng ta thể hiện từ quyết tâm ấy trở thành nghệ thuật ứng biến trong chiến tranh nghệ thuật nắm thời cơ đột biến chiến lược trong chiến tranh.

Trên hướng mặt trận Trị Thiên – Huế và Đà Nẵng trước đó đang là hướng đánh phối hợp chiến trường với Tây Nguyên, giờ đây đã chuyển sang đòn chiến lược tiến công chủ yếu bằng sức mạnh binh chủng hợp thành với lực lượng Quân đoàn 2, Quân khu Trị - Thiên, Quân khu 5.

Liên tục phát huy thắng lợi đã giành được, chiến dịch Tây Nguyên chưa kết thúc mà chia quân ba hướng theo trục đường 19, 21 và số 7 tiến xuống phía nam Quân khu 5, giải phóng các tỉnh miền Trung. Chiều ngày 18 tháng 3, chúng tôi nhận được lệnh số 75 của Bộ tư lệnh chiến dịch cho biết có tin lữ đoàn dù số 3 sẽ được điều từ Quảng Đức về hướng này, giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 10 nhanh chóng chiếm quận lỵ Khánh Dương, chớp thời cơ chiếm đèo Mad'Rak, Phụng Hoàng, giải phóng tỉnh Khánh Hòa. Trên cũng tăng cường cho Sư đoàn 10 Trung đoàn 234 cao xạ, thêm 2 đại đội pháo binh D74, đại đội 8 xe tăng thiết giáp, Trung đoàn 7 (thiếu) công binh, khi tiến vào Khánh Dương chỉ huy luôn cả Trung đoàn 25 độc lập.

Trong tay sư đoàn lúc này có điều kiện tập trung cả 3 trung đoàn bộ binh (24, 28, 66) và Trung đoàn pháo binh 4.

Lịch sử đã giao cho sư đoàn tiến ra biển cả. Không khí đơn vị lúc này như trỗi dậy, mọi người đều nhận thức được bước ngoặt lịch sử của đất nước, trước những thắng lợi to lớn trên chiến trường mà ít nhiều mình đã có công đóng góp. Từ đơn vị chiến đấu đến các cán bộ, chiến sĩ chuyên môn, hậu cần - kỹ thuật, ai cũng ra sức chăm lo làm nhiệm vụ của mình một cách tốt nhất. Các đơn vị đến phối thuộc cũng tự hào được phối hợp với Sư đoàn 10 mà trước đây họ từng gắn bó. Hầu như trong đơn vị không có một vụ nào vi phạm kỷ luật chiến trường và kỷ luật chiến lợi phẩm. Nguồn thu chiến lợi phẩm của địch đều được nộp lên trên, khi cấp trên cho phép, mới được sử dụng. Cán bộ đại đội, trung đội nhắc nhở chiến sĩ và làm gương tốt cho chiến sĩ noi theo. Bộ tư lệnh sư đoàn cùng chung một nguồn vui, vì sở dĩ sư đoàn có được tình hình như hôm nay là vì xây dựng được đội ngũ cán bộ chủ trì tiêu biểu, họ không những dũng cảm trong chiến đấu, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ huy, mà họ còn làm gương cho cấp dưới noi theo. Sức mạnh của sư đoàn là ở đó, bài học kinh nghiệm cũng là ở đó.

Tôi ngẫm nghĩ, quên sao được cán bộ và chiến sĩ đại đội vệ binh của sư đoàn và các công vụ phục vụ cơ quan, hàng ngày bận rộn chức trách chuyên môn, lại còn tích cực học tập theo kế hoạch huấn luyện. Thêm vào đó quá trình đi chiến đấu, hầu như chỉ huy sở Sư đoàn phải mỗi ngày di chuyển một lần, khi chỉ huy sở di chuyển tới đâu, thì sau 1 - 2 giờ cơ quan đều có đủ công sự ẩn nấp để bảo đảm liên tục chỉ huy và sẵn sàng chiến đấu.

Điện thoại hữu tuyến, điện đài vô tuyến của tiền phương Bộ tư lệnh chiến dịch, cùng vô tuyến điện của Bộ Tổng tư lệnh đang giữ mối chặt chẽ với sư đoàn, làm cho tôi càng hiểu rõ cấp trên đang sát sao theo dõi hoạt động tác chiến của sư đoàn.

Những tin tức miền Bắc xã hội chủ nghĩa và những thắng lợi dồn dập trên các chiến trường càng thôi thúc chúng tôi cố gắng với mức cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*

* *

Từ Chư Cúc đến Khánh Dương khá xa, tình hình địch chưa rõ; vì thế ngay chiều 18 tháng 3 năm 1975, sau khi gặp ban chỉ huy Trung đoàn 66, chúng tôi đã giao nhiệm vụ lập chi đội phái đi trước để tiến vào Khánh Dương, có nhiệm vụ tiếp cận quận lỵ Khánh Dương nắm địch, khảo sát địa hình, bắt liên lạc với Trung đoàn 25 của mặt trận đang ở khu vực phía đông bắc quận lỵ. Chi đội phái đi trước của Trung đoàn 66 được tổ chức gồm tiểu đoàn 8 Trung đoàn 66, tiểu đoàn cao xạ 37 ly của Trung đoàn 234, một đại đội pháo binh 105 ly của sư đoàn, đại đội xe tăng thiết giáp 8 chiếc của Trung đoàn 273 do đồng chí Võ Ngọc Phụng - Tham mưu trưởng sư đoàn, cùng đồng chí Nguyễn Đình Kiệp - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 66 trực tiếp chỉ huy.

Huyện Khánh Dương nằm phía đông dãy núi Trường Sơn, gắn liền với đèo Phượng Hoàng - Mad'Rak, trên bình độ 500m so mặt nước biển. Phía Tây là một triền núi thấp độ cao 600 - 700m, gắn liền với dãy núi Chư Tô cao 820m chạy dài 941m. Quận lỵ Khánh Dương nằm giữa khu vực đất tương đối bằng phẳng, nhiều đồi cao lúp xúp, nhiều lau lách xen lẫn các vườn cây và nương rẫy của đồng bào dân tộc, phạm vi chừng 10 đến 12km². Phía bắc quận là đường 21 chạy lên thẳng đỉnh đèo Mad'Rak. Bắc đường 21 là một cánh đồng trống trải khoảng chừng 8km², rồi đến dãy núi Trường Sơn nằm choãi chân ra cánh đồng, có rừng cây rậm rạp, đây là nơi Trung đoàn 25 đang tập kết để sẵn sàng làm nhiệm vụ chiến đấu.

Sau lệnh hành quân, nối tiếp Trung đoàn 66 là đội hình sư đoàn tiến lên phía trước. Ngày 20 tháng 3, Trung đoàn 66 vừa đến tập kết với Trung đoàn 25. Qua trinh sát thực địa sơ bộ nắm được tình hình, chỉ huy 2 trung đoàn (đồng chí Lộ Khắc Tâm - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 25 và đồng chí Nguyễn Đình Kiệp - Trung đoàn 66) cùng với đồng chí Võ Ngọc Phụng định kế hoạch sáng 21 tháng 3 đánh chiếm quận lỵ Khánh Dương. Song tối 20 tháng 3, chỉ huy sở sư đoàn mới vừa hành quân tới. Chúng tôi nắm lại tình hình qua

trình sát báo cáo, được biết ở quận lỵ có trung đoàn 40 sư đoàn 22 ngụy, liên đoàn bảo an 922 có 3 tiểu đoàn, có xe tăng và pháo binh, kết hợp lực lượng địa phương tại chỗ bố trí khá chặt chẽ, xe tăng địch trong hầm ngầm nửa chìm nửa nổi, trong một thế liên hoàn khá vững chắc. Nếu ta không tập trung đủ lực lượng binh chủng hợp thành đánh thì khó tiêu diệt gọn, vả lại lúc này bộ đội ta trong hành quân đang lạc lung tung, xe tăng, pháo binh chưa vào khu vực tập kết một cách ổn định, nên tôi quyết định hoãn đến sáng 22 tháng 3 mới đánh, để kịp điều Trung đoàn 28 cùng xe tăng, pháo binh lên đánh phối hợp.

Sáng 21 tháng 3, một chuyện bất ngờ ngoài dự đoán đã xảy ra; trung đoàn 40 của địch cho 2 tiểu đoàn từ quận lỵ đánh lên phía Bắc gần nơi Trung đoàn 25 của ta đang tập kết, phi cơ và pháo binh địch oanh tạc và bắn liên tục, cao xạ ta vừa hành quân vừa đánh trả máy bay địch. Một bộ phận Trung đoàn 25 ra đối phó với địch, giằng co suốt ngày 21 tháng 3, hai tiểu đoàn địch phải co cụm lại.

Tình huống lúc này đang có lợi. Nhiều người nêu ý kiến, nên ra lệnh diệt ngay 2 tiểu đoàn địch rồi phát triển chiếm luôn quận lỵ; nhưng Bộ tư lệnh sư đoàn dứt khoát theo kế hoạch sáng 22 tháng 3 mới đánh, đánh phải tiêu diệt gọn.

Ngày 22 tháng 3, theo đúng kế hoạch, sau khi hoàn chỉnh bố trí chiếm lĩnh, trận đánh chiếm quận lỵ Khánh Dương bắt đầu. Hỏa lực pháo binh của sư đoàn kết hợp các hỏa lực của các trung đoàn đánh mãnh liệt vào quận lỵ và vào 2 tiểu đoàn - trung đoàn 40 ở dã ngoại.

Trung đoàn 28 của ta kết hợp cùng xe tăng, thiết giáp đánh theo trục đường 21, tiểu đoàn 2 trung đoàn 40 của địch dựa vào công sự chống trả quyết liệt và phá mất chiếc cầu phía trước để chặn ta. Ta điều công binh lên làm đường

vòng tránh dưới sự yểm hộ của hỏa lực. Mở được đường, xe tăng, thiết giáp cùng tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 xông lên, đánh bật được tiểu đoàn 2 trung đoàn 40 ngụy, chúng phải rút chạy về tuyến sau.

Hai tiểu đoàn địch đang ở dã ngoại bị đánh bất ngờ, thương vong một số, khi lực lượng Trung đoàn 66 của ta áp sát thì lập tức chúng đều bỏ chạy. Thế là cuộc “thi chạy việt dã” trên cánh đồng bắc quận lỵ Khánh Dương đã xảy ra. Khi 2 tiểu đoàn địch rút chạy qua cánh đồng để về quận lỵ, đồng thời 2 tiểu đoàn 7 và 9 của Trung đoàn 66 cũng đuổi rượt theo, đan xen hỗn loạn. Trận đánh phát triển thuận lợi, nhưng cũng khá ác liệt. Khi đuổi rượt 2 tiểu đoàn địch, cán bộ và chiến sĩ ta rách hết quần áo, bám đuổi đan xen với địch, lẫn lộn 2 bên; cuối cùng phải vật lộn nhau. Chiến sĩ Hồ Trọng Quang một mình đã quật ngã 5 tên địch, sau đó được đồng đội đến kịp, cứu sống lúc đồng chí Quang đã bị trọng thương.

Bọn địch sống sót chạy về trận địa cố thủ, có liên đoàn bảo an bố trí sẵn các chốt hỗ trợ, kết hợp bãi mìn và một số xe tăng, thiết giáp địch trong công sự đánh trả vào quân ta, máy bay địch đến ném bom gây thương vong cho cả ta và địch.

Cuối cùng, xe tăng ta từ trên hai hướng kết hợp được cùng bộ binh xông vào áp đảo địch. Bộ đội ta dùng B40, B41 diệt được 4 hỏa điểm xe tăng địch trong công sự. Thế là tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 kết hợp với tiểu đoàn 7 và tiểu đoàn 9 Trung đoàn 66 đồng loạt tiến vào chiếm quận lỵ. Toàn bộ quân của địch số bị diệt, bị bắt; bọn sống sót chạy vào làng bản -xung quanh và rừng sâu về hướng đèo Mad'Rak - Phụng Hoàng. Ta phải truy lùng suốt ngày mới ổn định được khu vực quận Khánh Dương.

Kết quả, trung đoàn 40 và liên đoàn bảo an của địch cùng bọn cảnh sát, dân vệ quận Khánh Dương hoàn toàn bị tan rã. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.500

tên địch, bắn rơi 5 máy bay AD6 và trực thăng võ trang, thu 6 pháo 105 ly, 4 xe GMC và nhiều quân trang, quân dụng. Thương vong của ta trong trận này cũng đáng kể: Hy sinh 79 đồng chí, 108 đồng chí bị thương, mất tích 16 đồng chí.

Qua trận đánh chiếm quận lỵ Khánh Dương, một lần nữa, ta rút được kinh nghiệm tác chiến hiệp đồng binh chủng tiến công trong hành tiến, hiệu quả của sự kết hợp xe tăng với bộ binh, kết hợp hỏa lực pháo binh cao xạ với hỏa lực trực tiếp của bộ binh.

* ĐÁNH CHIẾM TIÊU DIỆT LỮ ĐOÀN 3 DÙ TRÊN ĐÈO MAD'RAK - PHƯỢNG HOÀNG

Sư đoàn dù, lực lượng tổng dự bị chiến lược, đơn vị sừng sỏ nhất của quân ngụy đang ở quân khu 1, được Thiệu điều gấp về bảo vệ Sài Gòn. Nhưng trước nguy cơ Nha Trang - Cam Ranh, hai vị trí chiến lược quan trọng bị uy hiếp. Thiệu phải ra lệnh cho Phạm Văn Phú - tư lệnh quân đoàn 2 ngụy phải cố giữ bằng được đèo Phượng Hoàng - Mad'Rak trên đường 21.

Qua tin tình báo phát hiện chính xác về lữ đoàn 3 quân dù tổng dự bị chiến lược của quân ngụy, nên đêm 22 tháng 3 năm 1975 cơ quan tham mưu chiến dịch thông báo chính thức lữ đoàn dù 3 ngụy từ Quảng Đức (quân khu 1) đã được điều động đến chiếm khu vực đèo Phượng Hoàng - Mad'Rak, lập tuyến bảo vệ chặn ta phát triển xuống Nha Trang - Cam Ranh. Được tin đó, theo tôi hiểu thì quân dù cũng chỉ đến sớm hơn ta từ 2 đến 4 tiếng, quả thật vấn đề tranh chấp thời gian trong chiến đấu là vô cùng quan trọng.

Đèo Mad'Rak - Phượng Hoàng dài gần 20km là một đỉnh dãy núi Trường

Sơn nằm choãi ra gần mặt biển Khánh Hòa, vòng vèo trên độ cao miền núi 700m - 900m so với mặt biển, Đông - Đông Bắc có núi Chư Rinh cao 1.021m, Chư Ngo cao 827m, Chư Giốc 945m, Chư Gưng 847m so với mặt biển, xa hơn có núi Chư H'Mu cao 2.051m so với mặt biển. Tây và Đông Nam có núi Chư Tô 842m, Chư Psi 941m. Địa hình ở đây rất hiểm trở, chỉ có duy nhất đường 21 chạy qua. Suốt dọc trục đường đèo rất vòng vèo, có nhiều suối dốc thẳng đứng, có khoảng 20 cầu xi măng vượt qua các suối và eo núi nếu bị phá sẽ rất khó khắc phục. Các mỏm đồi xen lẫn tranh, bãi gai góc ở hai bên, độ rộng chừng 1km, còn lại là rừng rậm. Ở đây, trước kia địch đã chiếm đóng, có công sự sẵn loại dã chiến, xen lẫn một số lô cốt xi măng khá vững chắc. Thực tế là một loại hình trận địa phòng ngự cơ động, được thiết kế sẵn thời chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ và ngụy, để phòng thủ cho thành phố Nha Trang và quân cảng Cam Ranh. Vì vậy khi quân lữ đoàn 3 dù đến là có thể triển khai chiến đấu được ngay, dựa vào hệ thống công sự sẵn để làm tuyến phòng ngự bảo vệ đèo.

Thật không hên mà nên, trong quá trình huấn luyện, sư đoàn cũng đã tính đến chuyện phải đánh với quân dù.

Trước đây, nhiều đơn vị chủ lực của quân đội ta cũng đã gặp quân dù, đều dẫn đến tâm lý đánh với quân dù tổng dự bị chiến lược của ngụy, đều khó đánh hơn các đơn vị quân ngụy khác. Khi bố trí chiến đấu thủ đoạn quân dù rất xảo quyệt, sau khi hoàn chỉnh xong thế trận, chúng thường đưa từng đại đội bộ binh ra xa, dùng thủ đoạn “đèn cù” lũng sục, phát hiện ta ở đâu, lập tức gọi phi cơ và pháo binh đánh, phá; ta tiếp cận được nó đã khó, vây đánh nó càng khó hơn. Quân dù là loại quân con cưng của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, biên đội “tứ tứ chế” nên quân rất đông. Thường khi chiến đấu được phi pháo chi viện tối đa, luôn luôn kết hợp với xe tăng, thiết giáp, thương vong trong chiến đấu bao nhiêu, được bổ sung ngay bấy nhiêu. Trước đây ở chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (1971), trận đánh ở cao điểm 543 tây bắc Bản Đông, ta đã tiêu diệt được một tiểu đoàn dù và lữ bộ lữ đoàn 3 dù, bắt tên đại tá Thọ - lữ trưởng đến trận ngày 14 tháng 4 năm 1972 khi tôi làm Sư đoàn phó Sư đoàn 320a, Trung đoàn 64 kết hợp tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 đã tiêu diệt được tiểu đoàn 11 lữ dù 3 trên cao điểm 1015 tây bắc thị xã Kon Tum

trong chiến dịch Bắc Tây Nguyên. Qua những trận đánh đó, bộ đội ta đã rất vất vả mới thành công.

Giờ đây địch có cả một lữ đoàn 3 dù có tới 3.800 tên, kết hợp cả xe tăng, thiết giáp, pháo binh đủ loại (155 và 105 ly), bố trí sẵn trên ngọn đèo, địa hình hiểm trở phức tạp. Hơn nữa, sau khi chiếm đèo Phượng Hoàng - Mad'Rak, lữ dù 3 bắt tay ngay vào củng cố các chốt bảo an có sẵn và đào thêm công sự. Chúng bố trí trận địa pháo ở các eo núi để ta khó phát hiện. Nên việc đánh tiêu diệt gọn nó không dễ dàng. Song lúc đó, chúng tôi coi đây là một trận để Sư đoàn 10 có cơ hội đánh tập trung sư đoàn, xứng đáng với lòng tin cậy của cấp trên và xứng đáng với quyết tâm chiến đấu mà cán bộ, chiến sĩ sư đoàn đã công phu xây dựng.

Trước cơ hội được dịp đánh tập trung cả sư đoàn, lòng tôi đầy háo hức. Trao đổi với các đồng chí trong Bộ tư lệnh sư đoàn và các đồng chí ở cơ quan, thì ai cũng tâm tư như vậy. Còn các đồng chí trung đoàn trưởng bộ binh cũng như pháo binh đều mong muốn được triển khai đơn vị đánh ngay. Vì các nơi người ta đều đánh to thắng lớn cả rồi. Trong đơn vị không một ai chùn bước. Đây chính là sức mạnh sư đoàn trước khi vào trận đánh diệt quân thù.

Song thực tiễn trong chiến tranh, đã chỉ cho tôi biết: Đối tượng địch khác nhau phải có cách đánh khác nhau, mục tiêu bố trí cụ thể của địch khác nhau phải biết vận dụng phương pháp và thủ đoạn tác chiến khác nhau, không làm như thế sẽ không thắng được địch. Lúc đó tôi suy nghĩ nhiều đến cách đánh. Qua thực tế xem xét, nếu theo cách đánh tiêu diệt sư đoàn 23 và liên đoàn biệt động 21 vừa qua, chắc chắn sẽ không tiêu diệt được địch mà tổn thất sẽ rất lớn, làm ảnh hưởng không ít đến nhiệm vụ tiếp theo của sư đoàn. Cái khó nhất là đèo cao và hiểm trở, đường 21 độc đạo, nhiều cầu vượt qua suối sâu, địch lại bố trí khống chế toàn bộ khu vực đèo.

Vậy chọn cách đánh nào phù hợp nhằm đạt được mục đích... để diệt gọn, thắng nhanh mà sư đoàn thương vong tổn thất ít nhất là điều day dứt đối với tôi.

Ngày 23 tháng 3 năm 1975, họp Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn, tôi đem phương án quyết tâm ra trình bày, tất cả đều thống nhất, phải chuẩn bị chu đáo mới đánh, đánh thật chắc thắng, phải vây hãm kết hợp đột phá, vừa đánh hiệp đồng binh chủng, có xe tăng theo trục đường, vừa kết hợp bộ binh luồn sâu ém sẵn, vây hãm chặt quân địch trên từng khu vực, đánh dứt điểm từ mục tiêu này sang mục tiêu khác, tạo bất ngờ, đánh liên tục làm cho địch không kịp đối phó mà thất bại. Phải coi việc tiêu diệt lữ đoàn 3 dù lần này là cơ hội để xây dựng sư đoàn trưởng thành lên một bước mới.

Họp bàn xong, tôi vừa điều chỉnh bố trí lực lượng, vừa chỉ đạo tranh thủ công tác chuẩn bị các mặt bảo đảm, vừa tính toán thời gian, đặc biệt phải làm ngay việc bảo đảm đưa lực lượng luồn sâu bí mật vào phía sau địch, nhằm trói địch lại mà đánh bất ngờ, tìm mọi cách khi ta tiêu diệt lực lượng các tiểu đoàn địch, thì địch không kịp ra phá cầu, cắt mất đường cơ động binh khí kỹ thuật (pháo, tăng) của ta.

Giữa lúc sư đoàn đang triển khai chuẩn bị thì ngày 24 tháng 3 năm 1975, Sư đoàn nhận được mệnh lệnh của Bộ tư lệnh chiến dịch:

Sư đoàn 10 được tăng cường 2 đại đội xe tăng, Trung đoàn 7 (thiếu) công binh, một đại đội pháo binh D74 (3 khẩu), Trung đoàn cao xạ 234, 8 dàn A72, Trung đoàn bộ binh 25, có nhiệm vụ: bước 1 từ 7 - 10 ngày lần lượt tiêu diệt từng tiểu đoàn tiến tới tiêu diệt hoàn toàn lữ đoàn 3 dù từ đèo Mad'Rak đến Phụng Hoàng và tiêu diệt các lực lượng phản kích từ xa đến (nếu có); bước 2 mở thông đèo Phụng Hoàng, nhanh chóng tập trung lực lượng đánh chiếm Nha Trang. Sau khi chiếm Nha Trang phát triển xuống Cam Ranh

hoặc ứng chiến tiến công xuống Cam Ranh trước, đồng thời có bộ phận vây Nha Trang, đánh chiếm sau. Thời gian bắt đầu nổ súng đánh lữ đoàn 3 dù vào ngày 27 tháng 3 năm 1975 đến ngày 2 tháng 4 diệt xong. Thời gian nổ súng đánh vào Nha Trang đầu tháng 4 năm 1975. Nhiệm vụ cụ thể, thời gian, cách đánh của ta và giải quyết khó khăn, anh Vũ (Vũ Lăng) sẽ đến và giải quyết với sư đoàn ngày 26 tháng 3.

Người ký điện là anh Hoàng Minh Thảo.

Qua bức điện cho tôi thấy không những cấp trên đã giao nhiệm vụ một cách dứt khoát rõ ràng, mà còn hướng dẫn cách đánh cụ thể cho sư đoàn. Tôi vui mừng, vì việc nghiên cứu chuẩn bị trước của sư đoàn rất ăn khớp với mệnh lệnh cấp trên giao xuống. Suốt ngày 24, 25 và 26 tháng 4, chúng tôi đi sâu vào tính toán, giải quyết yếu tố cần thiết để khắc phục khó khăn cho trận đánh.

Vì địa hình chỉ có khu vực quận lỵ Khánh Dương bằng phẳng nhưng quá xa, sư đoàn phải tập trung lực lượng làm con đường kéo pháo dài 8km vào sát núi Chư Tô, mất rất nhiều công sức. Triển khai bộ đội bí mật xây dựng đường trục, đường nhánh để đưa quân vào bảo đảm làm sao trước khi trời sáng bộ đội ta đã vào vây hãm được địch tại chỗ, kịp có công sự trận địa chu đáo, có thể tránh được quân dù dùng thủ đoạn đèn cù sát thương ta bằng phi pháo.

Một vấn đề quan trọng nữa là tạo ra một kế hoạch hỏa lực hoàn chỉnh để đánh phá trận địa hỏa lực pháo binh địch, triệt phá cho được cái mạnh của chúng, bảo đảm cho bộ đội ta khi trực tiếp tiến công giảm bớt được thương vong. Kế hoạch hỏa lực đó phải kết hợp được với các trung đoàn bộ binh dùng súng cối, ĐKZ, súng 12 ly 7, đại liên tạo thành lưới lửa đánh phá liên tục vào pháo binh địch.

Chúng tôi cũng tính toán tới việc nếu địch phá mất một chiếc cầu nào là khó khăn cho binh khí kỹ thuật của ta ở nơi ấy, nên trong phạm vi từng trung đoàn bộ binh phải tạo cho được thế vây hãm từng tiểu đoàn địch, đồng thời phải phái ra từng tiểu đội vào bố trí trận địa mai phục sẵn ở từng chiếc cầu, kiên quyết chặn đánh các toán địch đến phá cầu:

Cuối cùng là vấn đề quan sát bảo đảm pháo binh vì ở đây tầm quan sát hạn chế và nhiều nơi đài quan sát của pháo binh không với tới. Sư đoàn phải tính đến việc đặt mới quan hệ thông tin quan sát của pháo binh với bộ binh để hiệu chỉnh hỏa lực pháo binh ta khi bắn.

Song một vấn đề quan trọng bậc nhất trong tính toán là làm sao vây chặt được toàn bộ đội hình lữ đoàn 3 dù để đánh tiêu diệt gọn? Vì thế ngày 25 tháng 3 năm 1975, chúng tôi đã phải dùng Trung đoàn 24 xuất phát luôn sâu. Đây là cuộc hành quân của Trung đoàn 24 theo đỉnh núi cao phía tây đèo Phượng Hoàng, không có đường sẵn, trung đoàn phải tự lo liệu lấy và hết sức giữ bí mật. Hành quân gấp, không có tiền trạm, trung đoàn phải phái trinh sát, công binh đi trước đội hình, dùng bản đồ xác định, đánh dấu đường cho bộ đội bám theo, ngày đi, tối nghỉ, ăn cơm nắm, lương khô và nước suối mang theo. Quy định cho trung đoàn từ 25 tháng 3 đến tối 30 tháng 3 phải luôn được tới sau lưng chỉ huy sở lữ đoàn 3 dù tại trại công chính và xây dựng xong trận địa khóa chặt lữ dù 3 của địch lại.

Để chuẩn bị bước vào trận đánh, sư đoàn mở đợt sinh hoạt động viên chính trị cho bộ đội và tiến hành hội nghị quân sự dân chủ để bàn cách giải quyết cụ thể các vấn đề có liên quan từng bộ phận, từng đơn vị trong từng sự việc cụ thể khác nhau.

Khi sư đoàn đã ra lệnh cho các đơn vị từ khu tập kết vào tuyến xuất phát, sẵn sàng khi có lệnh sẽ vào chiếm lĩnh, thì rạng sáng 27 tháng 3 đồng chí Vũ (Vũ Lăng) - Phó tư lệnh chiến dịch đến.

Xa nhau mới khoảng một tháng mà trông đồng chí Phó tư lệnh khác hẳn, gầy đi nhiều, dọc đường hình như quá vội, nên vừa ngồi sát bờ suối, rửa mặt, chân tay và cạo râu, lại vừa hỏi tôi tình hình: Nào đã biết lũ đoàn 3 dù đến đây từ lúc nào chưa? Nào đã biết ta giải phóng thành phố Huế chưa?...

Nhìn Phó tư lệnh, tôi cứ nghĩ mãi. Quái ông này râu gì mà cứng thế? Mỗi lần cạo thế này tốn bao nhiêu dao cạo và phải thay mấy lần?

Tôi hỏi: Mỗi lần không kịp cạo, anh có khó chịu lắm không? Anh trả lời cũng hơi khó chịu. Rồi anh nói luôn “Ấy vừa rồi trên đường đi bộ vào đây, lính của cậu gặp tớ, đã mắng tớ. Này bố già ơi, đất này là của bọn trẻ, ông già rồi còn vào đây làm gì, về mà nghỉ đi. Ông khinh bọn trẻ này không làm nên trò trống mới mò đến đây à? Rồi có anh còn sờ râu tớ chứ”.

- Thôi anh thông cảm. Chỉ có lính Sư đoàn 10 mới dám sờ đến râu Phó tư lệnh chiến dịch như thế. Chắc có lẽ anh gặp lính Trung đoàn 66. Ngày xưa đói ăn, thiếu rau, nhạt muối khi đi qua vườn rau của dân, liền nhổ sạch, còn để giấy lại viết mấy chữ “mượn tạm, trả sau” chần chỉnh mãi mới thôi. Được phong là đơn vị Anh hùng nên có bớt sai phạm đi đấy.

Cạo râu, rửa mặt xong, Phó tư lệnh bắt tôi vào đề ngay. Biết thủ trưởng vốn là người nóng tính, nên tôi cũng đã sẵn sàng chu đáo.

Sau khi trình bày quyết tâm, ý định hành động của sư đoàn, tôi đi sâu vào việc giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị. Đại thể lúc đó tôi đã trình bày như sau:

- Trung đoàn 66 được phối thuộc tiểu đoàn 1 Trung đoàn 25 và xe tăng thiết giáp, pháo binh, cao xạ theo trục đường 21 có nhiệm vụ đánh tiêu diệt tiểu đoàn 5 dù ở tọa độ 02633 trên tuyến một của địch ở khu vực đèo Mad'Rak.

- Trung đoàn 28 được tăng cường đại đội pháo binh sư đoàn, súng máy 12 ly 7 có nhiệm vụ luồn sâu vào vây tiểu đoàn 6 dù ở tọa độ 97637 tuyến 2 của địch phòng ngự.

- Trung đoàn 25 có nhiệm vụ vào vây phía đông đón lõng tiểu đoàn 2 dù ở tọa độ 91673 tuyến 3 của địch phòng ngự.

- Trung đoàn 24 luồn theo sườn núi cao phía tây từ Chư Tô đi Chư Psi vào vây chỉ huy sở lữ dù 3 ở trại công chính (tọa độ 87753), cắt đứt mối liên hệ của lữ đoàn 3 dù với các lực lượng phía sau của địch lên ứng cứu, để tiểu đoàn 5 vào phối hợp tiểu đoàn 2 Trung đoàn 25 vây tiểu đoàn 2 dù từ phía Tây. Sư đoàn tận dụng mọi hỏa lực triệt phá các trận địa pháo binh địch trước khi tiến công, các trung đoàn đều phải phái ra lực lượng chốt giữ các cầu trên phạm vi trách nhiệm được giao.

Quá trình nghe tôi trình bày, Phó tư lệnh Vũ Lăng đi rất sâu từng chi tiết và tỏ ý rất hài lòng. Cuối cùng Phó tư lệnh suy nghĩ một lúc rồi quyết định sửa phương án một chút là điều Trung đoàn 24 vào vây chỉ huy sở lữ đoàn 3 dù, không cần để tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 vây tiểu đoàn 2 dù, mà chỉ cần dùng tiểu đoàn 2 Trung đoàn 25 là đủ. Làm như vậy việc chia cắt lữ đoàn 3 ở phía

Đông sẽ đủ lực lượng mạnh hơn, chắc tay hơn.

Phương án chiến đấu cơ bản như thế được thông qua. Song giữa tôi và Phó tư lệnh Vũ Lăng còn đi sâu vào chỉ huy tình huống. Hai chúng tôi đều nhất trí đánh trận này làm sao tiêu diệt được một cách giòn giã, đồng thời lo cho sư đoàn ít thương vong nhất để còn sức làm tiếp nhiệm vụ đánh chiếm Nha Trang - Cam Ranh một cách mạnh nhất, tốt nhất. Vì thế có nhiều câu hỏi đặt ra và cùng suy nghĩ. Nào là khi ta đánh tiểu đoàn 5 dù thì địch có phản kích không? Trường hợp địch phản kích thì đánh ngay tiếp trận thứ 2, nhưng địch cố thủ thì cần điều chỉnh đội hình, lùi trong ngày 31 tháng 3 đánh hiệp đồng binh chủng cho chắc tay, như thế thì ngày 31 tháng 3 đánh tiểu đoàn 6, rồi phát triển đánh tiểu đoàn 2 dù luôn vì địch có thể chạy.

Còn việc dùng pháo, chủ yếu là pháo của sư đoàn nhiều đạn 105 ly. Còn Đ74 ít đạn chỉ bắn mục tiêu nào pháo sư đoàn không bắn tới. Phải quan tâm lực lượng địch từ phía Dục Mỹ lên ứng cứu lữ đoàn 3 dù. Cho nên việc Trung đoàn 24 cắt khóa phía Đông phải làm thật tốt.

Tính khả năng đêm 30 tháng 3, Trung đoàn 24 mới vào được phía đông lữ bộ dù, chắc tay là sáng 31 tháng 3, do đó thời gian trận đánh nên bắt đầu sáng 29 tháng 3, đánh sớm quá sẽ xảy ra khi địch chạy, ta chưa kịp vây phía đông lữ bộ để diệt gọn.

Trong mọi trường hợp phải tập trung lực lượng đánh cho chắc kể cả lúc địch co cụm lại.

Cuối cùng, Phó tư lệnh tuyên bố: Quân ủy Trung ương cho mỗi cán bộ, chiến sĩ 5 cân lương khô, 1 cân đường, 1 cân sữa (quà Tết).

Tôi thầm nghĩ: Như thế là ý định cấp trên muốn sư đoàn đánh trận này phải bảo đảm thật chắc tay và xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra. Bước vào trận đánh sắp tới có quà của Quân ủy Trung ương như thế, thì còn gì bằng, khác hẳn xưa kia phải ăn đói mà đánh giặc.

Nhưng một điều mừng nhất của tôi lúc ấy là việc các trung đoàn đã căn cứ vào quyết tâm của sư đoàn, tổ chức nghiên cứu địa hình, trinh sát thực địa, nắm địch và từng bước chuyển dịch đội hình tiếp cận theo mục tiêu đã phân công, đồng thời chuẩn bị mọi mặt bảo đảm cho trận đánh đúng theo kế hoạch hiệp đồng chiến đấu của sư đoàn. Đến giờ phút này, thông qua phương án với cấp trên cũng không phải thay đổi gì lắm, trừ việc điều động tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 đang vào hướng vây tiểu đoàn 2 dù, phải quay ra đi theo đội hình tập trung của trung đoàn. Đường dây liên lạc hữu tuyến đang bám theo đội hình hành quân của tiểu đoàn này nên cũng dễ điều chỉnh.

Càng gần đến ngày ta nổ súng thì địch càng phát hiện được những hiện tượng có lực lượng ta vào áp sát, nên chúng càng dùng hỏa lực pháo binh và máy bay đến oanh tạc dữ dội hơn. Ta có một số bị thương vong, nhưng đội hình chung bộ đội ta vẫn giữ được bí mật.

Thông qua phương án xong, chúng tôi xin phép sáng 28 tháng 3 di chuyển chỉ huy sở lên phía trước, trực tiếp cùng Trung đoàn 28; không ngờ tối 27 tháng 3 lại có điện gọi đồng chí Vũ Lăng về ngay sở chỉ huy chiến dịch. Sau này tôi mới biết lý do đồng chí Vũ Lăng trở về là để nhận nhiệm vụ thành lập Quân đoàn 3 do đồng chí làm Tư lệnh quân đoàn. Đồng chí Hoàng Minh Thảo - Tư lệnh chiến dịch về công tác ở Quân khu 5, chiến dịch Tây Nguyên sẽ phải kết thúc để chuẩn bị cho quân đoàn tập trung tham gia chiến dịch đánh Sài Gòn. Chúng tôi lên phía trước và đồng chí Vũ Lăng ở lại để đi về phía sau. Phút ngậm ngùi chia tay giữa chúng tôi với đồng chí Vũ Lăng lúc ấy lại sâu sắc đến thế. Anh nói: “Thế là mình không được đi cùng sư đoàn để

đánh trận này. Các anh đánh trận này cũng là để rửa hận cho mình đấy! Năm 1946 mình đã phải rút chạy ở trên mảnh đất này mất hàng nghìn con bò, lợn ở Ninh Hòa. Mình muốn đi cùng sư đoàn để rửa hận, mà thôi, vì việc chung mình mong các anh đánh thắng”.

Thấy anh rất luyến tiếc, muốn đi cùng sư đoàn, nên tôi đã hứa: Xin anh yên tâm, chúng tôi sẽ làm tròn nhiệm vụ, rửa hận cho anh một cách trọn vẹn. Chia tay nhau mang nặng một tâm tư ngậm ngùi khôn xiết. Vừa lên tới sở chỉ huy phía trước, sáng 28 tháng 3 khi tôi đang kiểm tra nắm lại tình hình thì tôi được điện thoại báo là quân dù đã dùng pháo binh đánh phá rất dữ dội vào sở chỉ huy cũ làm 3 vệ binh còn ở đó bị thương. Kho tàng của ta ở đây đã bị pháo đạn địch bắn trúng. Tôi rất lo lắng vì nghĩ rằng anh Vũ Lăng còn đang ở đây. Nhưng sau khi kiểm tra lại, biết anh Vũ Lăng đã rời sở chỉ huy cũ đó trước khi địch bắn pháo 15 phút, tôi mới yên tâm. Như vậy là càng ngày địch càng đánh phá oanh tạc đến những nơi ta đang bố trí. Do vậy chúng tôi rất sốt ruột chỉ mong đến giờ nổ súng. Có lẽ hầu hết mọi cấp chỉ huy trong chiến tranh ai cũng hiểu chính những giờ phút này là giờ phút căng thẳng nhất.

Trời đêm càng tối dần, dế kêu, muỗi cắn, lá rừng rủ xuống hình như đang che giấu một điều bí ẩn gì đó. Bộ đội ta vào chiếm lĩnh đúng kế hoạch và không xảy ra biến cố gì.

Mờ sáng 29 tháng 3, giữa lúc Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin: Lực lượng ở phía Bắc sau khi giải phóng hoàn toàn Trị Thiên - Huế đang ào ạt tiến vào giải phóng thành phố Đà Nẵng thì các lực lượng của ta đều đã vào vây hãm chặt mọi hướng mà địch không hề hay biết. Trận tiến công tiêu diệt lữ 3 dù bắt đầu. Tôi ra lệnh đánh! Hỏa lực của pháo binh sư đoàn liên tiếp đánh phá vào các trận địa pháo binh và các cụm quân địch. Cùng lúc các trung đoàn bộ binh ta dùng cối ĐKZ, 12 ly 7 tham gia đánh diệt các trận địa pháo. Cụm hỏa lực của Trung đoàn 28 chỉ sau ít phút đã tiêu diệt hoàn toàn hai trận địa pháo 155 ly (2 khẩu) và 105 ly (4 khẩu) của địch ở khu vực tiểu đoàn 6 dù, đánh sập nhiều công sự và diệt một số sinh lực, trong đó có tên tiểu đoàn trưởng

tiểu đoàn 6 dù bị thương nặng. Đây là trận địa hỏa lực lợi hại ở ngay sát nách địch, nên địch đã dùng máy bay và pháo binh tuyến sau đánh trả rất quyết liệt, đồng thời ba lần địch dùng bộ binh đánh ra. Đến 10 giờ 30 phút chúng đột nhập được vào trận địa ta, lấy đi mất 1 khẩu ĐKZ, trận địa hỏa lực này phải rút về tuyến 2. Trung đoàn 28 đã kịp thời dùng hỏa lực và lực lượng đánh trả buộc địch phải rút lui và co cụm lại. Ta khôi phục lại được trận địa hỏa lực ấy. Tôi nhắc nhở Trung đoàn 28 sửa ngay khuyết điểm trong kế hoạch bảo vệ trận địa hỏa lực.

Trong ngày ta kiên quyết dùng hỏa lực để triệt phá các trận địa pháo cối của địch. Trên hướng tiểu đoàn 5 dù hầu như đã xảy ra trận đấu pháo binh với địch, máy bay địch liên tiếp lên oanh tạc dữ dội, nhưng đều bị cao xạ của ta đánh trả mãnh liệt. Hai bên đều có thương vong, hai xe chở đạn của ta bị máy bay địch đánh hỏng. Ta phải điều tiểu đoàn cao xạ 37 ly ra bảo vệ tuyến hậu cần, Trung đoàn 66 đưa ĐKZ và cối vào đánh tiếp trúng kho đạn, cùng lúc máy bay địch bị bắn rơi 2 chiếc và bắt một số phi công nguy.

Mặc dầu pháo binh địch với số lượng lớn hơn ta nhưng đều bị triệt phá. Đến 13 giờ chiều, hầu như các trận địa pháo binh địch đã bị tê liệt. Pháo binh ta bị máy bay và pháo binh địch bắn hỏng 1 khẩu 155 ly và 2 khẩu 105 ly. Nhưng lúc này hỏa lực pháo binh địch chủ yếu từ tuyến 3 sau tiểu đoàn dù 2 bắn tới.

17 giờ, sau khi pháo binh ta chuẩn bị, tiểu đoàn 1 Trung đoàn 25 theo đúng kế hoạch đã diệt được chốt bảo an địch ở ngã đường 21 và đường 9b, tạo được cửa ngõ cho bộ binh và xe tăng. Nhưng trở ngại lúc này là 2 chiếc cầu phía trước trận địa tiểu đoàn dù số 5 đã hỏng sẵn, trước đó ta chưa có điều kiện để khắc phục, nên trong đêm ta phải điều công binh của trung đoàn lên làm đường vòng tránh. Trong tình huống khẩn trương, dưới làn đạn địch uy hiếp, đại đội công binh phải tận lực đào vách núi, xẻ dốc vượt qua suối sâu, tay nhiều đồng chí phỏng rộp, bật máu tươi, buộc xé nát ống áo, ống quần để quần vào tay làm găng mà đào đất, lật đá; có chiến sĩ bị thương vong phải đưa về phía sau, đến mờ sáng mới có lối cho xe tăng vượt suối. Cùng lúc đó,

bộ binh trong đêm áp sát được địch.

Sáng 30 tháng 3, sau lần cấp tập hỏa lực 10 phút, hai hướng tiến công của hai tiểu đoàn 7 và 9, Trung đoàn 66 đã tận dụng được cửa mở liên xung phong đánh chiếm điểm cao. Địch đối phó quyết liệt, trận đánh giáp lá cà đã diễn ra, giành giật nhau từng lô cốt, từng ụ súng và từng đoạn chiến hào, bốn chiếc xe địch (M41 và M48) xông ra phản kích bị ta đánh diệt và chiếm được tuyến 1 bố trí của địch. Xe tăng ta kết hợp với đại đội 1 tiểu đoàn 7 theo đường 21 tiến lên đèo, đại đội 2 dùng hỏa lực bắn phá chỉ huy sở tiểu đoàn 5 dù ở điểm cao 609. Xe tăng, thiết giáp địch trong công sự nửa chìm, nửa nổi ra sức phát huy hỏa lực ngăn chặn ta, nhiều đợt xung phong của ta bị địch ngăn cản. Bộ đội ta đã phải phân ra nhiều toán, đánh trên nhiều hướng, nhằm diệt xe tăng thiết giáp địch trong công sự nhờ thế mà tiếp cận được sát nách địch, lần lượt diệt hết hỏa điểm này đến hỏa điểm khác của lực lượng chi đội thiết giáp địch ở khu vực tiểu đoàn 5 dù. Một bộ phận địch tháo chạy liền bị đại đội 11 của tiểu đoàn 9 diệt luôn 2 xe kéo pháo và 1 trung đội địch, buộc địch phải dồn lại, lập tức từ ba hướng đại đội 1, đại đội 2 tiểu đoàn 7 và đại đội 9 tiểu đoàn 9 đánh thẳng vào chỉ huy sở tiểu đoàn 5 dù. Toàn bộ đội hình của tiểu đoàn 5 dù bị bộ binh và xe tăng ta đánh tràn vào, số địch còn sống sót tháo chạy. Chiến sĩ Nguyễn Văn Phán vượt lên trước đội hình, tiến ra sát mặt đường dùng B40 bắn cháy luôn 2 xe M113 của địch. Một bộ phận địch có cả xe tăng M113 và pháo chạy thoát ra phía sau, liền bị tiểu đoàn 8 đã phục kích đón lõng sẵn, đánh tiêu diệt. Đến 15 giờ ngày 30 tháng 3, toàn bộ tiểu đoàn 5 dù bị Trung đoàn 66 của ta tiêu diệt hoàn toàn.

Trong lúc ta đánh tiểu đoàn 5 dù, thì ở khu vực tiểu đoàn 6 dù cũng diễn ra những trận đánh quyết liệt. Với nhiệm vụ cắt đường giữa 2 tiểu đoàn địch, tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 lúc 7 giờ 30 phút đã nổ súng tiêu diệt được một bộ phận quân địch từ hướng tiểu đoàn 5 dù chạy về và đánh tan một đại đội từ hướng tiểu đoàn 6 lên phản kích. Địch dồn mọi cố gắng để chặn ta phát triển trên hướng tiến công theo trục đường 21. Tiểu đoàn 6 dù liên tục cho từng toán nòng ra đề phá vây, Trung đoàn 28 phải liên tục đối phó đánh trả các toán địch đó.

Trước tình hình lực lượng Trung đoàn 28 có phần nào đã phải bộc lộ và thời cơ đang thuận lợi, sư đoàn liền ra lệnh cho Trung đoàn 28 tổ chức tiến công ngay vào tiểu đoàn 6 dù, không chờ xe tăng và thiết giáp ở hướng Trung đoàn 66 đến phối thuộc.

Sau 20 phút pháo binh ta chế áp mạnh vào tiểu đoàn 6 dù. Trung đoàn 28 lập tức chuyển vào tiến công áp sát địch và xung phong. Tiểu đoàn 1 đột nhập được vào sở chỉ huy tiểu đoàn 6 dù trong lúc tiểu đoàn 3 diệt xong cụm địch ở phía Đông cao điểm 584. Địch phản ứng quyết liệt suốt 2 tiếng đồng hồ, ta mới giải quyết được 2 nơi này.

Toàn bộ lực lượng tiểu đoàn 6 dù dồn về cao điểm 510. Đây là điểm nút phòng ngự mạnh nhất của địch ở sát trục đường 21 sau tuyến phòng ngự 2, có cả lực lượng xe tăng thiết giáp thuộc chi đoàn thiết giáp 2, xe tăng trong công sự nửa chìm, nửa nổi, pháo binh địch từ sau tuyến phòng ngự 3 liên tục đánh vào các cánh quân ta đang phát triển. Trận đánh ở khu vực này trở nên giằng co, nhiều đợt xung phong của ta bị địch đánh bật trở lại. Trung đoàn 28 đưa lực lượng dự bị vào cũng chưa giải quyết được. Pháo binh sư đoàn lúc này cũng không với tới các trận địa pháo địch ở sau tuyến 3. Cầu Bản Mo trên trục đường 21 bị địch đánh bom phá hủy. Trước tình hình đó, sư đoàn ra lệnh cho Trung đoàn 28 tạm ngừng tiến công, chỉnh đốn lại đội hình.

16 giờ 30 phút, sau khi công binh sư đoàn lên khắc phục được đường vòng tránh ở cầu Bản Mo, pháo binh sư đoàn kịp di chuyển lên, sư đoàn điều kịp xe tăng, thiết giáp, vượt qua Bản Mo phối thuộc cho Trung đoàn 28. Ta liền tổ chức trận tiến công mới vào cao điểm 510. Sau đợt bắn phá dữ dội của pháo binh, đồng thời kết hợp được xe tăng thiết giáp, tiểu đoàn 2 và 3 Trung đoàn 28 đã nhanh chóng dứt điểm được địch. Bọn địch ngoan cố chống cự đều bị xe tăng và bộ binh ta tiêu diệt. Bọn sống sót của tiểu đoàn 6 dù chạy tán loạn sang hướng Đông, liền bị Trung đoàn 25 của ta đón lõng và vây bắt. Đến sáng 31 tháng 3 hầu như toàn bộ lực lượng tiểu đoàn 6 dù hoàn toàn bị tiêu diệt. Số địch mà Trung đoàn 25 bắt được khoảng 200 tên, trong đó có cả những tên sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn 6 dù.

Đêm 30 tháng 3, chúng tôi nhận được qua tin kỹ thuật, lữ đoàn trưởng lữ đoàn dù 3 xin cấp trên cho rút chạy để tránh bị tiêu diệt hoàn toàn. Như vậy thì đúng với dự kiến của ta, vì lực lượng của ta kịp ra cắt đường khi địch rút chạy. Thực ra trong đêm, qua tín hiệu vô tuyến điện sư đoàn vừa nắm chắc được tình hình Trung đoàn 24 đã tới địa điểm quy định, cắt đường phía sau lữ đoàn dù 3.

Do đó sư đoàn liên tục ra lệnh bằng vô tuyến điện cho Trung đoàn 24 “khóa chặt phía Đông”, đồng thời thúc đẩy các đơn vị phải chạy đua với thời gian vượt lên trước địch, kiên quyết không cho lữ đoàn 3 dù chạy thoát.

Thế là trong đêm, đội hình Trung đoàn 28 tiến theo đường 21 về hướng đèo Phượng Hoàng, 4 giờ sáng ngày 31 tháng 3 phân đội đi đầu đã tiếp cận được tiểu đoàn 2 dù 6 ở Buôn Ya Thi, lập tức đại đội 5 tiểu đoàn 2 Trung đoàn 28 cùng xe tăng thiết giáp tiến công thẳng vào một đại đội địch. Trung đoàn 28 lập tức dùng toàn bộ tiểu đoàn 3 của mình cùng 6 xe tăng thiết giáp trong hành tiến đột phá chiếm đèo Phượng Hoàng; suốt đêm 31 tháng 3 ta đã lần lượt chiếm hết vị trí này đến vị trí khác của địch. Sau đó phát triển xuống

phía đông đèo.

Trên hướng Trung đoàn 24 của ta, do đường xa, bảo đảm gạo đạn khó khăn nên đến trạm giữa, tiểu đoàn 4 lại phải quay về đón vận tải sư đoàn lấy thêm tiếp tế gạo, đạn, nên tiểu đoàn 4 Trung đoàn 24 không kịp tham gia chiến đấu.

Sáng ngày 30 tháng 3, Trung đoàn 24 đã bắt liên lạc được với cơ quan địa phương tỉnh Khánh Hòa đang ở phía đông đèo Phượng Hoàng cách đường 21 khoảng 4km, cơ quan tỉnh liền cho tổ công tác dẫn đường đi trinh sát thực địa, tiếp cận được sở chỉ huy lữ đoàn 3 dù, xác định được vị trí chốt cắt đường, địa điểm triển khai lực lượng, hướng đột phá khi có lệnh chuyển vào tiến công tiêu diệt lữ đoàn 3 dù.

Sau này đồng chí Trung đoàn trưởng Vũ Văn Tài cho tôi biết: lúc 12 giờ đêm 30 tháng 3 đã nhận được lệnh của sư đoàn, yêu cầu phải đưa lực lượng vào vây chỉ huy sở lữ đoàn 3 dù ngay trong đêm, nên mặc dù bộ phận trinh sát chỉ huy chưa về, Chính ủy Bùi Văn Hòe vẫn ra lệnh cho tiểu đoàn 5 và 6 cùng hỏa lực vào vây. Gặp trung đoàn trưởng giữa đường nên từ 2 giờ đến 5 giờ sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975 trung đoàn đã giao nhiệm vụ trên thực địa cho tiểu đoàn 5 và tiểu đoàn 6. Vào 6 giờ tối ngày 31 tháng 3, bộ đội chiếm lĩnh xong đã đào được công sự sâu chừng 1m.

Như vậy tức là 7 giờ sáng 31 tháng 3, Trung đoàn 24 đã khóa chặt được lữ đoàn 3 dù lúc chúng đang xin lệnh trên để rút chạy.

Suốt ngày 31 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 24 phải chiến đấu tất cả trên hai hướng. Bọn địch từ chỉ huy sở lữ đoàn 3 dù đánh ra và bọn địch từ phía Đông

đến cứu. Máy bay và pháo binh địch liên tục đánh phá vào trận địa, nhiều tổp A37 rà xuống bị súng máy cao xạ 12 ly 7 của ta bắn trả, 2 chiếc A37 bị thương, chuồn thẳng. Pháo ở hướng đông liên tục bắn làm phá hỏng một số công sự trận địa của ta và có một số đồng chí bị thương vong, nhưng trận địa ta vẫn giữ vững, đánh bại được hết toán này đến toán khác của địch, làm cho địch không vượt qua chốt giữ trận địa của ta.

Qua mỗi đợt tác chiến, trung đoàn lại kiểm tra tình hình bổ sung phương án tác chiến, bộ đội tiếp tục củng cố công sự trận địa. Trước nguy cơ sắp bị tiêu diệt, địch tìm cách đánh gỡ cả vào ban đêm. Lực lượng địch ở Dục Mỹ, Ninh Hòa kéo đến phản kích, 23 giờ ngày 31 tháng 3 đến rạng sáng 1 tháng 4, cả hai hướng địch tiến công ép lại, với hai tiểu đoàn biệt động quân từ phía Đông đánh vào cùng lực lượng tiểu đoàn 2 dù từ đèo Phượng Hoàng đánh xuống. Sau khi áp sát được trận địa chốt của ta, chúng dùng cả đạn hóa học bắn vào trận địa. Nhưng bộ đội ta vẫn bình tĩnh để địch vào gần mới bắn, đồng loạt bắn súng và ném lựu đạn, kết hợp chốt chặn với xuất kích ngăn, đã đánh bật được tất cả các đợt xung phong của địch. Một số cán bộ, chiến sĩ ta thương vong; pháo địch bắn gần sập hết công sự tuyến 1, anh em phải trở về công sự tuyến 2. Trung đoàn liền lập tức ra lệnh cho lực lượng dự bị xuất kích, trong đêm dưới ánh sáng của đèn dù. Đến sáng ngày 1 tháng 4, phân đội đi đầu do Trung đội trưởng Liễu chỉ huy đánh từ phía Nam ra mặt đường, làm chủ được khu vực đã xảy ra chiến đấu, xác địch nằm ngổn ngang, ta khôi phục được cả công sự trận địa tuyến một.

Cùng thời gian trên, trung đoàn phát hiện hướng chỉ huy sở lữ đoàn 3 dù có nhiều xe pháo đang rải ra trên trục đường cách chốt ta 300m, ý chừng trong đêm chúng phản kích được chốt trận địa của ta thì bọn này sẽ tháo chạy. Trung đoàn liền lập tức hạ quyết tâm chuyển từ thế bao vây sang tiến công tiêu diệt sở chỉ huy lữ dù 3.

5 giờ sáng, ta nổ súng tiến công. Hỏa lực của trung đoàn đã bắn chính xác, nhiều xe địch bốc cháy, địch hoảng loạn kêu la om sòm. Tiểu đoàn 5 và tiểu

đoàn 6 ào ạt từ hai hướng xung phong vào chiếm được toàn bộ khu vực chỉ huy sở địch, một số tên liều mạng chạy tháo ra hướng đông lập tức bị chốt ta chặn đánh quyết liệt. Kết thúc nhiệm vụ của trung đoàn vào sáng ngày 1 tháng 4 năm 1975. Thế là, chỉ sau ba ngày đêm liên tục chiến đấu, Sư đoàn 10 đã tiêu diệt gọn lữ đoàn 3 dù của địch cùng lực lượng tăng cường cho chúng, loại khỏi vòng chiến đấu 1.500 tên, bị bắt 450 tên, 3 tiểu đoàn, 1 chi đoàn xe tăng, xe bọc thép bị tiêu diệt gọn. Ta thu 9 pháo 155 ly, 25 pháo 105 ly, 70 xe ô tô GMC, 2 máy hút cùng một số vật chất kỹ thuật khác.

Ta hy sinh 56, bị thương 190. Đây là trận đánh tập trung sư đoàn, đánh nhanh diệt gọn phản ánh kết quả thành công xây dựng toàn diện đối với sư đoàn. Kết thúc trận đánh đúng thời gian quy định. Với chiến thắng này quân ta đã đập tan lá chắn phía tây quận lỵ Ninh Hòa, mở thông đường xuống đồng bằng ven biển.

* GIẢI PHÓNG NHA TRANG - CAM RANH

Cùng thời gian Trung đoàn 24 đánh vào chỉ huy sở lữ đoàn 3 thì Trung đoàn 28 đã đánh diệt hết địch khu vực tiểu đoàn dù 2, đang cùng xe tăng, thiết giáp phát triển xuống chân đèo Phụng Hoàng, Trung đoàn cao xạ 234 đã tới bảo vệ được phía đông đèo đánh trả máy bay địch, lúc máy bay địch đang ném bom trúng vào chỉ huy sở lữ đoàn dù 3 gây thương vong cho cả bộ đội ta và bọn tù binh mà ta vừa bắt được. Một máy bay A37 của địch bị bắn rơi xuống phía đông núi Chư Psi. Chỉ huy sở sư đoàn bám sát bộ đội tới chân đèo, lực lượng Trung đoàn 28 và Trung đoàn 24 đã gặp nhau, chúng tôi quyết định chuyển thuộc. Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 28 cùng xe tăng, thiết giáp tăng cường cho Trung đoàn 24 cùng đại đội 6 pháo binh, tiểu đoàn cao xạ 37 ly của Trung đoàn 234 đi cùng, giao đồng chí Tham mưu phó Vũ Đình Thước chỉ huy phát triển đánh tiếp về hướng Đông. Khoảng 2.000 tên địch ở trung tâm huấn luyện Lam Sơn phát hiện lực lượng ta, liền tháo chạy. 7 giờ 20 phút, Trung đoàn 24 dùng tiểu đoàn 6 truy kích, tiếp theo tiểu đoàn 4 đến tiếp ứng. Đến 9 giờ ta chiếm được trung tâm huấn luyện Lam Sơn. Sư đoàn liền ra lệnh

cho trung đoàn nhanh chóng chiếm Dục Mỹ và Ninh Hòa. 10 giờ, đại đội đầu tiên đã tới bao vây căn cứ biệt kích Dục Mỹ; 13 giờ, tiểu đoàn 6 Trung đoàn 24 và tiểu đoàn 3 Trung đoàn 28 tới kịp, giải quyết xong Dục Mỹ, bắt và phóng thích nhiều tên địch. Trong lúc đó đồng chí Khoa - Tham mưu trưởng Trung đoàn 24 đã dẫn đoàn cán bộ đi trước, bám được địch ở Ninh Hòa, do đó ngay trong ngày 1 tháng 4, Trung đoàn 24 đã áp sát được Ninh Hòa, 14 giờ chiếm xong quận lỵ này. Cùng lúc lực lượng địa phương đã huy động nhân dân nổi dậy truy lùng diệt và bắt những tên ngoan cố phản động, giành quyền làm chủ. Quận Ninh Hòa được giải phóng; nhân dân kéo ra chật đường, vẫy chào đón mừng quân giải phóng, trong cảnh tượng hàng ngàn lính ngụy được ta thả ra, đầu trần chân đất, cởi hết áo có phù hiệu “quân lực Việt Nam cộng hòa” thất thểu trên trục đường.

Thừa thắng, cùng xe tăng thiết giáp và cao xạ, bộ đội ta tiến thẳng theo đường số 1, vận động được nhân dân nhường xe, nên ngày 2 tháng 4, ta chiếm được thành phố Nha Trang, đang trong tình trạng hỗn loạn. Sư đoàn lệnh cho Trung đoàn 24 cho lực lượng xuống chiếm Cam Ranh.

Đến 14 giờ ngày 3 tháng 4, quân cảng Cam Ranh được hoàn toàn giải phóng. Như vậy là trong 48 giờ suốt chặng đường dài 80km từ Ninh Hòa đến Cam Ranh, bộ đội ta đã nêu một kỷ lục về phát triển tiến công. Trong quá trình đó, chỉ huy sở sư đoàn liên tục di chuyển lên phía trước bám sát đội hình, dùng đài vô tuyến điện để nắm tình hình và ra lệnh chiến đấu phát triển.

Khi tụt xuống núi, rẽ qua trận địa tiểu đoàn 2 dù, tôi thấy nhiều lính địch chết và bị thương còn nằm la liệt. Tôi gặp đồng chí Tráng - đại đội phó tiểu đoàn 3 Trung đoàn 28 bị thương đang nằm đó. Tôi hỏi luôn bị thương có nặng không và trong trường hợp nào? Đồng chí Tráng trả lời khi ta truy kích địch thì một xe thiết giáp địch chạy trên trục đường bần, làm một số anh em bị hy sinh và bị thương. Tôi cũng bị thương trường hợp đó, các anh em thì đã được vận tải sư đoàn chuyển về phía sau, chỉ còn tôi chờ anh em lên mới về được. Thấy thế, tôi bảo đồng chí cần vụ và bảo vệ để tôi mang ba lô, xác cốt, còn 2 đồng

chí công đồng chí Tráng xuống đường 21 chờ xe tôi đến, rồi cùng đi.

Khi chỉ huy sở sư đoàn đến phía đông chân đèo Phượng Hoàng thì cũng là lúc đường 21 hoàn toàn thông suốt. Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn đang họp để nắm lại tình hình và quyết định bước phát triển, thì xe của đoàn cán bộ cấp trên cũng vừa từ phía sau tới kịp. Đoàn cán bộ mặt trận do đồng chí Đặng Vũ Hiệp - Chính ủy và đồng chí Hồng Sơn - Tham mưu phó dẫn đầu đến gặp Bộ tư lệnh sư đoàn. Cuộc họp diễn ra nhanh chóng. Sau khi đồng chí Hồng Sơn và đồng chí Đặng Vũ Hiệp phổ biến cho sư đoàn một số tình hình, chúng tôi lập tức tổ chức đoàn xe đi vào thành phố Nha Trang. Trên xe có cả đoàn cán bộ địa phương, trong đó gồm có cả các đồng chí đại diện cơ quan lãnh đạo của tỉnh Khánh Hòa (đoàn cán bộ địa phương này đã có mối liên hệ với Trung đoàn 24 trước lúc Trung đoàn 24 đánh vào chỉ huy sở lữ đoàn dù 3).

Cuộc tiếp xúc gần gũi của sư đoàn với đoàn cán bộ địa phương rất cảm động. Tôi tập trung vào việc theo dõi hoạt động của bộ đội phía trước nên không kịp hỏi rõ từng người, nhưng tay bắt mặt mừng, ai cũng thấy không khí tưởng chừng như miền Nam đã giải phóng xong cả rồi.

8 giờ ngày 2 tháng 4 chúng tôi xuất phát, 10 giờ trưa đi vào thành phố, bất ngờ giữa tiếng hoan hô của nhân dân thành phố: có một đoàn xe mô tô cỡ lớn và một trung đội có vũ trang, ăn mặc chỉnh tề, đeo súng ngắn ra đón đoàn. Lúc này xe con của tôi đi trước, phía sau là mấy xe vệ binh đi kèm, tuốt sáng lười lê, đang rầm rập tiến vào. Họ liền trịnh trọng nép sang hai bên đường, rồi theo song song, vệ binh thì lười lê, mũi súng chĩa thẳng vào họ. Tôi hỏi các anh là đơn vị nào và theo lệnh ai? Một người cầm đầu đến trịnh trọng báo cáo:

Chúng tôi là đội cảnh binh thường xuyên làm nhiệm vụ đón khách. Cũng có

nhieu trường hợp chưa có lệnh cũng phải làm. Vậy xin lệnh ông cho phép làm nhiệm vụ.

Tôi nghĩ ngay: Hóa ra khi bỏ chạy, bọn chỉ huy địch không hề có mệnh lệnh gì cho cấp dưới, nên tôi lập tức ra lệnh: không cần các anh, các anh phải tìm đến ngay cơ quan quân quản nộp vũ khí đầu hàng. Thế là bọn này vâng lệnh rút lui và trưa đó đã nộp súng.

Thành phố đang hỗn loạn, có anh em nào đó đã vứt chiếc tượng đồng đen (ở sở chỉ huy của tên Phú) ra đường đi, tôi thấy tiếc mới bảo đồng chí lái xe vác lên xe mình để đưa về sở chỉ huy sư đoàn. Nhưng đồng chí Lã Ngọc Châu nghe thấy can ngay: Anh đừng lấy để bộ đội khỏi hiểu lầm ta vi phạm chiến lợi phẩm. Tôi thấy đúng, vì chúng tôi đã thống nhất với nhau cán bộ chủ trì nói gương mẫu thì mình phải gương mẫu trước mới xây dựng được sư đoàn.

Dừng lại ở Nha Trang, việc quân quản ở thành phố, giải quyết hậu quả với địa phương, chúng tôi giao cho đồng chí Lưu Quý Ngữ - Phó chính ủy sư đoàn phụ trách. Tôi thu xếp kế hoạch bố trí cho Trung đoàn 24 ở lại Nha Trang, điều động Trung đoàn 28 xuống chiếm giữ Cam Ranh.

Máy bay địch ở sân bay Thành Sơn lên bắn phá, bọn địch còn sót lại ở Cam Ranh có chống cự, nhưng đã bị bộ đội ta triệt phá hết.

14 giờ ngày 3 tháng 4, tiếng súng tạm ngừng bộ phận cuối cùng của địch ở Cam Ranh mới rút chạy hết.

15 giờ chiều 3 tháng 4, chúng tôi xuất phát để kiểm tra tình hình ở quân cảng

Cam Ranh; trong đêm 3 tháng 4 Trung đoàn 28 cũng tới kịp để thay thế lực lượng Trung đoàn 24 trở lại Nha Trang. Thực trạng sư đoàn lúc này vì không có xe nên Trung đoàn 66 phải đi bộ từ đèo Mad'Rak tới Dục Mỹ ngày 4 tháng 4. Còn Trung đoàn 25 đêm 3 tháng 4 mới đi bộ tới Ninh Hòa.

Mọi việc đang rất bận rộn vì sư đoàn phải nhanh chóng triển khai điều chỉnh lại đội hình, lập phương án tác chiến tại chỗ, tổ chức quân quản thành phố và quân cảng, giải quyết hậu quả của những trận đánh vừa qua, thì bất ngờ có điện từ Hà Nội vào, người ký điện là “Thành”. Tôi biết đó là điện của đồng chí Hoàng Văn Thái - Tổng tham mưu phó, hỏi tình hình tác chiến và đội hình các lực lượng sư đoàn đang bố trí. Tôi thấy một lần nữa cấp trên từ Hà Nội và cơ quan chiến dịch đang theo dõi rất sát hoạt động của sư đoàn và cũng qua tin tức lúc này được biết địch có thể tổ chức lực lượng đánh chiếm lại thành phố Nha Trang, quân cảng Cam Ranh. Tôi liền viết báo cáo tỉ mỉ theo đúng yêu cầu của đồng chí Hoàng Văn Thái đã nêu, đồng điện tôi báo cáo cả lên Bộ tư lệnh chiến dịch và đại diện tiền phương Bộ Tổng tư lệnh Văn Tiến Dũng. Sau này đồng chí Võ Quang Hồ - Cục trưởng Tác chiến cho biết cơ quan Bộ rất hoan nghênh về bản báo cáo cụ thể đó, vì Trung ương và Bộ đang theo dõi sát tình hình sư đoàn và thấy thắng lợi quá nhanh nên rất mừng, cũng có nghĩ tới: nếu sư đoàn không bố trí chu đáo, địch có thể phản kích lại nên mới điện hỏi.

Máy bay địch lúc này chủ yếu đánh chặn trên quãng đường từ cảng Cam Ranh đi Phan Rang, sư đoàn đã điều kịp Trung đoàn 234 bố trí cao xạ suốt từ thành phố Nha Trang tới Cam Ranh phối hợp chặt chẽ với hỏa lực phòng không của sư đoàn và các trung đoàn. Thế là một chiến công mới lại đến với lực lượng phòng không của ta, sau khi Trung đoàn 234 bắn trúng 3 chiếc A37 của địch thì tên lửa A72 mang vác đã bắn rơi tại chỗ một chiếc máy bay địch, bắt sống 2 tên giặc lái, nhân dân đang đi lại chật hết các lối đi. Trong lộn xộn ấy, ai cũng tấm tắc khen quân giải phóng của ta bắn rất giỏi, chỉ một phát đạn lên trời là máy bay ngụy phải rơi ngay. Từ đó tiếng súng lẹt đẹt hầu như đã im hẳn.

Không ngờ từ phía tây Cam Ranh trên núi cao xuất hiện lực lượng trên 30 người, bắn cối nhẹ cùng súng bộ binh nổ lẹt đẹt, trúng ngay vào trận địa cao xạ 37 ly của ta. Anh em phòng không lập tức hạ nòng pháo 37 ly định bắn trả, song còn ngập ngừng vì sợ lẫn nhau, liền lấy cờ đỏ kéo lên một lúc, thì tiếng súng cũng ngừng bắn. Bắt liên lạc được với nhau mới biết đó là du kích của tỉnh họ đánh nhầm.

Chuyện ngẫu nhiên trong chiến tranh như thế cũng hay xảy ra. Ta đánh vào ta cũng có lúc khó tránh khỏi. Tiêu diệt lữ đoàn 3 dù trên đèo Mad'Rak - Phụng Hoàng, tuyến bảo vệ thành phố Nha Trang, quân cảng Cam Ranh của địch bị chọc thủng, đường 21 từ Buôn Ma Thuột đi Khánh Hòa sạch bóng quân thù. Một cảnh tượng của địch xảy ra rất hỗn loạn:

- Bọn chỉ huy địch tìm cách đối phó đều thất bại, đổ lỗi cho nhau và chạy trốn.
- Công chức, cảnh sát thành phố bỏ nhiệm sở di tản với vợ con.
- Binh lính địch tan rã xông vào cướp phá nhà dân. Lệnh tử thủ Nha Trang không còn hiệu lực.
- Tù nhân phá ngục chạy ra. Dân chạy nạn tràn ngập thành phố và trên mọi nẻo đường.

Tình hình trong mấy ngày 4, 5, 6 tháng 4 năm 1975 ở Nha Trang rất phức tạp. Nhiệm vụ của Sư đoàn 10 lúc này là: ổn định đội hình, bố trí theo dõi, đề phòng địch có thể phản kích chiếm lại thành phố và quân cảng; bọn tàn quân địch còn rất đông, chúng liên tục gây ra những vụ cướp phá, giết dân ở vùng nông thôn kề cận thành phố, thậm chí có những toán còn đột nhập thành phố; đồng thời căn cứ vào nhiệm vụ trên giao lập kế hoạch đánh chiếm Phan Rang.

Sau khi kiểm tra lại tình hình chỉ huy sư đoàn ra lệnh tổ chức các trạm dọc đường đi để vận động nhân dân nhường xe cho bộ đội hành quân. Lúc này tiểu đoàn xe vận tải quân đoàn 2 địch cũng đang trên tuyến đường, có bọn thì chở dân chạy ngược, có bọn lại chở dân chạy xuôi di tản theo tàu biển. Tôi liền ra lệnh tịch thu xe quân đoàn 2 ngay và vận động lái xe đi cùng bộ đội lập công chuộc tội. Từ đó sư đoàn có thêm xe và trong đội ngũ có thêm loại lính ngụy mới nhập vào.

Sau khi điều kịp Trung đoàn 25 cùng bộ phận trinh sát Sư đoàn bám được mục tiêu địch ở phía bắc Phan Rang và đang điều động pháo binh, xe tăng đến tập kết thì 16 giờ ngày 6 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn nhận được điện số 12 của anh Tuấn (tức đồng chí Văn Tiến Dũng). Nội dung như sau:

Nếu liên lạc được với anh H (Hoàng Minh Thảo) thì báo lệnh tôi như sau để các anh cùng anh H chấp hành:

1. Dùng Trung đoàn 25 và Sư đoàn 968 giữ Nha Trang và Cam Ranh.
2. Đưa Sư đoàn 3 Mai Tân vào đánh Phan Rang. Sau khi đánh xong Phan Rang sẽ thẳng đường số 1 vào làm dự bị cho trọng điểm.
3. Sư đoàn 10 tìm đường vòng phía tây Phan Rang lên đường 11 để về địa điểm đã quy định trên đường 20. Nếu cần đánh thì dùng bộ phận đánh để lấy đường rồi đi sau. Còn đại bộ phận cố tránh để đi cho nhanh. Đà Lạt do Trung đoàn 82 chiếm, có thể cả Trung đoàn 198 cũng đã đến Đà Lạt đang trên đường xuống Phan Rang. Trên đường hành quân, Sư đoàn 10 bắt liên lạc với 2 đơn vị trên.

4. Nhận điện trả lời ngay và báo cáo đội hình của các anh đến mồng 6 tháng 4.

TUẤN

Qua bức điện, tôi nhớ lại lời đồng chí Hồng Sơn đã phổ biến: Quân đoàn 3 sẽ tập kết khu vực bắc Di Linh.

Chấp hành theo mệnh mệnh mới, chúng tôi liền tổ chức bộ phận đi trước do đồng chí Vũ Đình Thước - Tham mưu phó dẫn đi tìm đường vòng tránh theo trục đường 450 để bám vào đường 11 đi Đơn Dương - Di Linh - Bảo Lộc. Mặt khác, Sư đoàn chờ Sư đoàn 968 vào để bàn giao địa bàn.

Như thế là ta sắp đánh Sài Gòn. Tôi liền báo cáo với đồng chí Đặng Vũ Hiệp trước lúc anh về cơ quan Bộ tư lệnh Quân đoàn: Mong anh về báo cáo cấp trên, cho Sư đoàn 10 chúng tôi đảm nhiệm đánh thọc sâu vào nội đô - anh nhé.

Anh Hiệp đã trả lời: Chắc chắn cấp trên sẽ có ý định đúng như vậy.

Thực tế lúc này, tàn quân địch đang lén lút trong dân, chúng cướp phá, gây hỗn loạn. Sư đoàn phải ra lệnh cho Trung đoàn 66 đưa lực lượng đi truy lùng, hễ gặp bọn tàn quân nào chưa chịu nộp súng đầu hàng mà còn cướp phá gây hỗn loạn trong dân thì xử lý ngay. Suốt mấy ngày liền, đơn vị đi lùng sục và bắt được một số tên nên tình hình trong dân mới tạm ổn. Bộ đội ta đi tới đâu, nhân dân hoan nghênh tới đó. Quân chúng nhân dân được giải thích rõ bộ đội về với đồng bào, bảo vệ nhân dân nên ai ai đều nô nức phấn khởi, cờ đỏ sao vàng treo lên suốt hang cùng ngõ hẻm, mọi người ra đón bộ đội đều tươi vui,

cười nói rôm rả hồ hởi, nhưng cũng có người khóc vì vui mừng, nhất là các bà mẹ già vừa nói vừa lau nước mắt. Có người ra hỏi chuyện nọ, lại có người ra hỏi chuyện kia, bộ đội ra sức trả lời đủ các câu hỏi của dân, tình cảm bộ đội với nhân dân trở nên nồng ấm.

Có thời gian để xả hơi một chút, tôi lấy chiếc áo sơ mi trắng mang sẵn từ Hà Nội vào, nay có cơ đem ra mặc, vừa đi vừa ngắm biển và nghe ngóng tình hình trong thành phố.

Khi dạo quanh thành phố Nha Trang được biết anh Hoàng Minh Thảo đã đến, đang ở nhà dân trong phố, tôi liền tìm gặp và mời anh về sở chỉ huy sư đoàn trong rừng cây ăn quả cách thành phố 4km về phía Tây Nam, yên tĩnh thanh vắng đỡ lộ bí mật.

Về tới nơi, tôi liền báo cáo lệnh anh Văn Tiến Dũng cho anh Thảo nghe. Đột nhiên, phái đoàn của Bộ Tổng tư lệnh do anh Lê Trọng Tấn - Tổng Tham mưu phó dẫn đầu cũng tới Sở chỉ huy sư đoàn. Thế là một cuộc gặp bất ngờ và đầy thú vị. Hai vị tướng đều vui cười kể cho nhau nhiều chuyện. Cả cơ quan sư đoàn sôi động hẳn lên. Tôi nhìn mãi hai anh. Trông hai anh lúc này khác trước quá nhiều. Anh Thảo vốn đã gầy, lại xanh, làm tôi nhớ lại đây là con người thích thuốc lá và trà ngon hơn thịt gà và chân giò lợn, nhiều lúc anh chịu kham khổ quá mức. Bộ đội Tây Nguyên năm 1969 ăn 2 lạng gạo một ngày vì mặt trận thiếu gạo, Tư lệnh mặt trận cũng gương mẫu ngày 2 lạng như chiến sĩ. Có một chuyện về anh Hoàng Minh Thảo làm tôi cứ nhớ mãi.

Ai đó gửi biếu anh một cân nếp và một con gà nhỏ, anh bắt công vụ cùng anh hăng ngày nuôi mãi con gà. Nhiều lần công vụ đề nghị làm thịt gà và nấu cơm nếp cho anh ăn, anh đều không đồng ý. Mãi đến khi Trung đoàn 66 do tôi làm Trung đoàn trưởng đã đánh tiêu diệt được tiểu đoàn biệt kích hỗn hợp

Mỹ - nguy trên cao điểm 936 KATE ở Phước Long, đã rút quân về hậu cứ tây Kon Tum, thì anh Thảo xuống thăm. Lặn lội qua rừng, lội suối 3 - 4 ngày mới tới nơi, mang theo cân nẹp và con gà đốm xuống góp phần liên hoan chiến thắng với Trung đoàn 66. Mẫu mực, đồng cam cộng khổ đến mức ấy mà tư duy lúc nào cũng không rời nghệ thuật “thế trận, tình huống và thời cơ” có lúc quên cả ăn và ngủ. Còn anh Tấn, với con người quắc thước, đi bộ nhanh, nói ngắn gọn, súc tích, rõ ràng; nhưng lúc này xem ra cũng khá mệt mỏi, tôi chưa hề được sống dưới quyền chỉ huy trực tiếp của anh, nhưng tôi vẫn nhớ, ngày nào kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn pháo binh 105 ly xe kéo (lần đầu tiên ta có pháo cơ giới để sử dụng), đang lúc anh đi kiểm tra tình hình, ngồi nghỉ trên nòng pháo của địch đã bị ta bắn gục xuống thì anh trông thấy tôi, liền gọi lại đưa cho tôi một điều thuốc lá Cốt-táp chiến lợi phẩm.

Cuộc họp của hai thủ trưởng cùng cơ quan của Bộ lúc đó, sư đoàn không ai được tham dự. Sau đó tôi mới biết: Ngày 25 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định: Giải phóng miền Nam trước mùa mưa, tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975.

Chúng tôi liền họp gấp Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn. Trước mắt là ra lệnh cho các đơn vị pháo binh kiểm tra lại pháo đạn vào kho lấy pháo mới của địch thay thế, bắn thử cẩn thận để dùng cho chiến đấu sắp tới. Đồng thời lệnh cho Phòng Hậu cần kiểm tra lại gạo đạn, phát đủ cho các đơn vị sư đoàn và các đơn vị phối thuộc ít nhất đủ ăn 20 ngày đến một tháng.

Riêng các đơn vị đến tăng cường thì cũng phát đủ lương thực như thế và đi kiểm tra kho tàng của địch, có loại nào phù hợp binh chủng thì báo cáo sư đoàn để lấy mà dùng cho chiến đấu, Trung đoàn cao xạ 234 trên thực tế cũng đổi được một số khá lớn súng 12 ly 7. Mặt khác sư đoàn lệnh cho các đơn vị tiếp tục thu hồi xe của địch và vận động nhân dân nhường xe, tận dụng thu nạp lái xe nguy làm nhiệm vụ cho ta, động viên họ đi làm nhiệm vụ chiến đấu, lập công chuộc tội.

Trong khi sư đoàn đang sắp xếp mọi việc để chuẩn bị bàn giao địa bàn cho đơn vị bạn, thì được thông báo của cơ quan trên, sẽ tăng cường cho sư đoàn xe của Đoàn 559 để hành quân.

Mặc dầu rất bận rộn, nhưng tôi cứ băn khoăn chưa biết làm thế nào để làm bữa cơm thết đãi hai thủ trưởng cấp trên cùng phái đoàn của Bộ cho chu đáo.

Vì ở Nha Trang - Cam Ranh, Sư đoàn đang quân quản đủ mọi thứ, đây là căn cứ hậu cần của quân đoàn và quân khu 2 của địch nên không thiếu một thứ gì, kể cả rượu chè, quà bánh đầy ắp trong kho mà những dịp để sư đoàn gặp được hai thủ trưởng lúc này là rất hiếm. Sau cuộc họp, các thủ trưởng và cơ quan Bộ sẽ ăn cơm với sư đoàn, nếu đem các thứ chiến lợi phẩm ra chiêu đãi bữa cơm sẽ rất đàng hoàng thịnh soạn. Nhưng việc xây dựng sư đoàn sẽ ra sao vì sư đoàn đã kiên quyết cấm bộ đội tự ý dùng chiến lợi phẩm. Tôi nghĩ như thế và đang có phần suy nghĩ lúng túng. Cứu cánh cho tôi lúc ấy là đồng chí quản lý sư đoàn. Lúc đồng chí đó lên gặp tôi và hỏi:

- Thừa thủ trưởng, bữa cơm có khách thì thế nào?

Tôi liền hỏi lại luôn: vậy thì đồng chí sẽ giải quyết ra sao?

Suy nghĩ một lát, đồng chí quản lý ngập ngừng trả lời: Tài vụ cấp trên có giao cho quản lý một số tiền nguy để sư đoàn sử dụng khi cần đến, ta có thể dùng vào việc này. Thực ra lúc này tôi mới biết cấp trên đã dự liệu cho sư đoàn khá chu đáo. Cuối cùng chúng tôi quyết định chỉ dùng nguồn thực phẩm khô của đơn vị và trích một phần tiền mua cá và rau nấu canh.

Bữa cơm hôm ấy, có cá rán, canh giấm chua nấu với đầu cá. Tuy không rượu, không thịt, nhưng tôi thấy hai anh và phái đoàn ăn rất ngon lành.

Sau này về Hà Nội, đồng chí Ngô Hùng - Cục trưởng ở Bộ Tổng Tham mưu nhắc lại bữa cơm kỷ niệm đó, tôi mới biết, hóa ra mất mấy ngày liền do “Thần tốc, thần tốc và thần tốc” mà cả anh Tấn và anh Thảo cùng phái đoàn của Bộ không có lúc nào được ăn một bữa cơm chu đáo nên khi đến sư đoàn được thết đãi một bữa ăn cá rán, canh chua và cơm nóng sốt là ngon vô cùng. Nhờ ý thức tự giác, gương mẫu chấp hành kỷ luật của cán bộ, nên phần đông cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 10 hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu và quân quản sau giải phóng.

*

* *

Ngày 9 tháng 4, chúng tôi mới gặp đại diện của Sư đoàn 968, bàn giao địa bàn xong, thì ngày 10 tháng 4 lại nhận điện số 41 của Đại tướng Văn Tiến Dũng. Nội dung như sau:

“Gửi anh Hoàng và Sư đoàn 10. Tôi nhắc lại không dùng Sư đoàn 10 đánh Phan Rang mà theo kế hoạch cơ động, phải hành quân đến Định Quán cách Bảo Lộc 50km, sau đó sẽ hành quân 3-4 ngày nữa, có hướng dẫn sau. Mỗi ngày phải báo cáo 3 lần trong hành quân.

TUẤN”

Tôi xem bản đồ, đoán biết sư đoàn sẽ được tham gia đánh vào Sài Gòn, chúng tôi liền bàn giao Trung đoàn 25 đang bám Phan Rang và rút bộ phận của sư đoàn đang nghiên cứu địch ở đó trở về ngay để hành quân.

Xe của Đoàn 559 đến. Cuộc hành quân của sư đoàn được hình thành 2 khối lớn, trong từng khối lại chia ra làm nhiều bộ phận hành quân cách xa nhau 1 - 2 giờ. Khối 1 có hai Trung đoàn 28, 24, Trung đoàn 7 công binh (thiếu), một tiểu đoàn pháo binh, một tiểu đoàn cao xạ 37 ly, còn lại là khối 2, mỗi khối sẽ cách nhau 2 ngày, dự kiến để khắc phục đường tránh ừn tắc.

Đúng theo lệnh trên, sư đoàn theo trục đường 450 vòng bên phải Phan Rang, qua cánh đồng, vượt nhánh sông Ba Ngòi. Đường 450 um tùm, cây cối đổ ngổn ngang, công binh phải dọn đường, phát cây rất vất vả và phải vá thêm chỗ sụt lở, xe mới đi được.

Trong ngày 10 và 13 tháng 4, địch phát hiện được đường hành quân của ta và cho máy bay ở sân bay Thành Sơn (Phan Rang) đến oanh tạc. Ngày 10 tháng 4 tiểu đoàn công binh chở cầu phà và trinh sát đi trước bị địch bắn cháy 6 xe chở phà, ngày 11 và 12 tháng 4, Trung đoàn 28 bị bắn cháy 5 xe, sư đoàn bộ và Trung đoàn 4 pháo binh sư đoàn bị cháy 7 xe; ngày 13 Trung đoàn 24 bị cháy 9 xe. Đường 450 trở thành “tọa độ lửa”, 2 chiếc thuyền phao cũng bị hủy, một số anh em công binh và chiến sĩ bộ binh bị thương vong. Đến hết đêm 13 tháng 4, khối 1 mới thoát khỏi trục đường 450 vòng vèo, sau đó bám được đường 11 đi Đơn Dương. Tôi đành điện cho khối 2 còn ở Nha Trang - Cam Ranh xuất phát chậm lại.

Khi khối 1 đã qua được một số nhánh sông, do công binh thiết kế cầu phao, thì tôi nhận được lệnh chuyển hướng cho đơn vị trở lại Nha Trang để đi về hướng Buôn Ma Thuột vòng qua Phước Long - Lộc Ninh sẽ có trạm đón.

Lúc này Phan Rang chưa bị đánh. Tôi suy nghĩ nếu quay trở lại đường cũ thì không tránh khỏi bị oanh tạc như đã xảy ra, nên quyết định khối 1 tiếp tục hành quân, đến Di Linh sẽ rẽ sang Kiến Đức và điện cho khối 2 vòng lại Buôn Ma Thuột đi Kiến Đức, cùng hẹn nhau tới ngày 15 tháng 4 hoặc ngày 16 tháng 4 sẽ tập kết đủ hai khối tại Kiến Đức. Chúng tôi điện báo cáo lên cấp trên và được chấp thuận.

Thế là cuộc hành quân khối 1 rẽ từ Di Linh sang Kiến Đức trên chặng đường chẳng khác gì đường 450. Dọc đường nhiều xe ngổn ngang do bọn địch ở Buôn Ma Thuột bỏ chạy, tắc đường, vứt xe lại. Sư đoàn đành cho công binh húc gạt hết xuống vực để hành quân.

Đúng sáng ngày 16 tháng 4 toàn bộ lực lượng sư đoàn đã tập kết đầy đủ tại Kiến Đức. Cùng lúc nghe tin quân ta đã giải phóng được tỉnh Phan Rang (16 tháng 4 năm 1975) Quân đoàn 3 đã đổi sang hướng Tây Ninh.

Đến đây Bộ tư lệnh Sư đoàn cho điện báo cáo lên cấp trên, sau đó liền được lệnh trên yêu cầu tôi bàn giao đơn vị cho đồng chí Hồng Sơn và tôi về ngay quân đoàn để đảm nhiệm chức vụ Tham mưu trưởng Quân đoàn 3. Đồng chí Hồng Sơn trước kia đã là Sư đoàn phó Sư đoàn 320a, sau một thời gian về làm Tham mưu phó mặt trận Tây Nguyên, nay được cử giữ chức Sư đoàn trưởng Sư đoàn 10. Còn đồng chí Quốc Biên - Sư đoàn phó lại được lệnh trên trở lại làm Hiệu trưởng Trường Quân chính của Quân đoàn. Một lần nữa Sư đoàn 10 lại thiếu cấp sư đoàn phó.

Bàn giao xong công việc, tôi và đồng chí Hồng Sơn - Sư đoàn trưởng và đồng chí Lã Ngọc Châu - Chính ủy theo lệnh trên cùng về sở chỉ huy quân đoàn để nhận nhiệm vụ mới. Kết thúc một thời kỳ sôi động trong chiến dịch Tây Nguyên, làm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 10, tôi có chút phân vân luyến tiếc vì không được ở lại Sư đoàn 10 để đánh những trận tiếp theo.

Chương bốn TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Những ngày cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 1975 tình hình trên chiến trường miền Nam chuyển biến rất mau lẹ, cách mạng nước ta đang phát triển sôi nổi nhất với nhịp độ “một ngày bằng 20 năm”.

Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Trị - Thiên – Huế và chiến dịch Đà Nẵng đã đẩy quân địch vào tình thế khốn quẫn. Hai trong số bốn quân đoàn của địch bị xóa sổ, 12 tỉnh được giải phóng: Tiến công quân sự kết hợp nổi dậy của quần chúng, ta đã làm cho hai quân khu của địch tan rã, quyền chủ động chiến lược hoàn toàn nằm trong tay ta.

Ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã kết luận: Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, thời cơ chiến lược để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt cuối cùng của địch đã đến. Từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược cuối cùng bắt đầu, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc. Từ kết luận đó, Bộ Chính trị quyết định: Năm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng” có quyết tâm lớn, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất trong tháng 4, không thể để chậm.

Chiến dịch lịch sử này mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh. Lực lượng gồm bốn quân đoàn 1, 2, 3, 4 và Đoàn 232. Các quân khu, các địa phương trong cả nước đang dành ưu tiên số 1 cho mọi nhu cầu chiến trường trọng điểm.

Tổ chức Quân đoàn 3 lúc đó thực chất là lực lượng cơ động của mặt trận Tây Nguyên (B3) gồm Sư đoàn 320, Sư đoàn 316 và Sư đoàn 10, các đơn vị binh chủng kỹ thuật và trực thuộc. Bộ Tham mưu quân đoàn, ngoài tôi là đại tá Tham mưu trưởng còn có thượng tá Nguyễn Quốc Thước, thượng tá Lê Minh và cấp trên tăng cường thêm thượng tá Nguyễn Thế Nguyên làm Tham mưu phó.

Nhiệm vụ Quân đoàn 3 lúc này là: với lực lượng trong biên chế, có pháo binh, cao xạ của chiến dịch chi viện, đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu của chiến dịch từ Tây Bắc đánh vào Sài Gòn. Phải sử dụng lực lượng chia cắt tuyến phòng thủ của địch ở Đồng Dù, Củ Chi, Trảng Bàng, bao vây sư đoàn 25 nguy không cho chúng co cụm về Sài Gòn, tiến hành tổ chức lực lượng binh chủng hợp thành mạnh đánh thọc sâu vào chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, hiệp đồng với đơn vị bạn chiếm bộ tổng tham mưu nguy, giữ vững mục tiêu đã chiếm, bảo vệ kho tàng, tham gia ổn định trật tự trị an thành phố. Mục tiêu chủ yếu của quân đoàn là sân bay Tân Sơn Nhất và bộ tổng tham mưu nguy.

Đứng trong đội hình Quân đoàn 3, khả năng chiến đấu của Sư đoàn 10 tăng lên gấp bội. Đầu tháng 4 năm 1975, ngay sau khi Cam Ranh giải phóng, Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 đã chỉ thị cho Sư đoàn 10 tranh thủ củng cố đơn vị và khẩn trương tổ chức cơ động vào miền Đông Nam Bộ tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Sau khi trao đổi và nắm tình hình với các đồng chí trong cơ quan tham mưu, tôi liền lên gặp Bộ tư lệnh quân đoàn và tham dự buổi giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 10:

Sư đoàn 10 được tăng cường Trung đoàn đặc công 198, Trung đoàn 64 (Sư 320), hai tiểu đoàn xe tăng thiết giáp gồm 31 xe tăng, 19 xe thiết giáp của Lữ đoàn 273, Trung đoàn cao xạ phòng không 234, hai tiểu đoàn cao xạ của Trung đoàn 232 và 593, một tiểu đoàn pháo gồm 5 pháo 155 ly của Trung đoàn 40, đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu của quân đoàn, hình thành mũi thọc sâu binh chủng hợp thành đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu ngụy cùng đơn vị bạn, sẵn sàng chiếm dinh Độc Lập và biệt khu Thủ đô khi có lệnh sư đoàn còn được cụm pháo binh 4 và 6 của quân đoàn chi viện.

Bộ tư lệnh quân đoàn giao nhiệm vụ xong, tôi tranh thủ hội ý thêm với đồng chí Sư đoàn trưởng Hồng Sơn và đồng chí Lã Ngọc Châu - Chính ủy về tình hình và nhiệm vụ mới, có nhiều đặc điểm khác với lúc Sư đoàn 10 đánh ở Tây Nguyên. Đánh sâu vào thành phố nhiều mục tiêu phức tạp và khó khăn, cần đã thông cho cấp dưới nắm vững mục tiêu chủ yếu, dù khó khăn đến đâu cũng không được dừng quân lại dọc đường, phải biết đánh địch mà đi, mở đường mà tiến.

Tin vui được tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn lan truyền nhanh tới cán bộ, chiến sĩ các đơn vị. Cả Sư đoàn nào nức chuẩn bị hành quân. Những công việc chuẩn bị phức tạp hơn trước, phải giải quyết hàng tuần, hàng tháng thì nay chỉ được phép hoàn thành trong ngày, trong buổi.

Trở về đơn vị, bên cạnh niềm vinh dự, tự hào được trên giao nhiệm vụ trong tâm tư cán bộ, chiến sĩ sư đoàn không ít suy nghĩ và lo lắng.

Bộ tư lệnh quân đoàn lúc này, ở chỉ huy sở có đồng chí Vũ Lăng - Tư lệnh và đồng chí Đặng Vũ Hiệp - Chính ủy còn đồng chí Nguyễn Năng - Tư lệnh phó đã được phân công trực tiếp đi cùng Sư đoàn 316 đảm nhiệm vây cắt lực lượng sư đoàn 25 nguy trên tuyến Trảng Bàng, Gò Dầu Hạ đồng chí Kim Tuấn - Phó tư lệnh đã trực tiếp đi cùng Sư đoàn 320 để chuẩn bị tiến công Đồng Dù, tiêu diệt lực lượng chủ yếu của sư đoàn 25 nguy.

Vì thế Bộ tư lệnh quân đoàn phân công tôi cùng cơ quan tham mưu quân đoàn bám sát Sư đoàn 10, tìm mọi cách tạo điều kiện cho Sư đoàn 10 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đúng là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Sự phân công này giúp tôi có dịp để cùng sư đoàn đánh thắng địch trong nhiệm vụ mới này.

Giữa lúc cơ quan tham mưu quân đoàn đang rất bận rộn để triển khai kế hoạch tác chiến và lên kế hoạch chỉ đạo công tác bảo đảm chiến đấu thì đồng chí Phùng Bá Thường trước kia đã là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 66 thay tôi, đi học về. Tôi liền gặp và nói luôn tình hình cho đồng chí Thường biết: Với cương vị mới đồng chí phải về ngay chỉ huy sở Sư đoàn 10. Đồng chí Phùng Bá Thường về làm Sư đoàn phó Sư đoàn 10.

Triển khai kế hoạch với cơ quan tham mưu xong, tôi liền lên gặp Bộ tư lệnh,

lúc này có mặt cả đại tá Sáu Khâm là đại diện Thành đội Sài Gòn bên cạnh Bộ tư lệnh quân đoàn, cùng với đồng chí Sáu Khâm còn có một đội ngũ cán bộ, nhân viên thành đội tăng cường cho quân đoàn để dẫn đường thành phố. Bộ tư lệnh quân đoàn đang bàn cách khắc phục khó khăn: một là, làm thế nào để không cho địch ra phá mất 2 cái cầu trên trục đường ta tiến quân thọc sâu vào thành phố, hai là làm thế nào để sư đoàn 25 nguy không co cụm lại tạo thành điểm nút ở Củ Chi, Đồng Dù, chặn mất hướng thọc sâu của Sư đoàn 10. Khi tôi có mặt, đồng chí Sáu Khâm liền nêu câu hỏi:

- Đồng chí tham mưu trưởng có cách gì để chặn sư đoàn 25 không co cụm lực lượng về được Củ Chi - Đồng Dù không?

Suy nghĩ một lát, từ kinh nghiệm thực tế bản thân, tôi nêu luôn ý kiến: Tốt nhất bây giờ là ta dùng pháo binh đánh quyết liệt vào sư đoàn 25 trên trục đường từ Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng đến sát Đồng Dù, làm cho lực lượng địch bị “gãy xương sống”, không vực dậy được để về co cụm. Bộ tư lệnh quân đoàn liền nhất trí và lập tức ra lệnh cho đồng chí Quỳnh - Chủ nhiệm pháo binh tổ chức trận đánh bằng pháo binh vào lực lượng sư đoàn 25.

Thế là từ ngày 25 đến 28 tháng 4 liên tục nhiều đợt tác chiến bằng pháo đã diễn ra. Với số lượng pháo binh quân đoàn và pháo cối của đơn vị (27 khẩu pháo 85, 105, 122, 130 và 155 ly cùng 12 khẩu cối 120 ly và 82 ly), cuộc đấu pháo giữa ta và địch đã diễn ra kéo dài liên tục suốt 4 ngày, làm cho 11 trong số 18 trận địa pháo địch bị đánh tê liệt. Ta phá hủy được 22 khẩu pháo 105 ly, 12 khẩu pháo 155 ly của địch, bắn cháy 12 kho đạn và xăng, làm cho lực lượng sư đoàn 25 bị thương vong nhiều, số sống sót phải nằm ỳ một chỗ. Bám sát tình hình kết quả pháo binh bắn, Sư đoàn 316 của ta liền cho lực lượng áp sát vào bao vây khóa chặt quân địch lại ở Phước Mỹ, loại trừ hoàn toàn lực lượng địch lui quân về co cụm ở Củ Chi - Đồng Dù.

Sư đoàn 10 hành quân mãi đến ngày 25 tháng 4 năm 1975 mới tập kết đủ quân tại khu vực Dầu Tiếng, Tây Ninh. Song hầu như không phải yêu cầu gì thêm, vì mọi thứ đã được chuẩn bị đầy đủ ở Nha Trang - Cam Ranh.

Sau khi Bộ tư lệnh chiến dịch phổ biến cho quân đoàn biết cuộc tiến công ở hướng Đông sẽ bắt đầu vào 17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, đồng chí Vũ Lăng - Tư lệnh quân đoàn cùng đoàn cán bộ tham mưu xuống kiểm tra tình hình Sư đoàn 10 và bàn tổ chức hiệp đồng cụ thể. Nỗi lo lắng lúc này là làm sao kết hợp được ba yếu tố: Đánh Đồng Dù với chiếm cầu Bông, cầu Sáng, bảo đảm được kế hoạch thọc sâu.

Nếu đánh Đồng Dù và chiếm cầu Bông, cầu Sáng quá sớm thì địch có thời gian đối phó quyết liệt, ảnh hưởng đến thọc sâu của Sư đoàn 10; ngược lại Sư đoàn 10 thọc sâu khi Đồng Dù chưa kịp vây đánh và cầu Bông, cầu Sáng chưa chiếm được thì Sư đoàn 10 cũng bị ùn tắc. Đây chính là một nội dung tác chiến hiệp đồng rất quan trọng trong chiến dịch đối với Quân đoàn 3. Vì thế Bộ tư lệnh quân đoàn giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 10 chỉ huy luôn cả trung đoàn 198 đặc công và Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320) để nhất quán năm thời cơ dùng 2 đơn vị này chiếm và giữ cầu Bông, cầu Sáng ăn khớp với thọc sâu; đồng thời quân đoàn quy định cho Sư đoàn 10 phải có bộ phận lên bám Sư đoàn 320, bảo đảm thọc sâu đúng lúc Sư đoàn 320 áp sát lực lượng vào tiến công địch ở Đồng Dù.

Thọc sâu vào nội đô, trung tâm lớn, nhiều mục tiêu và lực lượng địch đông, có hệ thống phòng thủ trong công sự vững chắc vì thế quân đoàn đã chỉ thị cho sư đoàn phải chỉ huy chặt chẽ trên cả hai hướng, nắm vững tác chiến hiệp đồng các binh chủng, kết hợp chặt chẽ cả pháo binh, cao xạ và xe tăng đi trong đội hình bộ binh; phải chỉ đạo cho các cấp nắm vững mục tiêu chủ yếu, đánh địch mà đi, mở đường mà tiến, để nhanh chóng chiếm cho được mục tiêu quy định, không được phép dừng quân giải quyết trở ngại dọc đường tiến công.

Trên hướng tiến công của Quân đoàn 3 thực tế lúc đó là hướng địch phòng thủ khá mạnh. Ngoài sư đoàn 25 nguy phòng ngự trên tuyến Đồng Dù, Trảng Bàng, Gò Dầu Hạ thì trên các trục đường 1B (đường 22) khi Sư đoàn 10 đánh thọc sâu còn có thể gặp phải các liên đoàn biệt động quân số 9 và 32, liên đoàn 6 công binh, khoảng hai vạn tên địch ở trung tâm huấn luyện Quang Trung, trung đoàn thiết giáp số 10, lữ đoàn dù số 4; chưa kể hàng chục tiểu đoàn bảo an, cùng lực lượng pháo binh khá lớn (có tới 80 - 86 khẩu pháo từ 105 ly đến 175 ly). Tại sân bay Tân Sơn Nhất có căn cứ sư đoàn 5 không quân, bộ tư lệnh thiết giáp nguy, bộ tư lệnh dù, bộ tư lệnh không quân. Với chiều sâu phòng ngự địch khoảng 100km.

Lúc này, với Sư đoàn 10, qua kiểm tra thực tế và qua các cuộc họp cán bộ quân chính các cấp, việc kiểm tra giáo dục, tổ chức chuẩn bị của các đơn vị thì thấy rằng, hầu hết cán bộ, chiến sĩ đều nhận thức được mức độ quy mô chiến dịch, mục tiêu nhiệm vụ, đường cơ động, khó khăn phức tạp sẽ gặp phải trong quá trình chiến đấu thọc sâu. Mặt khác, mọi người đều tỏ rõ quyết tâm, cảm nhận vinh dự tự hào được cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ trọng yếu nhất, dù thời gian có hạn nhưng quân sự dân chủ trong sư đoàn vẫn được mở rộng, để cán bộ, chiến sĩ bàn bạc những vấn đề có liên quan đến phương án tác chiến và cách khắc phục khó khăn để hoàn thành trách nhiệm được giao.

Bên cạnh đó thì những tin tức qua đài và trên phố biến càng làm cho anh em tin tưởng phần khởi nô nước để lập công thực hiện trọn vẹn Di chúc của Bác Hồ đã dặn.

Ở chỉ huy sở quân đoàn nhận nhíp hăn lên, với thời gian chuẩn bị rất ngắn, nào phải theo dõi kết quả pháo binh bắn, biến động của địch từng giờ từng ngày, nào phải lo lắng bảo đảm đường, bến phà qua sông Sài Gòn, nào phải triển khai gấp hệ thống thông tin xuống các đơn vị, tìm nơi đặt bệnh viện dã

chiến, điều hành các đơn vị qua sông để tập kết ở phía Tây.

Còn một khó khăn nữa là thiếu bản đồ để chỉ huy tác chiến. Cục Chính trị quân đoàn phải tổ chức in sơ đồ thành phố Sài Gòn thu nhỏ để phát cho các đơn vị (tôi phải dùng tấm bản đồ của hãng dầu Shel).

Nhưng điều khó khăn nhất là đánh vào Sài Gòn, chiếm mục tiêu trong nội đô, chưa rõ mục tiêu chỗ nào, địch bố trí cụ thể ở nơi định đánh chiếm và suốt dọc đường thọc sâu ra sao? Không biết cụ thể. Thói quen trước khi đánh, phải tiến hành trinh sát thực địa của người chỉ huy, lập phương án tác chiến ngay tại thực địa, nhưng giờ đây không thể làm được. Chính đây là điểm mới và rất mới khi quân đoàn nhận nhiệm vụ.

Vì vậy việc Bộ chỉ huy thành đội Sài Gòn cử đại tá Sáu Khâm - Tư lệnh phó có mặt thường trực tại trụ sở chỉ huy quân đoàn và các chiến sĩ biệt động Sài Gòn đến giúp đỡ dẫn đường, trong đó có nữ chiến sĩ Nguyễn Trung Kiên cùng mấy đồng chí biệt động trực tiếp đi cùng Trung đoàn 24 và Trung đoàn 28 đã giúp chúng tôi giải tỏa được bớt nỗi lo lắng. Hầu như cán bộ các cấp trong quân đoàn từ trước tới nay chưa ai biết và cũng chưa có ai được một lần bước chân đến Sài Gòn - Gia Định, nếu không có được những chiến sĩ biệt động này thì quân đoàn, sư đoàn cũng khó lần ra đường mà đi, khó tìm ra mục tiêu trong nội đô để đánh. Nếu như xưa kia Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn dạy: “Dùng binh quý nhất là biết địa lợi”; thì ở đây, biết địa lợi là nhờ các đồng chí biệt động Sài Gòn.

* TỔNG CÔNG KÍCH

Đến ngày 28 tháng 4 năm 1975 theo thông báo của cơ quan Bộ tư lệnh chiến

dịch: sau 2 ngày tiến công, Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 (Quân khu 5) ở hướng Đông Nam đã chiếm Long Thành, Đức Thạnh, Bà Rịa, căn cứ Nước Trong. Quân đoàn 4 phát triển dọc đường số 1 đã làm chủ Trảng Bom, tiến công Hồ Nai và kết hợp với trận địa pháo binh ở Hiếu Liêm làm tê liệt sân bay Biên Hòa. Đoàn 232 và Quân khu 8 ở hướng Tây và Tây Nam đã ra cắt đường số 4, giam chân sư đoàn 7 và sư đoàn 22 địch ở hướng này, chiếm giữ được đầu cầu An Ninh, Lộc Giang trên sông Vàm Cỏ. Quân đoàn 1 ở hướng Bắc đã diệt được một số trận địa pháo, làm chủ đoạn đường số 16. Trung đoàn Gia Định đã đánh chiếm và làm chủ con đường vành đai Sài Gòn từ cầu Bình Phước đến Quán Tre, mở cửa qua chương ngại vật phía bắc sân bay Tân Sơn Nhất. Đúng 15 giờ 40 phút, một biên đội máy bay A37 gồm 5 chiếc của ta, do Nguyễn Thành Trung dẫn đầu đã cất cánh từ sân bay Thành Sơn ném hàng loạt bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy một số máy bay, những cột khói bốc cao, làm địch trở nên rất hỗn loạn.

Theo nhận định của Bộ tư lệnh chiến dịch, trong 2 ngày đêm đầu của chiến dịch, các cánh quân của ta thực hiện đúng kế hoạch. Cho nên Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận vào sáng ngày 29 tháng 4 để tiến vào Sài Gòn.

Tôi hiểu như thế là đến ngày 28 tháng 4 năm 1975, thế trận chiến dịch để đánh thọc sâu đã được hoàn chỉnh, ta đã đẩy địch vào thế hoàn toàn bị động.

Sau khi nhận được mệnh lệnh tổng công kích Bộ tư lệnh Quân đoàn đã ra lệnh cho Sư đoàn 320 và Sư đoàn 10 vào chiếm lĩnh trận địa, trong đó nhắc nhở Sư đoàn 10 phải nắm chắc Trung đoàn đặc công 198 và Trung đoàn 64 phối thuộc, xử trí kịp thời kế hoạch đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng và bàn đạp Hóc Môn.

Cầu Bông nằm trên trục đường số 1, cầu Sáng nằm trên trục đường 15. Thực

tế hai cầu này buộc ta phải đi qua vì đường độc đạo, xung quanh là đầm lầy và cánh đồng lúa Hậu Nghĩa, Củ Chi; ta không có con đường nào khác để cho xe tăng, thiết giáp, pháo binh và bộ binh cơ giới cơ động được để vào nội thành. Ở mỗi khu vực cầu, địch đã đặt sẵn một khối lượng thuốc nổ để khi cần thì chúng phá cầu và có quân chiếm giữ.

Theo sự phân công của sư đoàn thì Trung đoàn 24 phụ trách trên hướng chủ yếu của sư đoàn sẽ tiến quân theo đường số 1 qua cầu Bông, còn Trung đoàn 28 tiến theo trục đường 15 qua cầu Sáng; tạo thành hai hướng đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Đến 2 giờ 30 sáng 29 tháng 4, Sư đoàn 320 đã triển khai xong Trung đoàn 48 cùng xe tăng tiến công Đồng Dù, các trận địa pháo binh quân đoàn bắt đầu bắn phá. 5 giờ 30 sáng 29 tháng 4, Sư đoàn 320 ra lệnh tổ chức đột phá và cho bộ đội vào đánh chiếm Đồng Dù. Trận đánh đã xảy ra rất quyết liệt. Khi lực lượng bộ binh cùng xe tăng lọt được vào trong căn cứ, thì đội hình binh chủng hợp thành của Sư đoàn 10 cũng theo đường 1B tiến vào.

Đội hình đi đầu Sư đoàn 10 là Trung đoàn 24, theo kế hoạch phải vòng tránh quận lỵ Củ Chi, song trên cơ sở nắm được tình hình địch tan vỡ vì Sư đoàn 316 đã chuyển sang tiến công đập tan tuyến phòng ngự của địch từ sát Đồng Dù đến Gò Dầu Hạ, nên chỉ huy Sư đoàn 10 quyết định cho Trung đoàn 24 tiến thẳng theo đường 1B thọc qua quận lỵ Củ Chi.

3 giờ 30 phút sáng 29 tháng 4 tiểu đoàn 20 Trung đoàn 198 đánh chiếm cầu Bông, Sư đoàn 10 phải lệnh cho Trung đoàn 64 đưa lực lượng đến tiếp sức khi địch phản kích dữ dội. Sau 50 phút chiến đấu, ta làm chủ được cầu Bông và bố trí lực lượng chiếm giữ. Riêng trên hướng cầu Sáng, lực lượng đặc công thuộc Trung đoàn 198 vào tới vị trí triển khai thì trời đã sáng, sư đoàn phải sử dụng tiểu đoàn 7 Trung đoàn 64, sau 30 phút diệt xong bọn địch,

chiếm được cầu, lực lượng Trung đoàn 64 tiếp tục đánh tan rải tiểu đoàn biệt động quân ở ấp phố Mới. Hai tuyến đường đều thông suốt.

Đúng 5 giờ 30 sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975 Trung đoàn 24 Sư đoàn 10 được lệnh xuất kích. Trung đoàn 24 do đồng chí Vũ Văn Tài làm Trung đoàn trưởng và đồng chí Bùi Văn Hòe - Chính ủy trung đoàn đã chỉ huy đơn vị lần lượt cơ động. Khối cơ động thứ nhất là trinh sát trung đoàn, đại đội bộ binh, 13 xe tăng và xe bọc thép, 2 xe Zin, do tiểu đoàn phó tiểu đoàn 5 chỉ huy có nhiệm vụ đánh mở đường. Khối thứ hai gồm tiểu đoàn bộ binh 5, các đại đội trinh sát, công binh, cao xạ và chỉ huy trung đoàn. Khối này có 8 thiết giáp và xe tăng, đại đội pháo xe kéo 3 khẩu, một xe chở đạn và 26 xe chở quân, có nhiệm vụ làm lực lượng đột kích một. Khối thứ ba gồm tiểu đoàn bộ binh 4, 8 xe tăng, 10 xe chở pháo đạn, 20 xe vận tải có nhiệm vụ làm lực lượng đột kích hai. Khối cơ động thứ tư gồm tiểu đoàn bộ binh 6, đại đội cao xạ, quân y vận tải, 28 xe tải có nhiệm vụ làm lực lượng dự bị cho trung đoàn. Theo sau là 30 xe của các tiểu đoàn pháo, công binh, tiểu đoàn cao xạ của sư đoàn. Hầu hết các xe đều cắm đầy lá ngụy trang, đi hàng dọc âm thầm lao về hướng Sài Gòn. Trên trục đường có lộ tiêu chỉ dẫn vượt qua cánh đồng hoang, rồi theo đường số 4, rẽ vào đường 1B tiến về hướng Củ Chi.

Đến 9 giờ sáng ngày 29 tháng 4, đội hình hành quân của Trung đoàn 24 đã đến Gò Nổi; sư đoàn thông báo tình hình cho trung đoàn biết, đơn vị bạn đang đánh vào Đồng Dù, còn lực lượng ta đã chiếm xong cầu Bông, cầu Sáng.

Tiến ra đường 1B còn cách Củ Chi 4km thì bị địch ngăn chặn, lập tức đội xe M48 của ta nổ súng diệt luôn 5 xe địch; bọn còn sống tháo chạy dạt ra 2 bên.

11 giờ 30 phút, trung đoàn đến được Tân Phú Trung, thì một đoàn xe địch khoảng 30 chiếc từ Hậu Nghĩa chạy quặt về đường 1B, bị lực lượng của ta

chốt chặn giữ cầu Bông chặn đánh, địch phải ùn lại. Trung đoàn trưởng Vũ Văn Tài lập tức ra lệnh cho lực lượng đi đầu gồm đại đội 7 của tiểu đoàn 5 cùng xe tăng, thiết giáp lao thẳng vào đội hình địch. Pháo binh và bộ binh đánh vào phía sau địch, làm cho quân địch hoàn toàn bị rối loạn, xe tăng, thiết giáp địch chạy nhào xuống cánh đồng, lính địch vứt xe, tháo chạy, kết quả ta bắt sống và bắn cháy 28 xe địch nằm ỳ giữa cánh đồng.

Bắt liên lạc được với đơn vị bạn ở cầu Bông, trung đoàn lập tức tiến lên phía trước, cùng lúc Sư đoàn 320 đánh chiếm xong căn cứ địch ở Đồng Dù, truy kích bắt gọn tên sư đoàn trưởng sư đoàn 25 ngụy Lý Tông Bá (một tên hung hăng nhất của quân ngụy ở Kon Tum, năm 1972).

13 giờ, trung đoàn đến được sát thành Quan Năm. Bọn địch ở đây ra chặn đường, trung đoàn liền dùng đại đội 7 bộ binh cùng xe tăng, thiết giáp chia làm 3 mũi đánh trả, và bắn súng cối vào thành Quan Năm, làm nổ kho đạn, gây cháy lớn. Vượt qua được thành Quan Năm, đội hình trung đoàn tiến theo đường số 1B đến trại Quang Trung. Khi còn cách 200m thì bị pháo lớn cùng máy bay đến bắn phá chặn đường tiến. Cao xạ của ta đã tích cực đánh trả máy bay địch, bắn rơi một máy bay trực thăng vũ trang. Pháo binh chiến dịch và pháo binh sư đoàn bắn tập trung vào trại Quang Trung, phân đội đi đầu của ta diệt được 6 xe tăng địch cản đường, công binh trung đoàn đánh bật được hệ thống chướng ngại vật và quét sạch mọi trở ngại trên trục đường.

Cuộc hành quân thọc sâu lại được tiếp tục, nhưng bọn địch ở trại Quang Trung còn rất đông và vẫn đang ra sức đánh trả đội hình ta.

Trung đoàn liền để lại một lực lượng phối hợp với tiểu đoàn 115 đặc công tiếp tục đánh trại Quang Trung, còn đội hình chính của trung đoàn tiếp tục tiến quân. Đến 17 giờ vượt qua được cầu Tham Luông, 18 giờ tiến đến Nhà máy dệt Vinatécô liền gặp một tiểu đoàn bảo an, một tiểu đoàn dù và một chi đội xe tăng, thiết giáp địch đang bố trí thành tuyến phòng ngự ngăn chặn ta. Địch ra sức chống cự quyết liệt, pháo binh bắn phá dữ dội, máy bay địch đến ném bom, chúng sử dụng cả đạn hóa học, đạn cháy và bom napan làm đội hình của trung đoàn bị ùn tắc lại và có thương vong. Trung đoàn liền ra lệnh cho bộ đội triển khai dẫn đội hình ra và điều thêm hỏa lực lên đánh.

Sau khi điều được 2 khẩu pháo 85 ly lên bắn thẳng kết hợp với hỏa lực xe tăng và cối 82 ly đánh tập trung vào quân địch, tiểu đoàn 6 của trung đoàn đưa đại đội 7 và đại đội 5 cùng với xe tăng thiết giáp chia thành 2 mũi, 2 đại đội pháo cao xạ 37 ly của Trung đoàn 234 triển khai ngay trên đường phố, đánh trả máy bay địch, trận địa địch bị phá vỡ, ta chiếm được đồn bảo an và xưởng dệt Vinatécô một số địch bị diệt và bị bắt, số còn lại chạy về ngã ba Bà Quẹo, thừa thắng ta truy kích chiếm được ngã ba.

Trước tình hình đang nguy ngập, địch điều thêm lực lượng từ trong sân bay ra lập tuyến ngăn chặn ở ngã tư Bảy Hiền. Trung đoàn liền cho lực lượng áp sát lên sát tuyến địch đang bố trí và dùng hỏa lực đánh địch. Hai kho bom và đạn pháo 155 ly của địch bị pháo đạn ta đánh trúng, bốc cháy dữ dội. Tiểu đoàn 5 của trung đoàn lợi dụng thời cơ đi sát mé đường phía Nam áp sát địch, cấu trúc được công sự trận địa gần tuyến địch đang bố trí ở ngã tư Bảy Hiền. Lúc đó là 21 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975.

Tình hình thực tế ngày 29 tháng 4 năm 1975 cuộc hành quân của Trung đoàn 24 đã là mũi thọc sâu vào nội đô sớm nhất, còn hướng Trung đoàn 28 lại gặp trở ngại.

Sáng 29 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 28 dưới sự chỉ huy của Trung đoàn trưởng Nguyễn Đức Cầm và Chính ủy trung đoàn Nguyễn Ngọc Xuân được lệnh xuất kích. Khối đột kích thứ nhất gồm lực lượng trinh sát của trung đoàn, tiểu đoàn 3 bộ binh, 14 xe tăng T54 và K63, 11 ô tô vận tải, một cối 82 ly, một ĐKZ 75 ly, một khẩu 12 ly 7 một tiểu đội công binh. Khối đột kích thứ hai của trung đoàn gồm tiểu đoàn bộ binh 1, một ĐKZ 75, một cối 82 ly, một khẩu 12 ly 7, khi bước vào chiến đấu sẽ được chuyển thuộc 6 xe tăng và K63. Trung đoàn sử dụng tiểu đoàn 2 làm lực lượng dự bị. Lực lượng pháo binh, cao xạ được tổ chức cơ động cùng các khối trực tiếp chi viện hỏa lực cho các mũi tiến công.

Sau khi trung đoàn vượt qua các trạm điều chỉnh, tiến theo đường công binh mới mở, 8 giờ 20 phút bộ phận đi đầu của Trung đoàn đã đến cách Phú Hòa Đông khoảng 2km thì mất lộ tiêu, phân đội xe tăng đi đầu bị lạc đường, địch ở Tân Quy phát hiện được đã chỉ điểm cho pháo binh bắn nên đội hình hành quân của trung đoàn trở nên lộn xộn. Trước tình hình đó, Trung đoàn trưởng Nguyễn Đức Cầm quyết định cắt đường tiến thẳng vào Phú Hòa Đông. Cách Phú Hòa Đông 500m, địch đối phó dữ dội, làm cho liên lạc giữa trung đoàn với khối đột kích một bị mất liên lạc, song bộ binh và xe tăng ta vẫn kiên quyết tiến công, triển khai lực lượng trên nhiều hướng đánh vào, bọn địch trong đồn phát hiện xe tăng và bộ binh ta đã áp sát, chúng liền hoảng loạn bỏ chạy. 11 giờ 30 phút, trung đoàn tiến về phía Tân Quy. Địch trong quận Phú Hòa, Tân Quy cùng một bộ phận sư đoàn 25 dùng xe tăng và pháo cối đánh trả quyết liệt, cho đến lúc xe tăng ta bắn cháy hai xe tăng địch và một số xe bọc thép thì địch hoảng loạn chạy về hướng Thủ Dầu Một. Trưa 29 tháng 4, trung đoàn đã làm chủ được khu vực Tân Quy và tiếp tục theo đường 15 về hướng Hóc Môn. Khi qua cầu Sáng, do đội hình đi quá dày đặc, chiếc xe tăng thứ ba của ta vượt được ba phần tư cầu, thì cầu bị gãy, nên bị rơi xuống sông. Trung đoàn trưởng Nguyễn Đức Cầm và Trung đoàn phó Đỗ Công Mùi trực tiếp lên kiểm tra thấy hai bên đường đều sinh lầy phức tạp, khó cơ động

được, liền đề nghị lên sư đoàn cho đơn vị quay lại Tân Quy, theo đường số 8 ra đường 1B để tiến về Hóc Môn, lúc đó đã 13 giờ 20 phút, được Bộ tư lệnh quân đoàn và sư đoàn đồng ý, trung đoàn vòng quay trở lại Tân Quy rồi ra đường 1B sau Trung đoàn 24, đến được Hóc Môn lúc trời đã chiều tối. 18 giờ, đội hình trung đoàn đến được ngã tư Quang Trung bị địch ngăn chặn; địch dùng M79, B90 bắn cháy của ta hai xe tăng và 2 xe K63 buộc lực lượng của trung đoàn phải dừng lại tại gần ngã tư, phân tán đội hình làm công sự, tổ chức lại mạng liên lạc với các bộ phận.

Trong đêm 29 tháng 4 năm 1975 qua thông báo của Bộ tư lệnh chiến dịch, cuộc tiến công của quân ta trên các hướng đều phát triển thuận lợi. Ở phía bắc Sài Gòn Quân đoàn 1 đã đến Lái Thiêu, cách Sài Gòn 30km; quân đoàn đang tổ chức tiến công dồn dập vào căn cứ quân sự Phú Lợi và cơ động lực lượng về hướng cầu Bình Triệu. Ở hướng đông Sài Gòn, quân ta đánh chiếm, làm chủ Vũng Tàu, Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ và đang tiến về Cát Lái, cầu xa lộ Đồng Nai - Thủ Đức. Ở phía nam và tây nam, ta làm chủ thị xã Hậu Nghĩa, quận lỵ Đức Hòa, bức rút Đức Huệ, chiếm ngã ba Vĩnh Lộc, cầu Sáng, cắt lộ 4, đang phát triển tiến công ở cầu Guộc, Hưng Long. Lực lượng vũ trang Sài Gòn - Gia Định đã tích cực diệt ác ôn, làm áp lực cho quần chúng nổi dậy ở một số nơi. Trung đoàn bộ binh Gia Định đã quét sạch bọn phòng vệ dân sự ở 2 xã Tân Thới Thượng và Tân Thới Nhất, cùng bộ đội địa phương và du kích Củ Chi bức rút, bức hàng các chốt địch trong các xã, ấp. Chiều 29 tháng 4 toàn quận Củ Chi đã được giải phóng, cờ cách mạng đã xuất hiện nhiều nơi như Bình Hòa, Phú Nhuận, Bàn Cờ, Vườn Chuối, đường Trần Quốc Toản, cư xá Lữ Gia, Tân Phú, Phú Lâm...

23 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, Bộ tư lệnh chiến dịch đã lệnh cho Quân đoàn 3 dùng lực lượng đánh chiếm bộ tổng tham mưu nguy, không chờ đơn vị bạn đến hiệp đồng.

Đồng chí Tư lệnh Quân đoàn 3 liền trao đổi với tôi và số cán bộ tham mưu trực chiến, thấy rằng lực lượng Sư đoàn 10 còn rất sung sức, Trung đoàn 66

dự bị của sư đoàn đang tiến quân bám sát phía sau; Trung đoàn 28 chưa bị thương vong nhiều. Có ý kiến cho rằng, sử dụng Trung đoàn 66 sẽ chắc tay, lại có ý kiến dùng Trung đoàn 28 đang trong tư thế tăng cường đầy đủ xe tăng thiết giáp và cao xạ và đang ở sát gần sau Trung đoàn 24, việc đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất giao cho Trung đoàn 24 cũng đủ sức giải quyết.

Sau khi xem xét các ý kiến trên, Bộ tư lệnh quân đoàn liền quyết định giao cho Bộ tư lệnh Sư đoàn 10 dùng Trung đoàn 28 để đánh vào bộ tổng tham mưu của quân ngụy.

5 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 cơ quan chỉ huy của Quân đoàn 3 di chuyển giữa ban ngày lên khu vực Tân Thới Thượng và Tân Thới Nhất để bám sát Sư đoàn 10. Đường dây liên lạc hữu tuyến đã được thiết lập xong trong đêm 29 tháng 4, giữ được đầu mối liên lạc với các đơn vị trong quân đoàn.

Suốt trong đêm 29 tháng 4, từ Tư lệnh quân đoàn đến chiến sĩ đều không ngủ; một mặt, lo phương án tác chiến cho ngày mai, một mặt lo tiếp tế, bổ sung và giải quyết hậu quả sau một ngày chiến đấu; cán bộ chính trị cũng như cán bộ tham mưu, hậu cần đều phải xuống sâu sát đơn vị từng phân đội để giáo dục động viên, xây dựng quyết tâm kiên trì đánh đến phút cuối cùng và giải quyết cụ thể các yêu cầu cần thiết cho các phân đội, bộ đội đang gặp khó khăn. Mọi người trong quân đoàn ai cũng quyết tâm, hứa hẹn xả thân làm nhiệm vụ. Ở phía trước từng nơi các đơn vị đang bố trí, nhân dân dọc đường phố và ở các thôn xóm đã lợi dụng ánh sáng đèn dù của máy bay địch đi từng tốp nhỏ ra sát từng phân đội bộ đội để úy lạo động viên. Có thể nói, đây là một đêm rực lửa anh hùng trong tâm tư của mỗi người. Qua một ngày chiến đấu tuy có thương vong nhưng không một ai dao động lùi bước thậm chí trong các đơn vị Sư đoàn 10 còn có phong trào thi đua nhau, xung phong vào tổ cầm cờ lên chỉ huy sở của địch ở sân bay Tân Sơn Nhất, ở Bộ tổng tham mưu quân ngụy. Ngoài việc tới tập nhận các tình hình của các đơn vị, giải quyết các yêu cầu cấp thiết mà các đơn vị đòi hỏi, cơ quan quân đoàn còn coi

trọng việc phổ biến những nhận xét, đánh giá của bộ chỉ huy chiến dịch, của Bộ tư lệnh quân đoàn, đặc biệt coi trọng và phổ biến kỹ càng những lời động viên, hiệu triệu và khen ngợi của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, của Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh.

Trong đêm 29 tháng 4, Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 đề nghị lên Bộ chỉ huy chiến dịch cho Quân đoàn 3 tiến công đánh chiếm ngay sân bay Tân Sơn Nhất. Bộ tư lệnh chiến dịch cho biết: Hãy đợi pháo binh tầm xa ở hướng Nhơn Trạch đánh phá vào các mục tiêu rồi mới đánh.

5 giờ 25 phút ngày 30 tháng 4, tôi và anh Vũ Lăng cùng một bộ phận cán bộ chủ chốt cơ quan quân đoàn (tất cả gồm hơn mười người) đã có mặt ở sở chỉ huy Sư đoàn 10 ở phía nam Hóc Môn để theo dõi và chỉ đạo sư đoàn đột kích.

6 giờ 15 phút, từ sở chỉ huy Sư đoàn 10, anh Vũ Lăng ra lệnh tiến công. Toàn bộ các trận địa pháo của quân đoàn và Sư đoàn 10 đồng loạt nhả đạn vào các mục tiêu được phân công. Sân bay Tân Sơn Nhất, bộ Tổng tham mưu ngụy, bộ tư lệnh dù, bộ tư lệnh không quân... chìm trong khói lửa.

Khói lửa mịt mù tiếng đạn, pháo rền vang khắp thành phố, các cánh quân háo hức chờ đợi.

Giờ phút quyết định cuối cùng số phận quân lực Việt Nam cộng hòa đã đến. Đại tướng Văn Tiến Dũng ra lệnh tổng tiến công đúng giờ G quy định. Năm hướng của các đơn vị (quân đoàn 1, 2, 3, 4) và Đoàn 232 đều hướng vào Sài Gòn tiến công. Tâm tư hết thảy mọi cán bộ, chiến sĩ đều vang lên khẩu hiệu: Hãy tiến lên để đền ơn Bác. Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh như đang thúc

giục các đoàn quân xông lên phía trước để giải phóng miền Nam thân yêu, thống nhất Tổ quốc.

Qua chiếc đài nhỏ thu thanh, tôi nghe rõ Đài tiếng nói Việt Nam vang lên lời của phát thanh viên: Hoan hô Quân giải phóng, cả nước đang chờ tin thắng trận của các bạn.

Tôi bám kịp Trung đoàn 24 lúc trận đánh ở ngã tư Bảy Hiền vừa xảy ra. Đồng chí Vũ Văn Tài - Trung đoàn trưởng đã tóm lược trận đánh cho tôi biết như sau:

Trong đêm 29 tháng 4 Trung đoàn 24 thấy địch tập trung lực lượng lập tuyến phòng ngự mạnh từ ngã tư Bảy Hiền đến sát ngã ba Bà Queo, nên trong đêm mặc dầu gặp rất nhiều khó khăn, nhưng trung đoàn đã cho lực lượng tiến sát được mục tiêu đã chuẩn bị đầy đủ mọi mặt. Đến sáng 30 tháng 4, khi pháo binh các cấp đánh phá mãnh liệt vào các mục tiêu thì trận đánh của trung đoàn ở ngã tư Bảy Hiền cũng xảy ra rất quyết liệt. Tiểu đoàn 8 dù, lực lượng biệt khu Thủ đô, chi đoàn xe tăng, xe bọc thép của địch lợi dụng nhà gác, sân thượng nhà cao tầng, ngõ hẻm, ngã ba, ngã tư chặn đánh ta. Ta dùng xe tăng, xe bọc thép và bộ binh đột phá mở đường, vừa dùng hỏa lực đánh mãnh liệt vào hướng đánh chính diện, vừa dùng một mũi có chiến sĩ biệt động dẫn đường đánh vu hồi từ phía bệnh viện “Vĩ dân” thọc sườn vào quân địch. Cuộc chiến đấu phải giành giật nhau từng căn nhà, góc phố. Bộ đội ta phải phát huy sức mạnh đánh gần, áp sát đánh giáp lá cà với địch. Nhiều cán bộ, chiến sĩ ta hy sinh và bị thương. Cán bộ và chiến sĩ tiểu đoàn 5 càng trút hết cảm thù lên lưỡi lê mũi súng đánh địch. Khi kết hợp được chặt chẽ với xe tăng, thiết giáp, bộ binh dùng B40, B41 diệt xe tăng địch hai xe tăng địch bốc cháy tại chỗ, buộc quân địch vừa đánh vừa phải lui dần. Thừa thắng, bộ đội ta càng bám sát quân địch để đánh tiêu diệt. Nhiều gương chiến đấu dũng cảm, tiêu biểu là hai chiến sĩ Tố và Việt tuy mới nhập ngũ nhưng đã vượt lên trước đội hình xe tăng, tảo bạo dùng B40, B41 và AK đánh diệt xe tăng và bộ binh địch. Cuối cùng ta đã chiếm được ngã tư Bảy Hiền. Địch phải bỏ lại mấy

chục xác chết và hàng chục lính bị thương, 10 xe tăng địch đã bị phá hủy tại chỗ, nhiều ô tô bốc cháy.

Trong khi tiểu đoàn 5 cùng xe tăng, xe thiết giáp giải quyết bọn địch ở ngã tư Bảy Hiền thì trung đoàn cũng điều động tiểu đoàn 4 và tiểu đoàn 6 vận động lên để tăng cường lực lượng chiếm sân bay.

Tôi tiếp tục cùng Trung đoàn 24 theo dõi cuộc đánh chiếm sân bay. 8 giờ 45 phút đội hình tiến công của tiểu đoàn 5 và xe tăng thiết giáp phát triển đến được tây nam cổng số 5. Khi bộ binh và xe tăng ta tiến cách địch 100m thì bị hỏa lực B90, ĐKZ, hỏa tiễn X202 cùng xe tăng trong lô cốt, trong công sự bao cát và trên các nhà tầng chặn đánh dày đặc. Hai xe tăng và 1 chiếc K63 thiết giáp của ta bị bắn cháy, mũi đột phá đại đội 7 phải chùn lại.

Trung đoàn phó Trương Văn Việt cùng tiểu đoàn trưởng Lê Xuân Chuyên và tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 xe tăng Chu Khánh Toàn phải lên trực tiếp nắm lại tình hình để đột phá tiếp. Trung đoàn điều thêm 4 xe tăng của đại đội xe tăng 2 và hai khẩu pháo 85 ly lên để chi viện cho đại đội 5 đột phá. Nhưng 2 khẩu pháo 85 ly vừa lên triển khai, liền bị địch bắn trúng, đạn nổ cháy xe, pháo thủ bị thương vong hết, pháo hỏng không dùng được. Lúc đó xe tăng lên chi viện kịp thời kết hợp hỏa lực cối, ĐKZ và 12 ly 7 đánh mãnh liệt vào địch nên các chiến sĩ đại đội 5 đã xung phong đánh chiếm được đầu cầu.

Đại đội 2 xe tăng liền tiến lên chi viện đánh phát triển, nhưng khi vòng sang trái thì 3 xe tăng bị địch bắn hỏng. Các kíp xe liền bám vào thành xe dùng súng 12 ly 7 và đại liên đánh trả địch. Pháo thủ Nguyễn Trần Doãn bị thương dập nát tay, liền nhờ đồng đội cắt bỏ cánh tay và tiếp tục chiến đấu. Đến 9 giờ 45, đại đội 5 chiếm được cổng số 5 sân bay rồi cùng đại đội 6 phát triển đánh vào bên trong. Tiểu đoàn 5 dùng đại đội 7 giữ cửa mở, đại đội 5 chiếm khu truyền tin, bộ tư lệnh sư đoàn 5 không quân, sau đó phát triển vào trung

tâm sân bay, chia cắt địch với bộ tổng tham mưu nguy, đại đội 6 chiếm khu điện nước, khu cổ vấn, ra-đa. Đến 10 giờ 30 phút một mũi của đại đội 5 bắt được 57 tên địch, trong đó có 3 tên đại tá: Lê Hữu Tiến - chỉ huy trưởng khu truyền tin, Trần Quang Thái - phụ trách chiến tranh tâm lý, Nguyễn Duy Phụng - chỉ huy phó sư đoàn 5 không quân, bắn cháy một máy bay L19. 11 giờ tiểu đoàn 5 chiếm được sân bay, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều sĩ quan và binh lính địch.

Lúc 9 giờ, tiểu đoàn 4 và tiểu đoàn 6 vận động lên, dọc đường một số chiến sĩ bị thương vong vì bom pháo địch. Nhưng sau khi tiểu đoàn 5 mở được thông cửa mở và đánh vào bên trong thì tiểu đoàn 4 cũng tiến lên đột phá, dùng đại đội 2 chiếm bộ tư lệnh dù, tiểu đoàn 6 vào chiếm bộ tư lệnh không quân nguy và bắt liên lạc được với phái đoàn ta trong Ủy ban liên hiệp 4 bên ở trại Đa Vít.

Đúng 11 giờ 30 phút, lá cờ quyết chiến quyết thắng của quân đội ta được các chiến sĩ đại đội 10 và đại đội 11 tiểu đoàn 6 kéo lên đỉnh cột cờ bộ tư lệnh không quân nguy, báo hiệu quân ta đã làm chủ hoàn toàn sân bay Tân Sơn Nhất.

Theo dõi nắm bắt tình hình ở hướng Trung đoàn 28; sau khi nhận được lệnh của quân đoàn và sư đoàn quyết định dùng Trung đoàn 28 nhanh chóng tiến công thọc sâu chiếm bộ tổng tham mưu nguy, trung đoàn đã đề nghị cho đơn vị cơ động theo đường 1B.

9 giờ ngày 30 tháng 4, đội hình đi đầu của trung đoàn đã đến ngã tư Bảy Hiền, định tiến thẳng đến Lăng Cha Cả, nhưng lại gặp Trung đoàn 24 đang đánh chiếm các mục tiêu ở phía bắc chùa. Đường Võ Tánh bị xe cháy làm tắc nghẽn, trung đoàn liền được lệnh của sư đoàn quyết định cho đội hình tiến theo đường Trương Minh Ký, qua nhà thờ Tân Sa Châu, rẽ sang đường Thái

Ngọc Hậu, rồi sang đường Võ Tánh.

9 giờ 30 phút, lực lượng đi đầu của trung đoàn tiến cách Lăng Cha Cả 200m thì bị địch ngăn chặn dữ dội. Địch vừa sử dụng xe tăng trong công sự bắn ngăn chặn, vừa dùng các loại hỏa lực B90, ĐKZ, hỏa tiễn X202, đại liên, súng cối bắn xối xả vào đội hình. Tham mưu trưởng Sư đoàn Võ Khắc Phụng và Trung đoàn phó Đỗ Công Mùi bèn tiến lên trực tiếp tổ chức cuộc chiến đấu, ra lệnh cho xe tăng, thiết giáp và bộ đội phải vừa đánh vừa mở đường. Sau 20 phút chiến đấu quyết liệt, ta bắn cháy 1 xe tăng địch và diệt được một số tên, bọn lính dù của địch liền bỏ chạy về bộ tổng tham mưu. Thừa thắng, ta truy kích diệt tiếp 2 xe tăng địch định chạy tháo thân và áp sát được đến trước cổng bộ tổng tham mưu nguy.

Cùng lúc cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 28 tiến công bộ tổng tham mưu nguy, lực lượng của Sư đoàn 302B (Quân đoàn 1) cũng đã đánh chiếm được khu nhà tầng, trận địa pháo binh, khu thông tin... rồi bắt liên lạc được với Trung đoàn 28, cùng phối hợp đánh chiếm khu vực bộ tổng tham mưu nguy.

Phát hiện lực lượng của ta, địch cho bộ binh và xe tăng từ trong cổng bắn ra và đóng chặt cửa cổng lại. Một mũi địch từ phía Nam tới phản kích. Đến 10 giờ, tiểu đoàn 3 của trung đoàn đột phá, đánh bật được cổng chính; xe tăng 815 của ta do Đại đội phó Đỗ Hồng Kỳ chỉ huy bắn cháy chiếc xe tăng đi đầu của địch và một chiếc xe M113 đi sau. Một đại đội địch đến phản kích đầu hàng, số còn lại tháo chạy tán loạn. Lập tức trung đoàn điều động cả tiểu đoàn 1 và tiểu đoàn 2 tràn vào thành hai mũi, một mũi đánh về phía Đông Nam, một mũi đánh thẳng vào bên trong. Kết hợp xe tăng và bộ binh, sau khi diệt tiếp được 3 xe tăng M41 của địch thì vừa đúng 11 giờ 30 phút, đội hình của trung đoàn đã đập tan được mọi sự chống cự của địch và triển khai truy quét khắp nơi. Lá cờ chiến thắng của trung đoàn được đại đội 10 anh hùng cắm lên tầng cao nhất của ngôi nhà bộ tổng tham mưu quân nguy. Lá cờ quyết chiến, quyết thắng tung bay trước gió, báo hiệu quân ta đã hoàn toàn giành được thắng lợi.

Cùng thời gian, các đơn vị bạn chiếm dinh Độc Lập, biệt khu Thủ đô, tổng nha cảnh sát, trụ sở bộ quốc phòng, toàn bộ Sài Gòn - Gia Định được hoàn toàn giải phóng.

Chiến dịch Hồ Chí Minh - trận quyết chiến cuối cùng đại thắng.

Thành phố Sài Gòn - Gia Định hoàn toàn được giải phóng!

Miền Nam thân yêu của Tổ quốc được giải phóng!

Cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 - đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã toàn thắng. Sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình độc lập và thống nhất đất nước của nhân dân ta đã thắng lợi hoàn toàn.

Trải qua chặng đường chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, của Nhà nước và quân đội, Sư đoàn 10 đã lập nên những chiến công chói lọi. Từ Tây Nguyên tới Nha Trang - Cam Ranh, Sài Gòn, Sư đoàn 10 đều luôn luôn phát huy được truyền thống chiến đấu “quyết chiến quyết thắng” của lực lượng chủ lực cơ động mặt trận Tây Nguyên, đã thể hiện được sức mạnh chiến đấu lớn, sức đột kích mạnh, tính chủ động, cơ động linh hoạt cao, cùng với tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục mọi khó khăn, mưu trí linh hoạt vận dụng giỏi các hình thức chiến thuật và các thủ đoạn chiến đấu, chấp hành triệt để mệnh lệnh cấp trên giao phó.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, sư đoàn đã lập công xuất sắc. Từ tham gia

chiến dịch đánh Đức Lập và Buôn Ma Thuật đến tiêu diệt sư đoàn 23 và liên đoàn 21 biệt động quân phản kích, giải phóng quận Khánh Dương, tiêu diệt lữ đoàn 3 dù chiếm đèo Mad'Rak - Phụng Hoàng, tham gia giải phóng tỉnh Khánh Hòa - Nha Trang - Cam Ranh.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, sư đoàn đã đảm nhiệm hướng chủ yếu của Quân đoàn 3 thọc sâu vào chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và cùng đơn vị bạn chiếm bộ tổng tham mưu nguy, góp phần rất xứng đáng vào chiến công chung giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng miền Nam thân yêu của Tổ quốc. Trong chiến dịch lịch sử này sư đoàn đã tiêu diệt, bắt sống và truy quét làm tan rã 14.830 tên địch; bắn rơi 5 máy bay, bắn cháy 41 xe tăng, xe thiết giáp địch, phá hủy 48 xe GMC; thu 370 máy bay các loại, gần 100 pháo lớn, trên một nghìn xe các loại cùng toàn bộ kho tàng, thiết bị kỹ thuật tại sân bay Tân Sơn Nhất, đã tiêu diệt gọn một chi đoàn xe tăng, thiết giáp, một tiểu đoàn biệt kích dù, tiêu diệt và làm tan rã lữ dù 4 của địch, đã đánh chiếm và giải phóng Củ Chi, thành Quan Nam, Hóc Môn, trại huấn luyện Quang Trung, sân bay Tân Sơn Nhất và bộ tham mưu quân nguy.

Trên hướng tiến công vào Sài Gòn - Gia Định hơn 400 cán bộ và chiến sĩ của Sư đoàn 10 và các đơn vị phối thuộc đã ngã xuống (hy sinh và bị thương).

Tại hội nghị tổng kết chiến đấu của Quân đoàn 3, tháng 7 năm 1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Tổng tham mưu trưởng đại diện Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp với Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên và là Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh đã đánh giá: “Sư đoàn 10 đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, có thể nói là đặc biệt xuất sắc”.

Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước cho đến giờ phút thiêng liêng, tham gia đánh địch để kết thúc chiến tranh. Sư đoàn 10 đã cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh. Trên ngọn đồi nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kon Tum, sư

đoàn đã có nhà bia tường niệm với hơn mười nghìn liệt sĩ.

Theo con số năm được, chỉ tính từ năm 1965 đến năm 1975 các đơn vị Sư đoàn 10 đã có hơn 7.000 liệt sĩ, quê hương họ ở 30 tỉnh thành trong cả nước. Đến năm 1995 sư đoàn còn 2.883 liệt sĩ chưa tìm thấy hài cốt, quân đoàn và sư đoàn còn phải ra sức tổ chức quy tập mộ liệt sĩ để tìm thêm hài cốt đồng đội.

Lời tường niệm được khắc vào bia đá tại nhà tường niệm (trích): "Đời đời nhớ ơn các Anh. Đất Mẹ ngàn thu ru giấc các Anh. Trời xanh hòa bình tỏa bóng mát cho các Anh. Người người được các Anh tiếp bầu nhiệt huyết đang vững bước trên con đường các Anh đã đi, làm tiếp công việc các Anh để lại.

Xin thề trước vong linh các Anh hùng liệt sĩ. Thế hệ hôm nay và mai sau mãi mãi trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, vượt qua mọi gian nan thử thách xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta. Xin tạc vào bia đá, xin viết lên trời xanh, xin khắc cốt ghi tâm lời thề này và kính cẩn nghiêng mình tưởng nhớ các Anh hùng liệt sĩ".

*** SÀI GÒN NGÀY VÀ ĐÊM 30 THÁNG 4 NĂM 1975**

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã trở thành ngày hội kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Chúng ta, những người dân đất Việt, đã trải qua những năm tháng chống Mỹ đầy mất mát hy sinh từ già đến trẻ, ai cũng coi đó là ngày thiêng liêng nhất trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Kế tiếp cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành được thắng lợi trọn vẹn vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai của chúng, nhân dân Việt Nam không những hoàn thành nhiệm vụ đối với đất nước mình mà còn làm nhiệm vụ của một dân tộc đi tiên phong trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và dân chủ và độc lập dân tộc trên toàn thế giới trong thời đại ngày nay.

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IV đã khẳng định:

“Năm tháng sẽ trôi qua nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử của dân tộc như một trang lịch sử chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

Xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng đến cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, thì nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc đã phát huy một cách triệt để nhất, phong phú nhất so với bất kỳ thời kỳ nào trước đây trong lịch sử dân tộc.

Từ ý nghĩa đó, tôi luôn luôn nhớ đến hình ảnh Sài Gòn trong ngày 30 tháng 4 năm 1975. Giữa trời quang mây tạnh hai cảnh tượng xảy ra trái ngược nhau. Một là cảnh binh lính địch bị bắt và đầu hàng được bộ đội ta thả ra nhiều vô

kế, chúng phải lột chiếc áo lính ngự Việt Nam cộng hòa, đi thất thểu dày đặc suốt trục đường cái, đũa nào về mặt cũng râu rĩ, lùi thúi đi nép vào hai bên đường; có đũa mếu máo khóc. Còn một cảnh là nhân dân thành phố từ già tới trẻ, trai cũng như gái, vui mừng chào đón Quân giải phóng, cờ hoa đỏ rực cả đường phố với tiếng hoan hô vang dội: “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm! Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm, muôn muôn năm!”. Chúng tôi vô cùng cảm động, nhớ tới Bác Hồ vĩ đại. Đồng chí lái xe của tôi tên Vui, không hiểu đã cắt ảnh Bác trên báo Nhân Dân từ lúc nào, nay đồng chí đó đã dán bức ảnh Bác Hồ lên kính, trước chiếc xe Bắc Kinh cũ rích. Nhân dân dọc đường phố thấy ảnh Bác càng chỉ trỏ và hô to hơn, nét mặt ai nấy đều hân hoan rạng rỡ. Các cháu thanh niên và nhi đồng lại lẫn ra đường hòng chặn xe, làm tôi lúng túng vô cùng, vì đang sốt ruột theo cho kịp bộ đội đang nổ súng đánh địch ở phía trước. Tôi đành vẫy tay suốt dọc đường và xin phép bà con mới đi thoát.

Thực tế nói lên rằng suốt hàng chục năm ròng, nhân dân Sài Gòn cùng nhân dân miền Nam sống dưới ách đè nén của đế quốc, tay sai, cực nhục đau đớn trăm bề, thế mà nhân dân không bao giờ quên Bác. Đó là nỗi ấp ủ từ lâu, bây giờ mới được bộc lộ trên nét mặt của mọi người. Có cụ già hơn 70 tuổi ép sát xe tôi hỏi: Các anh có phải bộ đội Nam tiến ngày xưa không?

Tôi trả lời: Thưa cụ, đúng vậy đấy ạ.

Rồi cụ cũng tham gia dọn đường cho chúng tôi đi. Đã ngót 30 năm rồi mà người dân Sài Gòn vẫn còn nhớ đến hồi Nam tiến 1945 - 1946.

Sau khi bám kịp Trung đoàn 24, nắm tình hình và bàn với ban chỉ huy trung đoàn đốc thúc việc đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất xong, tôi liền vào thăm phái đoàn ta ở trại Đa Vít. Sau khi vệ binh vào báo cáo, lập tức đồng chí Hoàng Anh Tuấn và đồng chí Hoàng Bích Sơn cùng phái đoàn ra đón. Chúng tôi ôm chặt lấy nhau rơi nước mắt. Đồng chí Hoàng Anh Tuấn và đồng chí

Hoàng Bích Sơn vừa kể những chuyện mà phái đoàn đã phải sống trong vòng địch. Tôi cảm thấy đó cũng như một mặt trận không đánh địch bằng súng mà đánh địch bằng trí óc và lời nói. Tôi không ngờ sau này về hưu, viết gia phả dòng họ, tôi mới biết Hoàng Anh Tuấn là Hồ Xuân Oanh và Hoàng Bích Sơn là Hồ Liên. Hóa ra ba anh em họ Hồ chúng tôi đã gặp nhau trong thời khắc lịch sử đáng nhớ đó.

Chuyện trò một lúc, chúng tôi xin phép ra sân bay, trong lòng đầy phấn chấn. Phái đoàn liền cử một cán bộ đi xe trước chúng tôi để ra sân bay Tân Sơn Nhất lúc Trung đoàn 24 chiếm trọn toàn bộ sân bay. Tôi trèo lên đài chỉ huy sân bay cao nhất để nghe ngóng tình hình, một lúc sau thì được tin Trung đoàn 28 đột nhập được khu vực Bộ tổng tham mưu nguy. Một lá cờ sao vàng, nửa xanh nửa đỏ đã được cắm lên đỉnh nhà bộ tư lệnh không quân nguy ở sân bay Tân Sơn Nhất; hai lá cờ sao vàng, nửa xanh nửa đỏ khác đã cắm lên đỉnh nóc nhà cơ quan bộ tổng tham mưu quân nguy (một của Trung đoàn 28 Sư đoàn 10 và một của đơn vị Sư đoàn 320b cắm ở bên cạnh nhau).

Mới ngày nào tại đài quan sát chỉ huy của tiểu đoàn pháo binh chúng tôi đã nhìn thấy quân đội viễn chinh Pháp lần lượt kéo cờ trắng đầu hàng ở Điện Biên Phủ (1954) thì giờ đây từ trên đài chỉ huy sân bay, tôi lại được nhìn thấy quang cảnh Sài Gòn được giải phóng, thật là những kỷ niệm khó quên trong cuộc đời mình.

Hà Nội - Xuân 2005

Hết